

TRÊN ĐƯỜNG EMMAU

Một thoáng nhìn về việc đồng hành thiêng liêng

Lm. Giuse Phạm Quốc Văn, OP

LỜI GIỚI THIỆU

Người ta thường nói rằng một buổi hòa nhạc thành công, đòi hỏi ít nhất phải hội đủ ba yếu tố chính: một bản nhạc hay, các nhạc công giỏi và một nhạc trưởng tài ba. Thiếu một trong ba yếu tố đó, khó có thể đạt được một buổi hòa nhạc thành công. Tương tự như thế, một chương trình giáo dục có định hướng và có tầm nhìn về tương lai, bao gồm ít nhất bốn chiều kích chính: chiều kích nhân bản, chiều kích tâm linh, chiều kích tri thức và chiều kích mục vụ.

Có một thời người ta thích dùng phạm trù “*chiêm niệm*” - “*hoạt động*” để phân chia các Dòng. Rồi từ sự phân chia trắng đen này sẽ định vị mức độ đời sống tâm linh cần thiết cho mỗi Dòng. Lối phân chia trên, dĩ nhiên, vẫn tồn tại, nhưng không thể duy trì cách nhìn và tiêu chuẩn đánh giá, ít nhất cho lãnh vực tâm linh.

Chiều hướng thần học tu đức hiện nay chủ ý giúp các Kitô hữu ý thức một cách sâu xa lịch sử cứu độ trong cuộc đời mình và khám phá ý nghĩa cũng như vai trò của mình trong tiến trình cứu độ. “*Để Thần khí của Đức Kitô hoạt động trong ta*” và sống trong tương giao hằng ngày với Thiên Chúa trong đức Tin, Cậy, Mến theo tinh thần của Tin mừng, được coi là yếu tố căn bản của đời sống tâm linh Kitô giáo.

Chính vì vậy, đời sống tâm linh đích thực là biết mở rộng tâm hồn cho tương quan cứu độ, có khả năng nhận diện những biến cố biểu lộ ơn cứu độ và đưa toàn thể con người mình vào trong mầu nhiệm cứu độ của Thiên Chúa.

Trong ý nghĩa đó, mặc dù chương trình đào tạo tu sĩ toàn diện phải bao gồm bốn chiều kích nói trên, tuy nhiên luôn luôn *phải đặt ưu tiên cho đời sống tâm linh*. Theo sắc lệnh về *Canh tân và thích nghi đời sống tu trì*: “*Những ai khẩn tuân giữ các lời khuyên Phúc Âm đều phải tìm kiếm và yêu mến Thiên Chúa trên hết mọi sự, vì Người đã yêu chúng ta trước (x. 1Ga 4,10). Trong mọi hoàn cảnh người tu sĩ phải cố gắng phát triển đời sống ân dật với Chúa Kitô trong Thiên Chúa, vì đó là nguồn và động lực phát sinh tình yêu tha nhân, chủ ý cứu độ nhân loại và xây dựng Giáo hội.*” (PC. 6, a).

Trong thập niên vừa qua, lãnh vực đào tạo nói chung và đào tạo tâm linh nói riêng trở thành nhu cầu khẩn thiết cho các Dòng tu ở Việt Nam. Trong hoàn cảnh khan hiếm tài liệu bằng tiếng Việt, có thể coi “**Trên đường Emmau**” của Phạm Quốc Văn, O.P. như một đóng góp đáng khích lệ cho công tác nhiều khô và diệu vợi

này. Ý thức sự bao la và sâu thẳm của vấn đề, tác giả chỉ muốn khai thác một mảng rất nhỏ, tạm gọi là “*một thoáng nhìn về việc đồng hành thiêng liêng*”.

Thế giới tâm linh là một hành trình thăm thẳm và đồng hành tâm linh là một nghệ thuật, luôn đòi hỏi người sử dụng phải cao tay ẩn. Ngoài ra, có nhiều trường phái, quan điểm và lối lý giải không những khác nhau, mà nhiều khi mâu thuẫn nhau. Tuy nhiên, với văn phong trong sáng và lối trình bày khá khúc chiết, tác giả đã giúp người đọc dễ lãnh hội vấn đề. Hy vọng tập sách nhỏ sẽ mang lại những đóng góp tích cực trong tiến trình phân định và đồng hành tâm linh.

P. Nguyễn Thái Hợp, OP

DẪN NHẬP

Trước khi tìm hiểu đề tài, kính thưa quý độc giả, chúng tôi muốn trình bày thoáng qua một nỗi khát vọng rất sâu xa của con người, đó là nỗi khát vọng tâm linh. Được Thiên Chúa tạo dựng, tự sâu thẳm tâm hồn, con người mang trong mình nỗi khát vọng hồi hương. Thánh Âu Tinh diễn tả rất hay điều này: “*Lạy Chúa, lòng con khắc khoải mãi cho đến khi nào được nghỉ yên trong Chúa*”. Chính nỗi khắc khoải này, là nguồn động lực giúp cho con người tìm về đời sống tâm linh. Vấn đề được trình bày ở đây, ***đồng hành thiêng liêng***, là một mảng rất nhỏ trong hành trình tâm linh của mỗi người Kitô hữu.

Khát vọng tâm linh

Tác giả Thánh vịnh 41 không kém phần ví von thi vị khi dùng hình ảnh con nai vàng khát khao đi tìm dòng nước để diễn tả tâm hồn con người luôn khao khát hướng về Thiên Chúa:

*“Nai rừng mong mỏi
tìm về suối nước trong
hồn con cũng trông mong
được gần Ngài, lạy Chúa”* (41, 2).

Lòng khao khát khôn nguôi này của con người có thể gọi tên một cách khác đó là đời sống tâm linh. Đời sống tâm linh là một nhu cầu không thể thiếu trong đời sống người Kitô hữu. Cũng như bất cứ một tiến trình phát triển tự nhiên nào khác, đời sống tâm linh cũng cần được huấn luyện, để mỗi cá nhân có thể trải nghiệm, trưởng thành, và nên như lời chứng tá.

Nai rừng khát khao tìm nguồn nước, lòng người cũng khắc khoải kiếm tìm khôn nguôi. Có thể nói những khát vọng của con người là khát vọng khôn cùng. Người ta biểu lộ những khát vọng này bằng nhiều cách khác nhau. Xuyên qua những nhu cầu vật chất, tình cảm, danh vọng, địa vị xã hội... con người để lộ cho thấy không gì có thể lấp đầy khát vọng thăm thẳm của lòng mình.

Cũng trong thời đại chúng ta, hơn lúc nào hết, nhiều giáo phái mới ra đời, con người tìm đến những gì là siêu nhiên, là đời sống tinh thần. Đặc biệt những tôn giáo lớn có truyền thống tâm linh sâu xa đã có sức thu hút nhiều người. Tông huấn “*Giáo hội tại Á châu*” số 18, đã gọi tên những hiện tượng này là “con khát nước hằng sống” của con người hôm nay. Khao khát đời sống tâm linh chính là cách thức con người phản tỉnh, phản kháng lại tình trạng trống rỗng của tâm hồn, đi tìm cho đời sống một ý nghĩa, một niềm hy vọng. Mỗi chúng ta, đều như nai khát. Đây là nguồn suối mát trong? Trả lời câu hỏi này không miễn chấp cho mỗi cá nhân phải lên đường tìm kiếm, phải “giác ngộ”. Điều khó khăn là người môn sinh gặp phải quá nhiều thách đố trên bước đường trình.

Thách đố đầu tiên là mỗi môn sinh, theo lẽ thường, phải được một vị thầy khai thị và đồng hành.[1] Nếu thiếu đi sự đồng hành thiêng liêng này, người môn sinh có thể phải mò mẫm mãi, không khéo lại lạc đường, bỏ cuộc. Tiếc thay, thời đại chúng ta không có nhiều vị thầy giàu kinh nghiệm và chuyên chú hẳn vào công việc này.

Thách đố thứ hai là người môn sinh được khuyến khích để lợi ngược dòng; trong khi đó dòng chảy lại mạnh quá, ồ ạt quá: dòng chảy tục hóa, hưởng thụ, thờ ơ, coi nhẹ phẩm giá của con người... Các chọn lựa đi liền với những bậc thang giá trị bị đảo lộn, lòng người không khỏi hoang mang. Đây là những giá trị đích thực trong cuộc sống? Đây là một đời sống đạo đúng nghĩa? Đây là khoảng không tự do mỗi người có thể xoay sở? Hoặc đây là sự dung hoà giữa việc chọn lựa Chúa, với những thực tại đời thường?... Những câu trả lời “theo mẫu in sẵn” có lẽ không thoả mãn được những vấn nạn hiện sinh này. Vẫn cứ phải lợi ngược dòng, đầu lòng chưa xác tín?

Một điều rất thật, mỗi người trẻ hôm nay đều là những “con đẻ của thời đại”, nên trong tư nếp nghĩ, cách hành xử, kiểu xoay sở... đều bị ảnh hưởng những quan niệm, cung cách sống của một lối mòn tục hoá, hưởng thụ, giải trừ huyền nhiệm trong cuộc sống. Cái khó là phải thanh lọc, phải lột xác. Đau lắm! Theo xu hướng chung này, con người rất dễ có nguy cơ đánh mất sự thăng bằng giữa những lo toan bề bộn của cuộc sống và đời sống thiêng liêng. Chúng ta đức tin sống động lúc này cần thiết biết bao! Và rồi đâu phải người môn sinh lúc nào cũng hăng hái, có những lúc chán nản, muốn buông xuôi, bỏ cuộc; ấy là chưa kể những vấp vấp trên hành trình có vẻ như đơn độc dẫu đang cùng đồng hành với nhiều người. Bao bóng mát bên đường vẫn mời gọi, một cảm dỗ muốn dừng chân. Cần sự cảm thông biết bao! Cần được nâng đỡ biết chừng nào! Cuộc hành trình mỗi ngày cứ phải làm mới lại. Mỗi ngày là một khởi đầu, một niềm hy vọng mới. Và như thế, cuộc kiếm tìm chưa kết thúc, nai khát vẫn xa nguồn, vẫn khắc khoải, lòng vẫn một điều canh cánh. Sách Diễm Ca diễn tả một cuộc tìm kiếm Người Yêu, một cuộc gặp gỡ trong tương quan ngôi vị, đó cũng phải là cuộc tìm kiếm và gặp gỡ của mỗi chúng ta:

*“Suốt đêm, trên giường ngủ,
tôi tìm người lòng tôi yêu dấu.*

*Tôi đi tìm chàng mà đâu có gặp!
Vậy tôi sẽ đứng lên, đi rảo quanh khắp thành,
nơi đầu đường cuối phố,
để tìm người yêu dấu của lòng tôi.
Tôi đi tìm chàng mà đâu có gặp!” (Dc 3, 1-2)*

Trong đời sống thiêng liêng, đôi khi mối tương quan giữa ta với Chúa giống như một cuộc trốn tìm. Không ít khi ta cảm thấy Chúa dường như vắng bóng: “*Tôi đi tìm chàng mà đâu có gặp!*”. Nhưng nếu phải nói rõ ráo hơn, Thiên Chúa đi tìm ta, nhiều khi ta đã lẩn mặt Người! Thiên Chúa đã gieo vào lòng chúng ta niềm khát vọng, nỗi khắc khoải khôn nguôi, để rồi chúng ta phải lên đường tìm kiếm Người luôn mãi. Tác giả Thánh vịnh 62 đã diễn tả rất sống động điều này:

*“Lạy Thiên Chúa, Ngài là Chúa con thờ
ngay từ rạng đông con tìm kiếm Chúa.
Linh hồn con đã khát khao Ngài,
tâm thân này mòn mỏi đợi trông,
như mảnh đất hoang khô cằn không giọt nước” (62, 2).*

Ngôn sứ Isaia nhắc nhở chúng ta: Hãy tìm kiếm Chúa khi Người còn cho gặp (Is 55, 1-11), và Thánh vịnh 118 ca ngợi hết lời hạnh phúc của những ai hết lòng tìm kiếm Thiên Chúa (118, 1-8). Những cuộc tìm kiếm này càng tỏ rõ hơn trong những trình thuật Tin mừng. Trong Tin mừng chúng ta bắt gặp sự tìm kiếm của các mục đồng (Lc 2, 1-20), nỗi khát khao của những nhà chiêm tinh đi tìm kiếm Chúa (Mt 2, 1-12). Và rồi chúng ta cũng thấy hình ảnh của Giakêu: Thiên Chúa đi tìm kiếm kẻ tìm kiếm Người (Lc 19, 1-10). Và đây, lời khẳng định của Chúa Giêsu như một bảo đảm cho những ai tìm kiếm Người: “*Anh em cứ xin thì sẽ được, cứ tìm thì sẽ thấy, cứ gõ cửa thì sẽ mở cho*” (Mt 7, 7).

Tuy nhiên, phải nhìn nhận rằng người ta hay hiểu lầm và tách biệt tâm linh như một mảng giữa muôn vàn mảng khác của cuộc sống. Đúng hơn, tâm linh là trọn vẹn đời sống, là cả một tiến trình với không ít những thăng trầm. Ứng với từng lứa tuổi, từng thời điểm khác nhau, tùy hoàn cảnh sống..., con người có những cách cảm nhận, có những cơn khủng hoảng khác biệt; do vậy, vấn đề đồng hành thiêng liêng là một tiến trình dài hạn, kiên nhẫn và bền bỉ. Đây cũng là một thách đố đối với những người thi hành sứ mạng này. Làm sao giúp cho người thụ hưởng có được sự gặp gỡ đích thực với chính Thiên Chúa, chứ không chỉ dừng lại ở những tình cảm hời hợt chóng qua, hay những mớ lý thuyết cao siêu huyền bí. Có thể nói, công việc đồng hành thiêng liêng vừa khơi mở, vừa kiện toàn đời sống tâm linh cho người thụ hưởng và cho chính bản thân người làm công tác hướng dẫn nữa.

Đề tài trình bày

Khởi đi từ những khát vọng như thế, dựa vào mặc khải của Kinh thánh, thần học về đời sống tâm linh, kinh nghiệm của các bậc thầy tâm linh, và vay mượn thêm

những nghiên cứu của khoa tâm lý học, đặc biệt là tâm lý chiều sâu, người viết muốn tìm hiểu một mảng rất nhỏ trong hành trình đời sống tâm linh, đó là việc **đồng hành thiêng liêng**. Mong sao một chút suy tư và tìm kiếm này giúp bản thân ý thức và tìm ra lối ngõ nào đó cho hành trình tâm linh của mình; và biết đâu những suy tư này cũng có thể khuyến khích ai đó trên bước đường tìm kiếm hay giúp đỡ người khác kiếm tìm Thiên Chúa.

Về vấn đề từ ngữ, hạn từ “*đồng hành thiêng liêng*” ở đây được dùng thay thế cho hạn từ quen thuộc từ trước tới giờ: “*linh hướng*”. Theo nguyên ngữ: *direction spirituelle* (Pháp ngữ) hay *spiritual direction* (Anh ngữ) thường được hiểu là hướng dẫn về đường tâm linh, tiếng Việt dịch ra là *linh hướng*. Cứ theo ngữ nghĩa thì cách gọi này bao hàm sự hướng dẫn, chỉ dạy và bắt buộc người thụ huấn phải theo. Điều này giả thiết một người đóng vai thầy, một người đóng vai trò; trò lãnh nhận sự chỉ giáo từ chính kinh nghiệm và đời sống của thầy. Mỗi tương quan thầy - trò này cách nào đó tạo nên tính cách thụ động nơi người thụ hướng, tạo nên hố ngăn cách làm cho hai người không thể ngang hàng với nhau được (trò không thể bằng thầy); và đặc biệt còn làm mờ nhạt đi vai trò của vị thầy đích thực là Chúa Thánh Thần, vị thầy mà cả người linh hướng và người thụ hướng đều phải lắng nghe. Do vậy, ngày nay người ta ưa dùng từ ngữ khác: “*đồng hành*” (*accompagnement*), nhằm giảm bớt khoảng cách phân biệt giữa đôi bên. Đôi khi một số tác giả cũng vay mượn một từ ngữ khác của khoa tâm lý: “*tư vấn*”[2] (*counseling*), nhằm nêu bật tính cách bàn hỏi, trong bầu khí tự do, và có tính cách như một lời khuyên chứ không buộc phải dứt khoát thi hành.

Nhiều tác giả khi viết về đề tài này đều quen dùng hạn từ “*linh hướng*”[3], có nghĩa là hướng dẫn tâm linh, hướng dẫn linh hồn...; và từ đó nảy sinh những từ ngữ như: “*cha linh hướng*”, “*cha linh hồn*”, “*con thiêng liêng*”... Những cách nói này dễ hiểu, tuy nhiên cũng có những nghĩa hàm hồ, giới hạn. Nếu có “*cha linh hồn*” thì cũng có thể có “*mẹ linh hồn*” hay “*em linh hồn*”! Nếu nói là “*cha linh hướng*” thì người ta có thể hiểu cha linh hướng là người chủ động tất cả, có chương trình, có kế hoạch cụ thể và bắt người thụ hướng phải tuân theo. Tuy nhiên, thực chất của việc “*linh hướng*” không phải là như thế; không chỉ có các linh mục mới làm được công việc này mà là cả các nam nữ tu sĩ hay thậm chí là người giáo dân cũng làm được. Hơn nữa, “*linh hướng*” không phải hoàn toàn là tự mình hướng dẫn linh hồn người khác, mà chỉ là đồng hành, chia sẻ, cùng họ lắng nghe và tìm ra thánh ý Chúa, giúp họ tìm ra con đường chính Chúa muốn họ đi. Cả người đồng hành và người được đồng hành đều phải ngoan ngoãn nghe theo sự hướng dẫn của Thánh Thần, vị đồng hành đích thực.

Trong bài viết, đôi chỗ chúng tôi dùng song song cả hai hạn từ này, nhưng về nội dung thì phải hiểu “*linh hướng*” theo nghĩa là “*đồng hành thiêng liêng*” chứ không theo nghĩa hạn hẹp của hạn từ đó như chúng ta đã phân tích.

Về nội dung tập sách này, chúng tôi không có tham vọng tìm hiểu mọi vấn đề liên quan đến việc đồng hành thiêng liêng, hơn nữa đó cũng là một điều vọng tưởng vượt quá khả năng của người viết. Tập sách cũng không nhằm trình bày những cách

thức đồng hành cụ thể ứng với từng đối tượng theo bậc sống, lứa tuổi, giới tính, hoặc theo từng hoàn cảnh sống cụ thể..., mà chỉ muốn trình bày một số nguyên tắc, một số nét cơ bản quan trọng trong việc đồng hành thiêng liêng. Từ những nguyên tắc căn bản này, chúng ta có thể rút ra phương cách thực hành trong những trường hợp cụ thể. Không thể có một cách thức thực hành nào chung cho mọi đối tượng, nhưng chúng ta có thể áp dụng một nguyên tắc chung cho mọi tình huống.

Về bố cục, ngoài phần dẫn nhập và kết luận, chúng tôi chia tập sách thành ba phần:

Phần I: Dẫn vào việc đồng hành thiêng liêng. Trong phần này, xin trình bày khái niệm căn bản về việc đồng hành thiêng liêng, đưa ra một số phân biệt cần thiết, một số nguyên tắc để đồng hành như: lắng nghe, phân định; kể đến là tìm hiểu nền tảng Kinh thánh và lịch sử của việc đồng hành. Cụ thể, phần I này gồm ba chương: Chương I - Khái quát về việc đồng hành thiêng liêng, chương II - Nền tảng Kinh thánh, và chương III - Lịch sử việc đồng hành.

Phần II: Các mối tương quan trong việc đồng hành thiêng liêng. Phần này chủ yếu nói về hai mối tương quan đặc biệt: Chương I - Tương quan giữa người được đồng hành với Thiên Chúa, mối tương quan này là yếu tố then chốt làm cho cuộc đồng hành thiêng được hiển lộ; chương II - Tương quan giữa người đồng hành với người được đồng hành: tuy vị đồng hành chỉ đóng vai trò trung gian, nhưng nếu mối tương quan này không được thiết lập đúng đắn, thì người thụ hưởng sẽ ít có cơ may dò tìm ra được thánh ý Thiên Chúa; và ngoài ra, ở chương III, xin được đề cập đến những trục trặc, những khó khăn trong mối tương quan giữa vị đồng hành và người thụ hưởng.

Phần III: Những phẩm tính và bổn phận trong việc đồng hành thiêng liêng. Phần này trình bày những phẩm tính cần thiết và những nhiệm vụ của cả vị đồng hành lẫn người thụ hưởng, cụ thể gồm hai chương: Chương I - Nói về phía người đồng hành, và chương II - nói về phía người được đồng hành.

Giải thích đề tựa

Với nội dung, bố cục như trên, xin được trình bày thêm đôi nét để giải thích lý do tại sao chọn đề tựa cho tập sách này là “*TRÊN ĐƯỜNG EMMAU*”.

Trước hết, đây là ý tưởng rút ra từ Kinh thánh: trong Tin mừng thứ ba, thánh sử Luca sau khi trình bày sự kiện ngôi mộ trống, và việc Đấng Phục Sinh hiện ra với các phụ nữ khi họ ra viếng mộ, các bà về kể lại sự kiện cho Nhóm Mười Một, nhưng các ông cho là chuyện lẩn thẩn nên không tin; [4] thánh sử còn tường thuật sự kiện Đức Giêsu sau khi phục sinh đã hiện ra với hai môn đệ trên đường Emmau, khi các ông đang thất vọng về việc Thầy mình đã chết. Đức Giêsu giả làm khách bộ hành và cùng đi trên lộ trình với hai môn đệ đó, Người tham gia câu chuyện, và dùng Kinh thánh mà mở trí cho các ông, nhưng lòng các ông mê muội không nhận ra Người. Cuối cùng, trong khi đồng bàn, lúc chúng kiến cử chỉ bẻ bánh, hai môn đệ đã nhận ra vị khách bộ hành không là ai khác mà là chính Đức Giêsu, Đấng mà các ông đang

âu sâu buồn bã vì Người đã chết. Sau khi nhận ra Người, các ông đã vội vã lên đường làm chứng, loan báo về một Đấng Kitô đã chết và nay đang sống.[5] Đó cũng chính là nội dung của những lời loan báo Tin mừng đầu tiên (Kerygma) của Giáo hội tiên khởi.

Theo trình thuật Tin mừng trên, chúng ta có thể nói cuộc gặp gỡ giữa Đức Giêsu và hai môn đệ Emmau là một cuộc đồng hành thiêng liêng đích thực, trong đó: Đức Giêsu là vị đồng hành, hai môn đệ là những người thụ hưởng, và nội dung cuộc trao đổi giữa Đức Giêsu và hai môn đệ là chính nội dung của cuộc đồng hành.

Trong ý hướng ấy, để trình bày việc đồng hành thiêng liêng, ứng với ba phần như đã giới thiệu, chúng tôi chọn đề tựa cho tập sách này là **“TRÊN ĐƯỜNG EMMAU”**. Mong sao những điều chúng ta sẽ tìm hiểu mở ra một hành trình Emmau mới, giúp cho những môn sinh mới bước đầu trên hành trình tâm linh, có thể gặp được Đức Giêsu là vị đồng hành đích thực, thông qua vị đồng hành là những người được Thiên Chúa tuyển chọn, được trao phó sứ mạng hướng dẫn anh em mình.

Xin được chân thành tri ân các bậc cha anh, đặc biệt là cha Phêrô Đặng Xuân Thành, đã đóng góp những ý kiến quý báu; cha Phaolô Nguyễn Thái Hợp đã đọc bản thảo và viết lời giới thiệu; những người bạn đã giúp trình bày bìa và ấn hành, để tập sách khiêm tốn này có thể đến với quý độc giả hôm nay. Chúng tôi cũng không quên ghi ơn những tác giả và dịch giả của các tập sách, các bài viết mà chúng tôi có dịp được tham khảo và trích dẫn trong tập sách này.

Cuối cùng, tập sách nhỏ trên tay quý vị cũng mới chỉ là những bước khởi đầu trên hành trình tìm kiếm, nên những thiếu sót và thiếu cận chắc hẳn khó lòng có thể tránh khỏi. Rất mong nhận được sự góp ý của các bậc cao minh và sự đồng hành của các bậc thầy tâm linh lão luyện.

Lm. Giuse Phạm Quốc Văn, OP

[1] Bộ giáo luật hiện hành nói đến việc đồng hành thiêng liêng ở các số 239 § 2; 240 §2; 246 §4; 630 §1.5; 719 §4. Trong các văn kiện gần đây của Tòa thánh, việc đồng hành thiêng liêng được đề cập đến ở: *Những chỉ dẫn về việc huấn luyện trong các Hội dòng*, số 63 (Bộ các Hội dòng tận hiến, ngày 2.2.1990); Tông huấn *Pastores dabo vobis*, số 67 và 81 (Đức Gioan Phaolô II, ngày 25.3.1992)

[2] Từ này không được sử dụng phổ biến lắm vì dễ gây ngộ nhận, đồng hoá việc đồng hành thiêng liêng với việc tư vấn tâm lý thuần túy hay ngay với cả việc tư vấn mục vụ.

[3] Ví dụ một số sách như:

. Khuyết danh, *Thực hành linh hướng*, Sài Gòn, 1978, bản ronéo.

. Francis Kelly Nemeck, OMI, Marie Theresa Coombs, Hermit, *The way of sipiritual direction, phương pháp linh hướng*, người dịch: Lm. Nguyễn Hưng,

lưu hành nội bộ, 2000.

. Fr F Antonisamy, *An introduction to Christian spirituality*. St. Pauls Press, 2000...

[4] Xc. Lc 24, 1-11.

[5] Xc. Lc 24, 13-35.

Phần I:

DẪN VÀO VIỆC ĐỒNG HÀNH THIÊNG LIÊNG

Chương I: ĐỒNG HÀNH THIÊNG LIÊNG LÀ GÌ?

I. Khái Niệm

1. Khái quát về việc đồng hành
2. Phân biệt giữa tâm lý và tâm linh
3. Phân biệt giữa siêu ngã và tâm linh
4. Phân biệt giữa đồng hành thiêng liêng và tư vấn hay trị liệu tâm lý
5. Phân biệt giữa đồng hành thiêng liêng và tư vấn mục vụ

Đồng hành thiêng liêng là gì? Đồng hành thiêng liêng có thực là một nhu cầu cần thiết trong hành trình đời sống tâm linh hay không? Có bắt buộc mọi người phải đi nẻo đường này mới tìm thấy thánh ý Thiên Chúa? Việc đồng hành thiêng liêng có phải là tác vụ dành riêng cho những thừa tác viên có chức thánh? Và bản chất của việc đồng hành thiêng liêng là gì? Đồng hành thiêng liêng cũng chỉ là tư vấn tâm lý hay tư vấn mục vụ? Đồng hành thiêng liêng có giống với việc lãnh bí tích Hoà giải không? Kinh thánh có nói gì về vấn đề này?... Chúng ta có thể liệt kê hàng loạt những câu hỏi tương tự như vậy cho vấn đề đang được đề cập. Có lẽ những vấn nạn sẽ sáng tỏ phần nào khi chúng ta tìm hiểu ba chương đầu của phần I này. Chúng ta đi vào câu hỏi căn bản thứ nhất:

Chương I: ĐỒNG HÀNH THIÊNG LIÊNG LÀ GÌ?

I. Khái niệm

Trước tiên, chúng ta cần có cái nhìn khái quát về việc đồng hành thiêng liêng là gì; sau đó rất cần phải có sự phân biệt, đầu là sơ sài, thế nào là sự khác biệt giữa tâm lý và tâm linh, giữa siêu ngã và tâm linh, giữa đồng hành thiêng liêng và tư vấn

tâm lý hay trị liệu tâm lý, giữa đồng hành thiêng liêng và tư vấn mục vụ. Rất thường khi, người ta hay lẫn lộn giữa các lãnh vực này với nhau; và cũng không ít khi vấn đề trở nên phức tạp hơn khi chúng đan xen vào nhau. Do vậy, việc phân tích những khác biệt này ngay từ lúc đầu là việc làm cần thiết.

1. Khái quát về việc đồng hành

Chúng ta có thể hiểu nôm na đồng hành thiêng liêng là việc gặp gỡ đối thoại thân thiện giữa hai người trong mối tương quan ngôi vị, để cùng giúp nhau đạt đến sự tự do của con cái Chúa, sự hoàn thiện Kitô giáo, thông qua việc lắng nghe, phân định, và đặc biệt là cùng nhau cầu nguyện.^[1]

Đồng hành thiêng liêng là một nghệ thuật hướng dẫn các linh hồn cách tiệm tiến từ lúc khởi đầu đời sống thiêng liêng cho đến khi đạt đến đỉnh cao của sự hoàn thiện Kitô giáo. Đồng hành thiêng liêng là nghệ thuật theo nghĩa như một khoa học ứng dụng. Dưới sự hướng dẫn của sự khôn ngoan siêu nhiên, khoa học này ứng dụng cho từng trường hợp riêng biệt những nguyên tắc thần học về sự hoàn thiện Kitô giáo. Với mục đích đạt tới sự hoàn thiện, người đồng hành không được phép đột giai đoạn, nhưng phải tuân theo quy luật tiệm tiến, ứng với từng khả năng lãnh hội, tùy tình trạng tâm hồn, tinh thần đạo đức và nhu cầu của người được đồng hành lúc ấy mà có những hướng dẫn cho phù hợp. Đây không phải là việc làm cấp tốc, kết quả thấy trước mắt trong ngày một ngày hai, mà là cả một tiến trình bắt đầu từ khi tâm hồn quyết định rõ ràng theo con đường hoàn thiện Kitô giáo cho tới khi đạt đến đỉnh cao của sự trọn lành đó.^[2]

Tiến đến sự trọn lành là lời mời gọi chung dành cho mọi Kitô hữu; mỗi người có thể đi một nẻo đường khác nhau, như trong lịch sử linh đạo chúng ta thấy có ơn gọi làm Tông đồ, có con đường ẩn tu, có nẻo đường tử đạo, có linh đạo Biển Đức, Phan Sinh, Đa Minh, Cát Minh, Y Nhã, Vinh Sơn, La San, Charles de Foucauld... Tuy nẻo đường có thể khác nhau, nhưng mục đích đều nhắm đến sự hoàn thiện Kitô giáo, nhắm đến đức ái trọn hảo. Việc đồng hành thiêng liêng đóng vai trò quan trọng trong tiến trình thăng tiến đời sống tâm linh của mỗi người. Tùy theo hoàn cảnh, cá tính, ơn gọi... mỗi người có thể thích hợp với một đoàn sủng riêng, với sự hướng dẫn cụ thể và cá vị.

Tầm quan trọng của việc đồng hành thiêng liêng đối với đời sống tâm linh được chú trọng cách riêng với thánh Inhaxiô Loyola. Việc đồng hành thiêng liêng nằm trong toàn bộ tiến trình “linh thao” nhằm giúp cho đương sự “phân định thần khí”. Kể từ thời cải cách của Công đồng Trentô, vai trò đồng hành thiêng liêng coi như “tất yếu” trong hành trình tâm linh, đặc biệt đối với các chủng sinh và tu sĩ. Hiến pháp của nhiều dòng tu đòi hỏi phải có sự hiện diện của cha linh hướng trong quá trình đào tạo.^[3]

Phần lớn các tác giả tu đức và các Đấng sáng lập dòng đều nhấn mạnh đến sự cần thiết của việc linh hướng hay đồng hành thiêng liêng. Tuy nhiên, cũng có những dòng tu, hiến pháp không buộc phải có cha linh hướng,^[4] nhưng trong cung cách

thực hành, thì hiến pháp cũng trừ liệu những vị có trách nhiệm hướng dẫn về đời sống tinh thần: Giám sư tập sinh, Giám sư sinh viên... giữ vai trò như một vị đồng hành, dĩ nhiên chúng ta hiểu theo nghĩa rộng của hạn từ này.

Như vậy, nếu nói một cách rõ ràng, Thiên Chúa hướng dẫn mỗi người nên thánh theo con đường thích hợp nhất, cá biệt; cho dù là họ cùng sống, cùng chia sẻ một đoàn sủng. Có khi Thiên Chúa trực tiếp hướng dẫn họ, đồng hành với họ không thông qua trung gian là sự đồng hành của con người. Thế nhưng, Thiên Chúa thường theo tiến trình sự phạm tiệm tiến, muốn con người đi trên chính bước chân của mình với sự cộng tác của anh em đồng loại để khám phá ra Thiên Chúa, đáp lại lời mời gọi yêu thương của Người và tiến bước trên con đường hoàn thiện.

Như vậy việc đồng hành thiêng liêng đóng vai trò trợ giúp chứ không phải tuyệt đối cần thiết cho sự hoàn thiện hay phần rỗi của mỗi người. Cũng cần phân biệt sự đồng hành thiêng liêng với một số tác vụ khác trong Hội thánh. Công việc này không nhất thiết là tác vụ riêng dành cho các thừa tác viên có chức thánh. Người ta có thể lẫn lộn vai trò của Cha giải tội với vai trò của vị đồng hành. Trong quá khứ, người ta thường phân biệt việc giải tội và việc đồng hành thiêng liêng theo mục đích và chất thể: xưng tội giới hạn vào việc xưng thú tội lỗi (kể cả tội nhẹ) để lãnh ơn tha thứ; còn đồng hành thiêng liêng thì mở rộng cả đến việc bày tỏ khuynh hướng của bản thân, trình trạng của linh hồn, những điểm hay điểm dở, những đam mê tật xấu, chước cám dỗ, ơn soi sáng của Thánh Thần, cách thức cầu nguyện, mối tương quan với Chúa, mối ưu tư khắc khoải... Ngoài sự phân biệt xét về bản chất, còn nhiều phân biệt khác không kém phần quan trọng:

- Sự phân biệt giữa “luân lý” và “tu đức”: một bên dựa trên điều truyền buộc (phải tuân giữ mười điều răn Đức Chúa Trời để được cứu độ), một bên dựa trên các lời khuyên (thực hành các nhân đức để nên trọn lành).

- Chỉ các linh mục mới có quyền ban ơn tha tội (cử hành bí tích Hoà giải), còn việc đồng hành thiêng liêng thì có thể do một người khác không cần có chức thánh đảm nhiệm.^[5]

Ngày nay, những tiêu chuẩn phân biệt trên được xét lại với cách nhìn tích cực hơn. Tất cả mọi Kitô hữu đều được mời gọi nên thánh; họ không thể chỉ an phận với việc tránh tội (để khỏi phải mất linh hồn, khỏi sa hoả ngục), nhưng còn phải nỗ lực để trở nên hoàn thiện nữa. Như thế, việc “xưng tội nhẹ” cũng mang chiều kích đồng hành thiêng liêng rồi, vì đó là một trong những cách thức thực hành “nhân đức” (tội nhẹ không buộc phải xưng) để tiến đến đời sống hoàn thiện Kitô giáo.

Như thế, cha giải tội có thể là chính vị đồng hành thiêng liêng; nhưng nếu người đồng hành thiêng liêng không phải là linh mục thì không được quyền giải tội, điều này là hiển nhiên, và Giáo hội cấm bất cứ ai không phải là linh mục xen vào các vấn đề lương tâm, cho dù vị ấy là bề trên của đương sự đi nữa.^[6]

Sau khi có cái nhìn khái quát về việc đồng hành, chúng ta cùng tìm hiểu sự phân biệt tinh tế giữa việc đồng hành và một số lãnh vực khác.

2. Phân biệt giữa tâm lý và tâm linh

Thật khó phân biệt rạch ròi đâu là biểu hiện của tâm lý thuần túy, đâu là biểu hiện của tâm linh. Thường thì hai chiều kích này đan xen vào nhau trong cùng một con người, bởi vì con người là xác và hồn, là “tinh thần nhập thể”; và ân sủng thì lại không phá đổ tự nhiên nhưng đặt nền trên chính tự nhiên, thâm vào tự nhiên, nâng cao, biến đổi và làm cho tự nhiên trở nên cao cả. Chính vì vậy, có nhiều hiện tượng mang dáng dấp thần bí và bất thường, mà cho đến nay khoa học vẫn chưa thể lý giải thoả đáng được,^[7] nhưng có bằng chứng chắc chắn là những hiện tượng này thuộc lãnh vực tự nhiên. Tuy nhiên, theo khía cạnh phân định thần khí, cần phải giải quyết những hiện tượng có dáng dấp như những hiện tượng thần bí đích thực, nhưng lại có nguồn gốc tự nhiên hay pha trộn một cách nào đó với siêu nhiên. Con người không thể nắm bắt hết được những quy luật vận hành của tự nhiên, cũng như không biết hết được những gì tự nhiên có thể thực hiện; thế nhưng, có một nguyên tắc rất căn bản chúng ta có thể áp dụng để phân định, đó là nguyên tắc “bất mâu thuẫn”. Theo nguyên tắc này, trong bất cứ một sự kiện nào nếu chắc chắn không phát xuất từ siêu nhiên thì có thể giải thích là do tự nhiên (hay do ma quỷ).

Phân biệt được tâm lý và tâm linh là việc cần thiết khi tiếp xúc với những người nói rằng họ có những cảm nghiệm khác thường. Trong trường hợp này người làm công việc đồng hành phải hết sức thận trọng. Có hai thái cực cần phải tránh: công nhận là siêu nhiên hay phép lạ bất cứ một hiện tượng nào bất thường, hoặc không chấp nhận bất cứ điều gì ngoài hiện tượng tự nhiên.^[8] Thái độ tốt nhất lúc này có lẽ là người đồng hành thiêng liêng không nên bận tâm suy nghĩ xem một kinh nghiệm khác thường thực sự là đúng hay sai; đừng âm ỉ về chuyện đó; cũng đừng vội nói đến những “ơn lạ”;^[9] nhưng tốt nhất, hãy quay về trọng tâm của vấn đề là giúp người đang được mình đồng hành nhận ra thánh ý Thiên Chúa, sống trong tình thương của Thiên Chúa và của tha nhân.^[10]

Các hiện tượng có tính cách tâm lý thường phát xuất từ những nguyên nhân tự nhiên như: các nhân tố thuộc sinh lý hay thể chất, óc tưởng tượng, [11] tình trạng suy nhược, đau bệnh, đặc biệt là chứng rối loạn về thần kinh.^[12] Để có được sự phân định chính xác về những hiện tượng nào mang dáng dấp của tình trạng suy nhược này, đôi khi cần phải nại đến các chuyên gia về tâm lý và y học. Trên cơ sở kiểm chứng của họ, người đồng hành thiêng liêng có thể có được sự phân định đúng đắn.

Một hiện tượng rất thường hay gặp liên quan đến những đồ vỡ trong quá khứ, có thể gọi tên là *ý thức về tội lỗi*, ý thức này dẫn tới tâm tình hoán cải; tuy nhiên, không phải lúc nào con người cũng có được ý thức về tội lỗi đúng nghĩa, mà nhiều khi chỉ là hiện tượng tâm lý thuần túy, đó là *mặc cảm tội lỗi* mà thôi. Không ít người đã được giáo dục trong một bầu khí đầy cảm đoán, sợ hãi; trong những bài giáo lý, bài giảng... đâu đâu con người cũng được nhồi nhét những lệnh cấm, những tội lỗi và hình phạt...; rất cuộc, tự vô thức, con người luôn mang mặc cảm tội lỗi; và trong việc thực hành tâm linh, những tảng băng ngầm vô thức này luôn trôi lên chi phối

đời sống con người. Việc phân biệt đâu là siêu ngã, đâu là tâm linh cũng chẳng phải là một việc làm đơn giản.

3. Phân biệt giữa siêu ngã và tâm linh

Siêu ngã là một phần nhân cách của con người, nó kiểm soát và chi phối những hoạt động của con người, mà nhiều khi không thể nào cưỡng lại được. Có những người bị siêu ngã “thống trị”, và suốt đời mang mặc cảm tội lỗi, thấy mình đáng nguyên rủa, đáng bị người khác hành hạ... Những vô thức này thể hiện qua những hình thái mang màu sắc tâm linh, như một thái độ ăn năn sám hối, khiêm tốn, hãm mình, đau khổ về những sai lầm trong quá khứ... Điều khó khăn là làm sao phân biệt đâu là những biểu hiện của siêu ngã, đâu là biểu hiện của đời sống tâm linh đích thực.

Khởi đi từ những nỗi sợ hãi, những sang chấn tâm lý từ thời niên thiếu, con người có thể bị “lập trình”, “vô thức hoá”, “nội tâm hoá” những mệnh lệnh cấm đoán, những quy chuẩn luân lý... và biến tất cả thành một cấu trúc kiểm soát và phê phán thường trực bên trong chính tâm lý của mình, cấu trúc mà Sigmund Freud gọi là siêu ngã; đây chính là nguồn ngọn của mọi “áy náy lương tâm” hay mặc cảm tội lỗi. Chính vì vậy:

“Mặc cảm tội lỗi sẽ nói lên một thiếu sót so với nền luân lý “nội tâm” kia. Nó giả thiết một đạo lý, nhưng đạo lý đó phải được nội tâm hoá: một cấu trúc nơi đương sự làm chứng nhân danh đạo lý ấy... Trong chừng mực mà trẻ một cách nào đó tự đồng hoá với người cha đầy rắn đe, thì nó sẽ nội tâm hoá lời giáo huấn ấy, đó là chìa khóa để được người khác yêu thương và quý mến”^[13]

Khi nào mặc cảm tội lỗi trôi lên, khi đó “nhu cầu bị phạt” - một nhu cầu bệnh hoạn - cần được đáp ứng; đây chính là biểu hiện của tâm bệnh chứ không phải là biểu hiện của tâm linh. Hơn nữa, thông thường mặc cảm tội lỗi như thế là biểu hiện lòng tự trọng bị tổn thương, hơn là biểu hiện lòng sám hối vì cảm nhận được lòng yêu thương thực sự của Thiên Chúa. Họ thường thất vọng về chính mình, vì bản thân không làm được những điều như mình muốn. Sự hối tiếc quy ngã này không phải là thái độ đúng đắn trên lộ trình thiêng liêng, mà chỉ làm con người thêm thất vọng về mình mà thôi.

Hối hận theo đúng nghĩa Kitô giáo là thái độ khiêm hạ trước nhan Thiên Chúa, vì đã không đáp trả được lòng yêu thương của Người, hoặc đã đáp trả bằng thái độ vô ơn bất nghĩa. Một khi ý thức mình đã xúc phạm đến tình yêu, làm tổn thương tình yêu, con người phải biết cậy trông và tin tưởng vào tình thương hải hà của Thiên Chúa, chạy đến với Người để được thứ tha. Thái độ ân hận phải được khởi đi từ một ý thức như thế, chứ không phải là sự quy ngã, hay hành động theo thúc đẩy của vô thức. Thái độ quy ngã chỉ tăng thêm lòng tự ái và thậm chí còn làm cho tội ra nặng thêm; ngược lại, lòng sám hối thực tâm (sám hối vì yêu mến, vì nhận ra tình thương của Chúa mà can đảm “trở về”) sẽ lôi kéo tình thương của Thiên

Chúa, và chính tình thương ấy nâng đỡ, biến đổi, chữa lành những đổ vỡ trong tâm hồn.^[14]

Công việc của người đồng hành thiêng liêng là làm sao giúp cho người thụ hưởng tự hoà giải được với chính mình, với tha nhân và với Thiên Chúa; hoàn toàn chấp nhận được những yếu đuối của bản thân trong thái độ khiêm tốn, tin tưởng và bình an. Thánh Phaolô chẳng nói rằng “*Tôi cảm thấy vui sướng khi mình yếu đuối... Vì khi tôi yếu chính là lúc tôi mạnh*”^[15] đó sao? Thiên Chúa không phải là Đấng độc đoán, nghiêm khắc và dữ tợn như những hình ảnh của siêu ngã bày ra.

Một khi con người thoát ra khỏi vòng kiểm soát của siêu ngã và có được mối tương quan ngôi vị với Thiên Chúa, nhận ra Người là Đấng yêu thương, tha thứ, thì con người mới có thể có lời đáp trả đúng đắn, và bắt đầu tiến bước trên đường thiêng liêng qua chính nẻo đường riêng tư Thiên Chúa dành cho họ.

Chúng ta chuyển sang sự phân biệt khác, phân biệt giữa đồng hành thiêng liêng và tư vấn tâm lý hay trị liệu tâm lý. Việc tư vấn tâm lý hay trị liệu tâm lý đang là vấn đề nổi bật của xã hội chúng ta ngày nay.

4. Phân biệt giữa đồng hành thiêng liêng và tư vấn tâm lý hay trị liệu tâm lý

Ở thời đại chúng ta hôm nay, vấn đề tư vấn tâm lý đang hết sức thịnh hành. Người ta bết tắc không tìm ra hướng đi cho cuộc sống, đổ vỡ trong các mối tương quan bè bạn, công việc, nhất là trong mối tương quan hôn nhân gia đình. Thoạt tiên, người ta có thể lầm lẫn việc đồng hành thiêng liêng với những kiểu tư vấn tâm lý như thế. Đặc biệt là việc trị liệu tâm lý; càng ngày chúng ta càng chứng kiến con người gặp nhiều khủng hoảng, căng thẳng (stress), cuộc sống của họ bị xô lệch, vỡ vụn, và bản thân họ không thể nào tự tìm lại được thể quân bình, phải cần đến sự can thiệp của những chuyên gia tâm lý. Điều trị bằng phân tâm học là một hình thức điều trị dựa trên các mối quan hệ, nhà phân tâm sẽ giúp cho thân chủ nhìn rõ được con người thật của mình thông qua việc lắng nghe, phản hồi; từ đó thân chủ có thể được kéo ra khỏi vùng vô thức và điều chỉnh lại các mối tương quan của mình cho quân bình hơn. Việc trị liệu tâm lý này cũng thường bị lầm lẫn với việc đồng hành thiêng liêng. Ở đây, xin nêu ra những tiêu chuẩn căn bản để phân định sự khác biệt tinh tế này. Fr F. Antonisamy đưa ra ba tiêu chuẩn rất cụ thể để phân biệt:^[16]

1. Tư vấn tâm lý là cố gắng tìm trạng thái cân bằng cho người tư vấn, giúp họ lấy lại được thể đứng quân bình về tâm lý cũng như tư tưởng; còn đồng hành thiêng liêng là cố sao giúp cho họ có được mối tương quan với Thiên Chúa, mối tương quan ngôi vị, quân bình và bằng an.

2. Nền tảng của việc tư vấn tâm lý là khoa học nhân văn, nghĩa là từ một hệ thống thu tập những nguyên tắc cũng như nhu cầu chung của con người, người tư vấn giúp họ (thân chủ) khám phá và tìm ra cách thức thoả mãn cũng như cân bằng những nhu cầu ấy; còn nền tảng của việc đồng hành thiêng liêng là chính sự can thiệp của Thiên Chúa, nhìn từ góc độ ân sủng và tình thương của Người.

3. Công việc chính yếu của tư vấn tâm lý là điều chỉnh những rối loạn cảm xúc; còn việc chính yếu của đồng hành thiêng liêng là điều chỉnh những “rối loạn” về đời sống đức tin và luân lý.^[17]

Từ những nguyên tắc trên, chúng ta có thể phân biệt một cách chung chung giữa tư vấn tâm lý và việc đồng hành thiêng liêng:

- Tư vấn tâm lý căn bản là thoả mãn những yêu cầu, vãn nạn của thân chủ về mặt tâm lý, xã hội; còn đồng hành thiêng liêng là hướng dẫn cho người thụ hưởng về đường tâm linh, giúp họ thiết lập mối tương quan tốt đẹp với Thiên Chúa, và tìm ra được con đường Thiên Chúa muốn họ đi.

- Những người xin tư vấn tâm lý muốn tìm những lời khuyên, những giải pháp mang tính cấp thời để điều chỉnh tình trạng mất thăng bằng của mình; những giải pháp này đến từ phía con người và nhiều khi chỉ là giải pháp tạm thời, chữa cháy. Việc đồng hành thiêng liêng không phải chỉ là chờ đợi những lời khuyên, những giải pháp, mà bản thân người được đồng hành phải thiết lập được mối tương quan căn đở với chính Thiên Chúa; chỉ có Người mới là giải pháp tối hậu hay đích điểm của hành trình tâm linh.

- Trong việc tư vấn tâm lý, nhà tư vấn giữ vai trò quan trọng, nếu không muốn nói là quyết định; còn trong việc đồng hành thiêng liêng, Người đồng hành chỉ đóng vai trò hướng dẫn, còn vai trò chính vẫn là Thiên Chúa, Đấng mà cả người đồng hành và người được đồng hành cũng đều phải lắng nghe.

Những phân biệt trên chỉ là những điểm gợi ý rất thoáng qua. Thực ra, rất khó có thể phân biệt rạch ròi được sự khác biệt tinh tế giữa những điều liên quan đến tâm lý và tâm linh, tư vấn và đồng hành. Tuy nhiên, những phân biệt này, dầu cho rất sơ sài, cũng là việc làm cần thiết không thể coi nhẹ. Chính vì thế, chúng ta cùng tìm hiểu một khía cạnh khác nữa trong việc đồng hành, đó là:

5. Phân biệt giữa đồng hành thiêng liêng và tư vấn mục vụ

Nếu không phân tích sâu xa, chúng ta rất dễ lầm tưởng đồng hành thiêng liêng và tư vấn mục vụ là một. Tư vấn trong mục vụ là một loại tư vấn đặc biệt, phân biệt hẳn với các loại tư vấn khác xét về phương pháp và định hướng.^[18]

Các nhà tư vấn mục vụ trước tiên phải là những người sống đức tin và nắm giữ các giá trị Kitô giáo. Niềm tin và các giá trị này bộc lộ cách gián tiếp hay trực tiếp trong quá trình tư vấn. Chính nhờ đời sống chứng tá và kinh nghiệm đức tin sống động của mình, người tư vấn không phải chỉ nói lý thuyết mà còn có thể chia sẻ kinh nghiệm sống cụ thể và thiết thực của mình cho người khác. Mục đích minh nhiên và chủ yếu của các nhà tư vấn mục vụ là giúp các Kitô hữu giải quyết những vấn đề của họ sao cho phù hợp với tinh thần của Đức Giêsu theo như giáo huấn của Tin mừng và của Giáo hội. Phần lớn các cuộc tư vấn đều liên quan trực tiếp đến những vấn đề người giáo hữu đang phải đối diện; những vấn đề này được đem ra

thảo luận trong bối cảnh đức tin và tình trạng dân thân sống niềm tin của chính người đang được tư vấn.^[19]

Việc tư vấn mục vụ được xây dựng trên cơ sở một bên là người giúp đỡ và một bên là người tìm sự trợ giúp. Điều này giả định rằng nhà tư vấn là người có đức tin, đáng tin nhiệm, có sự am hiểu, và có kinh nghiệm trong việc tư vấn; do đó có thể chia sẻ đức tin và giúp đỡ cho người khác cách hữu hiệu.^[20]

Từ những khái niệm về tư vấn mục vụ ở trên, chúng ta có thể phân biệt sự khác nhau giữa tư vấn mục vụ và đồng hành thiêng liêng. Như chúng ta đã biết, mục đích của việc đồng hành thiêng liêng là giúp người ta lớn lên trong đời sống thiêng liêng, thông qua mối tương quan sâu sắc với Thiên Chúa, đặc biệt qua Đức Kitô, nhận ra kế hoạch của Người trên cuộc đời họ, nhận ra Người đang làm việc trong chính bản thân họ. Nếu như nền tảng của tư vấn mục vụ dựa trên mối tương quan giúp đỡ, thì trong việc đồng hành, vị linh hướng chủ yếu quan tâm đến cách mà người thụ hưởng quan hệ với Thiên Chúa và với người khác.^[21] Chính Chúa Thánh Linh sẽ soi sáng, dẫn đường họ đến với Đức Giêsu, Đấng “là đường, là sự thật và là sự sống”; chỉ nơi Người, đời sống tâm linh của chúng ta mới đạt tới các chiều kích dài, rộng, cao, sâu và sự trọn vẹn viên mãn.

Tác giả Richard P. Vaughan, S.J. cho chúng ta nhận định rõ ràng: “Tư vấn mục vụ không phải là đồng hành thiêng liêng”.^[22] Đối với một số vị đồng hành, đồng hành có nghĩa là phải lắng nghe người thụ hưởng bộc lộ những vấn đề về cầu nguyện, về đời sống nội tâm của họ, từ đó cho họ những chỉ dẫn cần thiết. Đối với một số vị đồng hành khác, đồng hành hoàn toàn giống với việc tư vấn, nghĩa là không có tính chỉ thị; vị đồng hành chỉ diễn đạt lại những gì người thụ hưởng nói về mối tương quan của đương sự đối với Thiên Chúa, và giúp đương sự nhận ra cách mà Chúa Thánh Thần đang hướng dẫn mình. Như thế:

“Vị đồng hành đóng góp vào việc xác minh đời sống đức tin và những hình thức cụ thể mà đời sống đức tin ấy khoát lấy, và vị đồng hành làm công việc này bằng cách cùng với người thụ hưởng khảo sát những hoạt động của Thiên Chúa mà đương sự ý thức được. Dần dần, bản sắc đích thực của các hình thức cụ thể ấy sẽ hiển lộ rõ. Trong trường hợp này, sự nhấn mạnh được đặt nơi nguồn gốc và bản chất của hoạt động ân sủng, nơi những giai đoạn nối tiếp nhau của quá trình nhọc nhằn tìm kiếm Thiên Chúa, và nơi sự khám phá đầy thú vị về Người”.^[23]

Sau khi lược qua khái niệm căn bản về việc đồng hành thiêng liêng, chúng ta tìm hiểu xem điều căn cốt trong công việc quan trọng này là gì. Ở đây chúng tôi bàn đến hai khía cạnh căn bản đó là lắng nghe và phân định.

^[1] Xc. Fr F. Antonisamy, *An introduction to Christian spirituality*, tr. 171.

^[2] Xc. Jordan Aumann, OP. *Đời sống tâm linh*, tập II, tr. 262, 300.

- [3] Xc. Phan Tấn Thành, *Giáo trình bí tích Hoà giải*, tr. 82.
- [4] Chẳng hạn như dòng Đaminh, Hiến pháp dòng không buộc các tập sinh hoặc tu sĩ phải thực hành việc đồng hành thiêng liêng này.
- [5] Trong lịch sử linh đạo, có những vị đồng hành lỗi lạc nhưng không có chức thánh như: thánh Têrêra Avila, thánh Catarina, thánh Têrêsa Hải Đồng Giêsu ...
- [6] Xc. *Giáo luật* điều 630.
- [7] Ví dụ như thần giao cách cảm, siêu cảm, siêu ngôn... và một số hiện tượng ma thuật.
- [8] Xc. Jordan Aumann, OP. *Đời sống tâm linh*, tập III, tr. 369-370.
- [9] Thánh Gioan Thánh Giá cho chúng ta một nguyên tắc đơn giản: đừng hao phí năng lực vào chuyện đó; nếu điều gì bắt nguồn từ Thiên Chúa, trong bất kỳ trường hợp nào, nó vẫn có kết quả tròn đầy dù người khác có công nhận hay không.
- [10] Xc. Wilfrid Stinissen, *Quà tặng tâm linh*, tr. 86.
- [11] Người có tính đa sầu đa cảm chẳng hạn, thiên về những ảo tưởng mang tính cách thần bí. Tự bản chất, những người như vậy có tính nội hướng cực độ và óc tưởng tượng phong phú. Sự lãnh đạm thái quá của họ đối với môi trường xung quanh dễ dẫn tới một điều gì giống như xuất thần, và những tưởng tượng sống động của họ có thể phát sinh những điều có vẻ như những mặc khải siêu nhiên và thị kiến, có những cảm nghiệm như là thần bí: được tiếp xúc âu yếm với Thiên Chúa, nhận được những thị kiến an ủi và những mặc khải khi ở trong tình trạng đạo đức, sốt sắng (Xc. Sđd tr. 371).
- [12] Tình trạng cơ thể suy nhược, như lao động trí óc hoặc khắc khổ thái quá, thần kinh suy nhược, rối loạn... đôi khi là nguyên nhân của một kiểu lãnh đạm với môi trường xung quanh, các cơ năng cảm giác có thể suy yếu, dễ phát sinh những ảo tưởng mang dáng dấp thần bí.
- [13] Daniel Widlocher, *Nhà tâm lý học đối diện với vấn đề mặc cảm tội lỗi*, phần bổ sung trong tạp chí *đời sống thiêng liêng*, số 61, quý 2-1962, tr. 308 (Trích theo Jean Francois Catalan, *Kinh nghiệm thiêng liêng và tâm lý học*, tr. 106-107).
- [14] Xc. Wilfrid Stinissen, *Quà tặng tâm linh*, tr. 80-81.
- [15] 2 Cr 12, 10

- [16] Ở đây tác giả chỉ đưa ra ba tiêu chuẩn để phân biệt giữa tư vấn tâm lý và đồng hành thiêng liêng, tuy nhiên chúng ta cũng có thể áp dụng một cách tương tự cho việc phân tâm trị liệu và đồng hành nữa.
- [17] Xc. Fr F. Antonisamy, *An introduction to Christian spirituality*, tr. 176-177.
- [18] Tác giả Richard P. Vaughan, SJ. trình bày cho các nhà tư vấn mục vụ ba định hướng tư vấn, cụ thể là: 1. Làm việc trong tư cách là một chuyên gia; 2. trong tư cách là một người giúp đỡ đầy quan tâm và cảm thông; 3. trong tư cách là một người giúp tạo điều kiện cho quá trình giải quyết vấn đề được dễ dàng hơn (Richard P. Vaughan, SJ. *Tư vấn mục vụ - những kỹ năng căn bản*, tr. 31).
- [19] Đây cũng chính là điểm phân biệt tư vấn mục vụ với các loại tư vấn khác, như: tư vấn hôn nhân gia đình, tư vấn tâm lý...
- [20] Xc. Richard P. Vaughan, SJ. *Tư vấn mục vụ - những kỹ năng căn bản*, tr. 21-22.
- [21] Xc. Richard P. Vaughan, SJ. *Tư vấn mục vụ, những kỹ năng căn bản*, tr. 23.
- [22] Ibidem tr. 23.
- [23] Raymond Hostie, *Pastoral Counseling*. New York: Sheed and Ward, 1960, tr. 10 (Trích lại trong Richard P. Vaughan, SJ. *Tư vấn mục vụ, những kỹ năng căn bản*, tr. 23-24).

II. Việc lắng nghe

1. Lắng nghe điều gì?
 - 1.1. Lắng nghe những khát vọng của tâm hồn
 - 1.2. Lắng nghe tiếng Chúa
 - 1.3. Lắng nghe “sự sống chuyển mình”
2. Những nguyên tắc cơ bản để lắng nghe
 - 2.1. Lắng nghe nhưng không xét đoán
 - 2.2. Ý thức mình chỉ là dụng cụ của Thiên Chúa
 - 2.3. Bỏ ngỏ để Chúa hành động
 - 2.4. Không bao giờ lấy quyết định dùm người khác
3. Chiều kích tâm lý của việc lắng nghe
 - 3.1. Biết mình
 - 3.2. Đón nhận tha nhân với những khác biệt
 - 3.3. Khả năng lắng nghe người khác
4. Chiều kích thiêng liêng của việc lắng nghe

- 4.1. Lắng nghe trong niềm tin
- 4.2. Lắng nghe với niềm hy vọng
- 4.3. Lắng nghe bằng lòng mến

Lắng nghe là việc làm không thể thiếu trong mọi mối tương quan. Việc lắng nghe tích cực sẽ giúp cho đương sự bộc lộ tâm hồn cách cởi mở, trung thực, và tránh được thái độ sợ sệt, khép kín, phòng vệ.

Tuy nhiên, phải lắng nghe điều gì? - Đây là nội dung của việc đồng hành thiêng liêng. Đâu là nguyên tắc để lắng nghe? - Đây là cách thức để đồng hành. Và đâu là những chiều kích của việc lắng nghe? - Đây là những khía cạnh của việc đồng hành.

Chúng ta đi vào vấn đề thứ nhất:

1. Lắng nghe điều gì?

Chúng ta không hiểu lắng nghe theo nghĩa tâm lý hay giao tiếp thuần túy, mà lắng nghe ở đây bao hàm sự hiểu biết, đón nhận và giúp người thụ hưởng khám phá ra con người thật của họ, khám phá ra sự hiện diện của Thiên Chúa trong họ, và kế hoạch của Người dành cho họ. Chính vì vậy, nội dung của việc lắng nghe ở đây cũng chính là nội dung của việc đồng hành thiêng liêng.

Chúng ta tìm hiểu nội dung việc lắng nghe này theo một số khía cạnh, khởi đi từ tình trạng bản thân của người thụ hưởng, từ những khát vọng trong tâm hồn họ, giúp họ lắng nghe được tiếng Chúa, và nỗ lực đáp trả lại lời mời gọi của Người.

1.1. Lắng nghe những khát vọng của tâm hồn

Khát vọng của tâm hồn là điều gì đó rất thăm thẳm, kín ẩn, và rất nhiều khi người ta không nhận ra và cũng chẳng thể gọi tên khát vọng đó là gì. Bước đầu của cuộc đồng hành là phải giúp cho người thụ hưởng khám phá ra đâu là khát vọng sâu xa của họ, xuyên qua những biểu hiện mà vị đồng hành có thể thấy được. Nhờ việc lắng nghe, cùng với sự chân thành bộc lộ của người thụ hưởng, vị đồng hành có thể giúp cho đương sự nhận ra con người thật của họ, khát vọng thâm sâu của họ thông qua những biến cố và tình trạng thật của cuộc sống: có thể đó là những kinh nghiệm đổ vỡ, thất bại, tội lỗi, khủng hoảng, những xu hướng của bản thân, những cơn cảm dỗ thường xuyên phải đối mặt, kinh nghiệm chiến đấu thiêng liêng, kinh nghiệm cầu nguyện, kinh nghiệm gặp gỡ Chúa... Xuyên qua những dữ kiện này, kết hợp với sự phân định, người thụ hưởng được hướng dẫn để nhận ra thực sự họ đang mong muốn điều gì.

Cũng nên biết rằng, không phải người thụ hưởng nào cũng ý thức và dễ dàng bộc lộ những điều sâu thẳm trong lòng; nhiều khi, họ chỉ kể cho vị đồng hành những

chuyện ngoài lề, chuyện của người khác, toàn những chuyện chẳng liên quan gì đến vấn đề cốt thiết của việc đồng hành thiêng liêng. Do vậy, vị đồng hành phải khôn ngoan để hướng dẫn họ đi vào đúng mục đích của cuộc gặp gỡ, giúp họ thanh lọc những yếu tố không cần thiết, và phân định để thấy rõ được đâu là vấn đề thực sự của họ.

Chính vì vậy, việc nhận diện ước muốn nền tảng của người thụ hưởng là điều không chút dễ dàng. Dù muốn dù không, nơi mỗi con người còn cả một thế giới vô thức chi phối nữa, thế giới mà Sigmund Freud gọi là những “tảng băng ngầm”. Những ước muốn, những xung năng nơi mỗi con người đan xen vào nhau, thúc đẩy con người hành động mà nhiều khi họ không hề ý thức. Như thế, những gì người thụ hưởng bộc lộ có thể mới chỉ là phần nổi (phần ý thức) của tảng băng ngầm (phần vô thức), còn biết bao điều sâu kín có thể bị che đậy. Nếu vị đồng hành chỉ đánh giá, phân định người thụ hưởng qua những gì họ nói ra, thì e rằng sự phân định này sẽ thiếu sót, sai lệch.

Vị đồng hành còn phải khôn ngoan đoán biết những gì chưa được bộc lộ, mà nhiều khi đây mới là vấn đề chính. Chẳng hạn, người thụ hưởng tỏ ra mình là người luôn tự ti, mặc cảm, lúc nào cũng thấy mình tội lỗi, đáng nguyên rủa, và luôn phải sống trong tình trạng bất an, lo sợ, căng thẳng... mà không trình bày nguyên nhân tại sao họ lại có cảm thức ấy. Bằng chính kinh nghiệm đồng hành và sự khôn ngoan, vị đồng hành có thể đoán biết đương sự đang rơi vào tình trạng bất ổn luân lý nào đó, ví dụ như mắc tật thủ dâm, đồng tính luyến ái, hay có mối quan hệ bất chính nào khác...

Một khi nắm bắt được nguyên nhân gây ra những xáo trộn, những xao xuyến trên, vị đồng hành có thể từng bước giúp đương sự nhận ra, đón nhận con người thật của mình, và từ đó khám phá ra lòng nhân từ và kế hoạch của Thiên Chúa, học biết lắng nghe tiếng Chúa.

1.2. Lắng nghe tiếng Chúa

Xuyên qua những vấn đề của chính bản thân, người thụ hưởng được giúp đỡ để lắng nghe tiếng Chúa nói với mình. Đây là một hành trình dài, đòi hỏi sự kiên nhẫn của cả hai bên, đặc biệt là thái độ cởi mở và khát khao của người thụ hưởng. Thực tế, việc nhận ra và chấp nhận được tình trạng của bản thân đã là bước khó khăn; và như vậy, việc lắng nghe được tiếng Chúa qua tình trạng cụ thể đó, cũng lại là một thách đố không nhỏ.

Trước tiên, vị đồng hành phải giúp cho người thụ hưởng ý thức chính Thiên Chúa đang hoạt động trong họ, muốn những điều tốt đẹp cho họ, và Người có thể biến những đổ vỡ, những khát vọng của họ thành cơ hội thuận tiện để họ có thể gặp gỡ được Người. Người ta thường nói: “Thiên Chúa vẽ đường thẳng bằng những nét cong” là vậy. Thánh Phaolô thì xác tín rằng: “*Thiên Chúa làm cho mọi sự đều sinh ích cho những ai yêu mến Người, tức là cho những kẻ được Người kêu gọi theo như ý Người định*”. [1]

Rất thường khi, người ta cảm thấy thất vọng về một quá khứ không mấy hay ho của mình, một quá khứ được dệt nên bằng những thất bại, đau khổ, tội lỗi...; thế rồi họ buông xuôi, không thiết tha cầu nguyện, không thiết tha phấn đấu gì nữa. Kẻ thù nguy hiểm nhất trên hành trình thiêng liêng đó là sự thất vọng. Thiên Chúa không bao giờ thất vọng về con người, không bao giờ đặt dấu chấm hết cho những nỗ lực của họ. Những ai rơi vào tình trạng này, rất cần được giúp đỡ để khám phá ra thế nào là một Thiên Chúa xót thương. Bài học quý báu của lịch sử cứu độ phải là tấm gương soi cho những ai đang trên hành trình lữ thứ; đó không phải là một lịch sử chết ghi lại các biến cố, mà là một lịch sử sống động cho thấy bàn tay Chúa luôn tác động trên cuộc sống con người, ghi dấu ấn tình thương của Người qua từng biến cố, kể cả những biến cố tội lỗi và đau thương nhất. Nếu không khám phá ra tình thương Thiên Chúa, thì người thụ hưởng chưa thể lên đường trên hành trình hoán cải nội tâm.

Lắng nghe tiếng Chúa không phải là việc làm của một riêng ai, cả vị đồng hành và người thụ hưởng đều phải lắng nghe tiếng Chúa nói với mình. Vị đồng hành lắng nghe để biết được chương trình của Thiên Chúa muốn thể hiện nơi người thụ hưởng; người thụ hưởng lắng nghe để nhận ra ý Chúa tỏ hiện qua vị đồng hành, và có khi tỏ hiện ngay trong chính cõi thâm sâu của tâm hồn mình.

Do vậy, việc lắng nghe tiếng Chúa bao gồm cả việc trao đổi và lắng nghe nhau; đặc biệt người thụ hưởng phải kiên nhẫn gỡ gỡ vị đồng hành, siêng năng cầu nguyện, và luôn mở rộng tâm hồn để Chúa tác động. Theo cha André Louf, cuộc đối thoại trong khi đồng hành thiêng liêng là điểm thuận lợi hơn cả, trong đó sự hiển lộ có thể xảy đến không phải do nỗ lực của con người, cũng không lệ thuộc bất cứ kỹ thuật cầu nguyện hay suy niệm nào. Chính nơi sự siêu thoát và trần trụi nội tâm của người thụ hưởng, mà Đức Kitô và Thần Khí sẽ đến gỡ gỡ, tác động trong họ. [2]

Tác giả André Louf còn cho thấy:

“Một trong những nhiệm vụ quan trọng nhất của việc đồng hành thiêng liêng, là dạy cho người anh em biết đứng vào đúng chỗ, sẵn sàng, chuyên tâm vào một sự chờ đợi không mệt mỏi và vô cùng tận. Thiên Chúa luôn rất gần chúng ta, và không những gần mà còn ở trong chúng ta, nơi thâm tâm chúng ta, nơi cái tâm của cái tâm ta”. [3]

Như vậy, việc lắng nghe tiếng Chúa không phải chỉ là sử dụng những phương pháp quen gọi là “khoa học nhân văn”, mà điều quan trọng là lắng nghe Thần Khí tác động, từ đó có thể nhận ra cái tôi đích thực và vận mệnh đời mình. Cái tôi ấy đã được nhào nặn qua biết bao biến cố, kinh nghiệm, ân sủng; và vận mệnh ấy chính là thuận theo kế hoạch của Thiên Chúa ngay trong chính tình trạng của bản thân mình. Việc còn lại của người thụ hưởng là nỗ lực đáp trả thánh ý Thiên Chúa, hay là lắng nghe “sự sống chuyển mình” trên hành trình tâm linh diệu vợi.

1.3. Lắng nghe “sự sống chuyển mình”

Việc đồng hành thiêng liêng không dừng lại ở việc giúp cho người thụ hưởng nhận ra chính bản thân họ và nhận ra chương trình của Chúa trên cuộc đời họ; nhưng đời còn phải có những kết quả cụ thể, đó là sự cộng tác tích cực của đương sự để hoàn thành vận mạng đời mình theo chương trình của Thiên Chúa, là sự biến đổi toàn diện con người, là sự gặp gỡ Thiên Chúa thực sự và sống động.

Từ khi lãnh bí tích Thánh tẩy, người Kitô hữu đã được gieo vào tâm hồn mầm sống, được biến đổi, và được sống bằng chính sức sống của Thiên Chúa; tuy nhiên, do hậu quả của tội lỗi, con người phải gánh chịu bao đố vỡ nơi tâm hồn, những “di chứng của tội lỗi” ngăn cản không cho con người nhận ra Thiên Chúa, làm cho mầm sống đã được gieo vào lòng con người, có đó, nhưng không phát triển sung mãn được. Chính vì vậy, nhờ việc được chữa lành, những thương tích dần dần phai nhạt, và con người được ban ân sủng để mầm sống đức tin triển nở. Đó chính là lúc sự sống chuyển mình, con người đi vào hành trình hoán cải và đổi mới.

Tiến trình “sự sống chuyển mình” diễn ra thế nào? Hay nói cách khác, hành trình gặp gỡ và biến đổi của người thụ hưởng trong cuộc đồng hành thiêng liêng có diễn tiến ra sao? Thực ra, khó có thể diễn tả rạch ròi tiến trình này; hơn nữa, đối với mỗi người sự hoán cải diễn ra mỗi khác. Tuy nhiên, ở đây chúng tôi thử vay mượn hình ảnh bộ tranh “Mục ngư đồ” [4] của Phật giáo để diễn tả điều mà thực ra rất khó diễn tả.

Theo bộ tranh “Mục ngư đồ” tiến trình “*giác ngộ*”, “*trở về tâm*”, “*thuần tâm*”, hay tìm ra “*bản lai diện mục*” của hành giả, gồm tất cả mười bước. Chúng ta có thể tham khảo song song ở đây cả hai trường phái: tranh Đại Thừa (lối tu tiệm) và tranh Thiền Tông (lối tu đốn).

Tranh Đại Thừa

1. Vị mục: chưa chẵn, chưa tìm được trâu.
2. Sơ điều: mới chẵn.
3. Thọ chế: chịu khế, luyện trâu.
4. Hồi thủ: quay đầu, kéo trâu.
5. Tuân phục: vâng chịu, hàng phục trâu.
6. Vô ngại: thuần thực trâu.
7. Nhiệm vận: tha hồ, bỏ mặc.
8. Tương vong: cùng quên.
9. Độc chiếu: một bóng người và trâu đồng điệu.
10. Song dẫn: dứt cả hai, mất cả trâu lẫn người.

Tranh Thiền Tông

1. Tầm ngư: tìm trâu.
2. Kiến tích: thấy dấu.

3. Kiến ngư: thấy trâu.
4. Đắc ngư: được trâu.
5. Mục ngư: chăn trâu.
6. Ky ngư quy gia: cưới trâu về nhà
7. Vong ngư tồn nhân: quên trâu còn người.
8. Nhân ngư câu vong: người trâu đều quên.
9. Phản bản hoàn nguyên: trở về nguồn cội.
10. Nhập triển thủy thủ: thông tay vào chợ. [5]

Có thể tạm dùng những hình ảnh trên mà diễn tả tiến trình hoán cải, hay sự hiển lộ của người thụ hưởng. Khởi đi từ quá trình khát khao tìm kiếm, khám phá khát vọng thâm sâu của mình (tìm trâu), trải qua cuộc đồng hành, người thụ hưởng được hướng dẫn, phân định để nhận ra (dắt trâu), và chấp nhận con người thật của mình (luyện trâu); từ đó lắng nghe tiếng Chúa nói trong hoàn cảnh cụ thể mình đang sống (thuần trâu). Một khi nhận ra được con đường Chúa muốn mình đi, người thụ hưởng thoát ra khỏi cái tôi ích kỷ, khỏi sự thương tật của mình (buông trâu, quên người), và sau cùng hoàn thành vận mệnh đời mình theo kế hoạch ân sủng của Thiên Chúa (hoà với thiên nhiên, thông tay vào chợ).

Có thể tạm coi đó là những bước căn bản trong tiến trình hoán cải tâm linh. Bây giờ chúng ta bước vào tìm hiểu những nguyên tắc lắng nghe trong đồng hành.

2. Những nguyên tắc cơ bản để lắng nghe

Lắng nghe là một nghệ thuật, và phải tuân theo những nguyên tắc tối thiểu. Những nguyên tắc này có thể giúp các tâm hồn xích lại gần nhau, hiểu và cảm thông với nhau hơn. Dĩ nhiên tùy từng trường hợp, mà có thể có những cách thức khác nhau khi lắng nghe người khác; nhưng điều trước tiên cần lưu ý là:

2.1. Lắng nghe nhưng không xét đoán

Người đồng hành có thể tạo được một môi trường an toàn cho người khác khả dĩ bộc lộ hay không, chính là thái độ lắng nghe mà không xét đoán này. Một căn bệnh cố hữu thường hay gặp là người ta quá dễ dàng cho người khác lời khuyên, lên lớp luân lý, tệ hại hơn là kết án, trước khi kiên nhẫn lắng nghe họ trình bày. Một khi đã có sẵn những thiên kiến, những khuôn mẫu, dù là mẫu mực về đời sống tâm linh đi nữa, thì vô tình việc lắng nghe chỉ còn là công việc đánh giá, xếp hạng, và dán mác mà thôi. Lắng nghe đích thực là một thái độ đồng cảm không xét đoán, không phản đối, và cũng không quả quyết. [6] Chính thái độ này tạo cho người được đồng hành cảm giác mình được đón nhận, được an toàn; từ đó họ có thể dễ dàng bộc lộ tâm hồn mình, can đảm nhìn thẳng vào những gì sâu thẳm nhất, những khuynh hướng tốt cũng như xấu, những yếu đuối và thất bại. Theo Wilfrid Stinissen, điều người khao khát đời sống tâm linh mong muốn trên hết không phải là sự khích lệ, sự

trợ giúp, dù có liên quan đến giải tội thì ngay cả việc tha tội cũng không phải là mục đích tối hậu; nhưng điều họ thực sự tìm kiếm là trở nên một chủ thể và được người khác đón nhận như chính họ là. [7]

Quả thực, việc bày tỏ tâm hồn mình không phải là công việc đơn giản; làm sao có thể phơi bày con người thật của mình cho người khác nếu không tin tưởng con người này tuyệt đối? Đó là chưa kể phải chiến thắng sự tự ái, mặc cảm, hổ thẹn, một khi những điều thâm kín nhất được tỏ lộ, được “bật mí” cho người khác. Tuy rằng, tự sâu thăm, mỗi người đều có nhu cầu bộc lộ chính mình, cả những ưu cũng như khuyết điểm, nhưng điều quan trọng là phải được người khác trân trọng và đón nhận. Chỉ khi ấy, người ta mới có thể chui ra khỏi cái tôi vỏ ốc an toàn, mới có thể bóc trần con người thật của mình trước mặt người khác.

Thánh Phaolô cũng nhắc nhở cho chúng ta điều này: “*Hãy đón nhận nhau như Đức Kitô đã đón nhận anh em*” (Rm 15,7). Trọng trách chắc là không nhỏ đối với những ai được người khác tin tưởng dám trao trọn con người thật của mình. Một khi dám bày tỏ con người thật của mình cho người khác, đó là bước đầu người ta biết mình, chấp nhận chính mình. Hành trình tâm linh không thể tiến xa nếu không khởi đầu bằng chính thái độ biết mình và chấp nhận mình như thế. Hành trình tâm linh của thánh Âu Tinh cũng nói lên điều đó, thánh nhân cầu nguyện tha thiết: “*Lạy Chúa, xin cho biết Chúa, và xin cho con biết con*”. Julian of Norwich (1342 - 1416) còn xác tín mạnh mẽ điều này hơn nữa, ông viết: “*Khi một linh hồn thực sự chấp nhận chính mình, linh hồn đó sẽ được kết hợp với Thiên Chúa*”. [8] Chỉ khi nào con người thực sự nhận ra sự trần trụi của đời mình, Thiên Chúa mới có được chỗ đứng trong tâm hồn của họ. Như thế, chắc hẳn việc làm cho người khác chấp nhận được chính con người của họ, từ đó họ ý thức và khám phá ra Thiên Chúa, là một sứ mạng không nhỏ của người đồng hành.

Trong mọi hoàn cảnh, người đồng hành luôn phải tỏ ra tín nhiệm và tin tưởng vào khả năng của người thụ hưởng. Nên biết rằng việc gặp gỡ đích thực chỉ thực sự diễn ra khi đương sự hoàn toàn tự do trong mối tương quan với Thiên Chúa. Bước đầu, việc lắng nghe của người đồng hành chính là mở lối ngõ trong tâm hồn người được đồng hành, để Thánh Thần tác động trực tiếp trong cõi sâu thăm tâm hồn họ. Nếu như vị đồng hành ngạc nhiên hay hoảng hốt trước sự bộc lộ của người thụ hưởng, thì vị đồng hành cũng chẳng hiểu biết gì về chính bản thân mình, và cũng chẳng có kinh nghiệm sâu xa nào với Thiên Chúa; [9] đã vậy, lại còn có nguy cơ bít luôn cả lối ngõ trong tâm hồn người thụ hưởng, khiến họ đã tìm tới lại càng tìm tới hơn.

Thái độ lắng nghe không kết án, không đồng nghĩa với thỏa hiệp, đồng lõa, thiếu sự phân định, mà là điều kiện cần thiết để khả dĩ có được sự phân định mình xác. Thái độ lắng nghe này cũng không đồng nghĩa với sự im lặng giả tạo, nghĩa là miệng không nói lời kết án nhưng trong thâm tâm đã thực sự kết án rồi. Thái độ như thế sẽ không tạo nên được mối tương quan lành mạnh, và trực giác sẽ mách bảo cho người thụ hưởng biết rằng người đồng hành với mình chỉ đang sử dụng kỹ thuật để khai thác những bí mật tâm hồn mình mà thôi. Thái độ chân thành và đức ái sẽ giúp

vị đồng hành biết thế nào là lắng nghe thực sự. Vị đồng hành chỉ biết lắng nghe người khác, một khi ý thức rằng mình chỉ là dụng cụ của Thiên Chúa.

2.2. Ý thức mình chỉ là dụng cụ của Thiên Chúa

Vị đồng hành thiêng liêng, trước tiên và sau hết, phải xác tín rằng mình chỉ là khí cụ trong tay Thiên Chúa, chính Người mới là vị đồng hành đích thực. Xác tín này sẽ giúp vị đồng hành không bao giờ cậy dựa vào sức riêng, vào tài khéo của mình khi lắng nghe người thụ hưởng; nhưng phải biết lắng nghe Thánh Thần nói với mình; và xác tín rằng chính Thánh Thần cũng nói với người thụ hưởng nữa. Các bậc thầy vĩ đại về đồng hành thiêng liêng thường nhấn mạnh rằng người đồng hành chỉ là dụng cụ Thiên Chúa dùng mà thôi, cho dù đó là dụng cụ có tự do và lý trí.

Những trích dẫn sau đây sẽ làm sáng tỏ phần nào xác tín trên. Trước tiên là lời của thánh Gioan Thánh Giá:

“Việc hướng dẫn các linh hồn cho thấy người đại diện chính, người hướng dẫn chính và người thúc đẩy các linh hồn không phải là người đồng hành, nhưng là Thánh Thần... Vị đồng hành chỉ là những dụng cụ hướng dẫn các linh hồn nên hoàn thiện bằng đức tin và bằng luật Chúa theo tinh thần Chúa ban cho mỗi người”. [10]

Hay lời của một nhà tu đức khác:

“Duy một mình Thiên Chúa là Thầy và là vị linh hướng của chúng ta; còn các thụ tạo chỉ là dụng cụ của Người khi Người muốn sử dụng. Vì thế, những vị thầy nào cũng chẳng hơn hoặc khác gì là người lắng nghe và theo Chúa vì họ chỉ là những người lệ thuộc và thích ứng với những khởi hứng nội tâm của Thánh Thần Thiên Chúa mà thôi, hoặc vì chính Thiên Chúa mời gọi, hướng dẫn và thúc đẩy chúng ta cậy dựa vào họ”. [11]

Vậy chúng ta phải hiểu thế nào về nhân vị với đầy đủ lý trí và tự do của người đồng hành một khi coi họ chỉ như là dụng cụ của Thiên chúa? Chẳng lẽ họ không đóng góp phần tích cực nào trong việc đồng hành thiêng liêng của mình? Chúng ta có thể lý giải vấn nạn này bằng cách loại suy từ việc linh hứng trong Kinh thánh: cả Thiên Chúa và con người đều là tác giả của Kinh thánh, Thiên Chúa là nguyên nhân đệ nhất, và con người chỉ là nguyên nhân dụng cụ, được Thiên Chúa linh hứng và họ viết ra. Những con người này vẫn hoàn toàn tự do và tích cực đóng góp nét đặc sắc của cá nhân để hình thành tác phẩm. Cũng vậy, người đồng hành thiêng liêng hoàn toàn tự do và sáng tạo trong việc hướng dẫn người khác, giúp người khác gặp gỡ chính Chúa, thông qua kinh nghiệm về Chúa của mình, kinh nghiệm lắng nghe tiếng của Người, tiếng của vị đồng hành đích thực. [12] Chính Đức Giêsu, khi đến trần gian, Người không làm theo ý riêng của mình, nhưng làm theo ý Đấng đã sai Người. [13] Đây cũng phải là nguyên tắc căn cốt của người đồng hành thiêng liêng.

Chính vì ý thức mình chỉ là một dụng cụ như thế, nên người đồng hành xác quyết một nguyên tắc căn bản khác như là một hệ luận, giúp cho có được sự lắng nghe đích thực, đó là luôn hành động dựa vào sự khôn ngoan của Chúa chứ không cậy vào sức riêng mình. Người đồng hành thiêng liêng phải lắng nghe tiếng Chúa nói với mình, tiếp nhận sự khôn ngoan từ Thiên Chúa với lòng tin tưởng: *“Đừng lo phải nói gì hay nói thế nào. Khi đến lúc, Thiên Chúa sẽ cho anh em biết phải nói làm sao hay phải nói gì. Chính Thánh Thần của Cha anh em sẽ nói trong anh em”*. [14] Việc đồng hành với người khác không miễn trừ cho bản thân khỏi tìm kiếm thánh ý Thiên Chúa đối với mình; nếu không khát khao tìm kiếm, không quen lắng nghe, thì người đồng hành thiêng liêng làm sao có thể giúp người khác lắng nghe tiếng Chúa, làm sao có thể thức tỉnh để phân định. Như vậy, sự khôn ngoan ở đây không phải thuần túy là lý trí, nhưng đúng hơn đó là sự thông tuệ, là đặc sủng của Thánh Thần, [15] là tình yêu, là kết quả của sự gắn kết sâu đậm giữa mình với Thiên Chúa, là sự khôn ngoan Thần Linh trực tiếp xuất phát từ Thiên Chúa, là thứ hiểu biết kinh nghiệm bằng tình yêu và phát xuất từ tình yêu. [16] Tác giả của tác phẩm *“The Cloud of Unknowing”* đã diễn tả huyền nhiệm này cách sâu sắc và xác tín:

“Nếu bạn muốn ra đi trên cuộc hành trình thiêng liêng một cách nhanh chóng và không sợ sai lầm, duy chỉ một điều này là đủ: Thiên Chúa vẫn đang sống trong trí khôn và hành động trong tâm hồn của bạn, nhẹ nhàng nâng bạn đến tình yêu vĩnh cửu. Vâng, đây là con đường Thiên Chúa muốn bạn đi, con đường đó sẽ giúp bạn tới đích. Chính tình yêu mà bạn kinh nghiệm sẽ nói cho bạn một cách chính xác lúc nào bạn cần nói và lúc nào bạn nên thinh lặng. Tình yêu sẽ giúp bạn một cách thận trọng và không hề mắc phải sai lầm trong mọi việc. Trong sự bí nhiệm, tình yêu sẽ soi sáng cho bạn bằng sự thận trọng ưu việt lớn lao, sẽ dạy cho bạn biết lúc nào nên bắt đầu và lúc nào nên dừng lại... Cứ thử xem, tôi bảo đảm Thiên Chúa sẽ liên tục hiện diện trong công việc của tình yêu. Tình yêu này sẽ khởi hứng và kích thích bạn để hiểu biết và làm bất cứ điều gì cần thiết”. [17]

Chính trong tương quan tình yêu, mà vị đồng hành thiêng liêng không quá loay hoay theo kiểu con người, nhưng phó thác, tin vào sự hướng dẫn của Thiên Chúa, vì chính Người là vị đồng hành đích thực. Thái độ này của người đồng hành có thể gọi tên là: “bỏ ngõ để Thiên Chúa hành động”.

2.3. Bỏ ngõ để Chúa hành động

Tin tưởng Chúa hành động nơi người được đồng hành, là một thái độ quy phục trong niềm tin. Thiên Chúa có thể dùng nhiều cách để hướng dẫn con cái của Người; vị đồng hành chỉ là một trong những cách thế Thiên Chúa dùng để bày tỏ thánh ý nhiệm mầu của Người mà thôi. Người được đồng hành sẽ trở nên như thế nào chính là do tác động của Thiên Chúa chứ không phải do công khó và tài khéo của vị đồng hành. Chỉ có thể là dụng cụ hữu hiệu của Thiên Chúa nếu vị đồng hành hoàn toàn quy phục Thiên Chúa trong niềm tin.

Sự quy phục trong lãnh vực đồng hành thiêng liêng này chính là thái độ bỏ ngỏ để Thiên Chúa hành động. Điều này sẽ giúp cho người đồng hành thiêng liêng vượt qua được những tham vọng muốn cung cấp cho người thụ hưởng của mình những chỉ dẫn cận kề, những giải pháp cụ thể và hữu hiệu tức thời trước những khó khăn; hay làm tưởng người thụ hưởng phải luôn lệ thuộc vào mình mới có thể nên hoàn thiện; hoặc là cung cấp những kỹ thuật để người được đồng hành với mình có thể nên thánh cấp tốc... Nếu không có thái độ bỏ ngỏ để Chúa làm việc, thì người đồng hành thiêng liêng rất có thể sẽ rơi vào nhiều cạm bẫy, những cạm bẫy khó lòng tránh khỏi. [18] Thiên Chúa mời gọi người đồng hành thiêng liêng vào mối dây liên hệ này, không phải để ước đoán điều người thụ hưởng cần, nhưng đúng hơn là lắng nghe Thiên Chúa cho biết nhu cầu thực của họ. [19] Thái độ cởi mở và khiêm tốn của người đồng hành thiêng liêng còn tỏ lộ cho thấy một điều rất căn bản: Thiên Chúa luôn hiện diện và hướng dẫn từng con cái của Người.

Thiên Chúa yêu thương tất cả mọi loài thụ tạo của Người; đặc biệt là con người mang hình ảnh của Thiên Chúa, được Người yêu thương một cách cá vị: *“Ta đã gọi người bằng chính tên người, người là của riêng Ta... vì trước mặt Ta, người thật quý giá và Ta yêu người”*. [20] Các ngôn sứ, đặc biệt là ngôn sứ Hôse, đã diễn tả tình yêu này như mối tình phu phụ, thành tín và yêu thương: *“Ta sẽ lập với người một hôn ước vĩnh cửu, Ta sẽ lập hôn ước với người trong công minh và chính trực, trong ân tình và xót thương; Ta sẽ lập hôn ước với người trong tín thành và người sẽ được biết Đức Chúa”*. [21] *“Ta yêu người bằng một tình yêu bền vững”* [22] Thánh Gioan Thánh Giá cảm nghiệm sâu xa tâm tình này: *“Tình yêu Thiên Chúa quá thân mật đến nỗi Người đã ở thực sự trong mỗi người”*. [23]

Chính vì Thiên Chúa yêu thương mỗi người một cách cá vị, cho nên mỗi người cũng cảm nhận về tình yêu Thiên Chúa một cách riêng tư. Hành trình tâm linh không ai giống ai, nên thánh không có nghĩa là rập khuôn theo người khác. Thiên Chúa có nẻo đường dành riêng cho mỗi người, và chỉ có Người mới biết hết được hành trình tâm linh ấy; bởi chưng:

*“Tặng phủ con chính Ngài tác tạo
Đệt tám hình hài trong dạ mẫu thân con
Tạ ơn Chúa đã dựng nên con cách lạ lùng
Công trình Ngài xiết bao kỳ diệu
Hồn con đây biết rõ mười mười”*. [24]

Tự nơi sâu thẳm nhất của hữu thể con người, Thiên Chúa đã ghi khắc tình thương của Người và mời gọi con người đáp trả; Người hướng dẫn, mở ngỏ, đi bước trước, đợi chờ, và con người chỉ cần đáp lại tiếng “xin vâng”. Việc người đồng hành thiêng liêng cần làm là giúp cho người thụ hưởng có thể nhận ra và mau mắn đáp lại lời xin vâng đó. Thánh Gioan Thánh Giá khuyên nhủ những người làm công tác đồng hành thiêng liêng rằng:

“Những vị linh hướng nên lưu tâm, đừng bắt các linh hồn đi theo đường lối hay những điều am hợp với mình; tốt hơn là phải lo phân định xem đâu là

đường lối Thiên Chúa đang hướng dẫn họ. Một khi không làm được điều đó thì hãy để cho họ được tự do, đừng quấy rầy họ nữa”. [25]

Thánh Thần luôn hoạt động đắc lực nơi người đồng hành và cả nơi người thụ hưởng, nhưng “gió muốn thổi đâu thì thổi”, việc hệ trọng là phải lắng nghe, phân định, làm sao để người thụ hưởng có thể có được mối tương quan ngôi vị với Thiên Chúa; và quyết định cuối cùng vẫn là việc của chính đương sự với Thiên Chúa. Đây cũng là một nguyên tắc mà người đồng hành thiêng liêng không thể bỏ qua.

2.4. Không bao giờ lấy quyết định dùm người khác

Một cám dỗ rất lớn của cả hai bên, đó là người được đồng hành dễ có khuynh hướng dựa dẫm; nhất là khi đang gặp đau khổ, khủng hoảng, họ muốn có được phương thuốc trị liệu cấp thời, muốn người khác quyết định dùm cho hoàn cảnh của họ; và về phía người đồng hành, nếu không ý thức, thì cũng rất dễ dàng cho người khác lời khuyên, hay quyết định dùm họ. Dĩ nhiên người đồng hành thiêng liêng cần phải soi sáng, phân định, và làm cho người được đồng hành nhận ra con đường Chúa muốn họ đi; thế nhưng, người đồng hành không thể quyết định thay cho họ. Nói cách khác, mỗi người phải tự lãnh nhận trách nhiệm về cuộc đời của mình, phải bước đi trên chính đôi chân của mình với sự trợ lực của Thiên Chúa. Hành trình tâm linh vẫn là một hành trình độc đáo và tự do; Thiên Chúa cũng không tương quan với con người cách chung chung, đại khái, nhưng là mối tương sâu thẳm và ngôi vị.

Không phải chỉ trong lãnh vực đồng hành thiêng liêng, mà trong các lãnh vực khác như tư vấn tâm lý, tư vấn mục vụ... việc tự do quyết định của cá nhân vẫn được đề cao và tôn trọng. Mục đích của việc tư vấn hay đồng hành không nhằm giải quyết những khó khăn cấp thời nhưng nhắm đến sự trưởng thành cá nhân (về mặt tâm lý và tâm linh) như mục đích tối hậu và toàn diện. [26] Sự trưởng thành này không thể là kết quả của một sự dựa dẫm, mà phải là nỗ lực của cá nhân trong việc tự do quyết định và lãnh nhận trách nhiệm về hậu quả của hành vi tự do ấy. Cứ theo lẽ tự nhiên thì một người bình thường là người có tự do quyết định và có trách nhiệm về cuộc sống của mình. Mặc dù mỗi người đều có thể bị điều kiện hoá qua hoàn cảnh sống, môi trường giáo dục, tuổi tác, cá tính, vô thức tâm linh..., nhưng những điều kiện này thường không quá mạnh đến nỗi huỷ bỏ hết tự do quyết định của cá nhân. Thiếu đi tính tự do tự quyết chính là thiếu đi nhân tố căn bản nhất làm nên hành vi nhân linh của con người.

Phương tiện để đạt đến sự tự do là lý trí thực tiễn, lý trí này sẽ thúc đẩy ý chí thực hiện những quyết định rõ ràng để đạt đến mục đích. Ý chí chia sẻ sự hiểu biết và các thẩm định của lý trí thực tiễn khi thực hành sự chọn lựa. Sự tự do này được gọi là ý chí. [27] Thánh Tôma Aquinô giải thích: “*Các thụ tạo có lý trí tự đi đến cùng đích, qua ý chí tự do của mình, ý chí này cho phép chúng bàn hỏi và thực hiện chọn lựa*”. [28]

Về mặt thực hành, để có thể có được sự tự do quyết định thực sự, người được đồng hành phải thoát khỏi “sức mạnh áp chế” của người đồng hành; hay nói tích cực

hơn, người đồng hành phải để cho người thụ hưởng được tự do. Nếu không có sự tự do này, việc tự do chọn lựa có nguy cơ bị dập tắt, và như vậy sẽ không còn là đồng hành thiêng liêng đích thực, mà chỉ là mối tương quan phụ thuộc trói buộc tự do của người khác.

Tóm lại, phải tránh tối đa mối tương quan kiểu quyền bính, kiểu cha - con, phải để cho người được đồng hành thực sự tự do chọn lựa và quyết định. Người đồng hành không ra lệnh, không lấy quyết định dùm, nhưng hướng dẫn để người thụ hưởng có thể bước đi trên chính đôi chân của mình mà đến với Thiên Chúa; hay đúng hơn là giúp họ biết mở lòng ra để Thiên Chúa đến với họ. Việc lắng nghe đích thực phải được mở rộng ra với chân trời tự do như thế.

Chúng ta cùng tìm hiểu chiều kích tâm lý và tâm linh trong việc lắng nghe đồng hành thiêng liêng.

3. Chiều kích tâm lý của việc lắng nghe

Lắng nghe là một nghệ thuật, không phải ai cũng dễ dàng mở toang cửa sổ tâm hồn họ cho ta; dấu sao, theo khía cạnh tâm lý, nơi sâu thẳm bí nhiệm của tâm hồn vẫn là nơi trú ngụ an toàn nhất cho bản thân một khi tất cả trở thành bất trắc và đe dọa. Khó có thể phá vỡ cơ chế tự vệ đã ăn sâu vào vô thức của mỗi người. Do vậy, ta thường thấy, mỗi khi gặp khó khăn hay thất bại, người ta thường chui vào vỏ ốc của mình như một nơi ẩn trốn bình an nhất.

Xét theo khía cạnh tâm lý, có những yếu tố không thể thiếu trong quá trình lắng nghe: Đó là việc biết mình - “tri kỷ tri bỉ”, trân trọng và đón nhận sự khác biệt của người khác, và phải có khả năng lắng nghe lẫn nhau.

3.1. Biết mình

Biết mình không phải là một chuyện dễ dàng; chẳng vậy, Socrate, triết gia Hy Lạp, đã có lý khi chọn châm ngôn sống cho bản thân là “hãy biết mình”. Biết mình là cả một hành trình dài khám phá, cần phải gọi tên, xác định và tôn trọng con người phức tạp của mình trong bất cứ giai đoạn nào. Nhiều lúc chính bản thân người đồng hành cũng cảm thấy bế tắc, mất phương hướng sống. Cần phải biết mình để rồi không đánh mất mình, không vong thân giữa cuộc đời trăm ngả. Cuộc sống mỗi người là một chuỗi liên tục không đứt đoạn; chối từ quá khứ là không có hiện tại và cũng chẳng có tương lai.

Cuộc sống được hình thành từ hàng vạn mảnh vụn kinh nghiệm chúng ta có về bản thân qua các biến cố, qua mối tương quan với tha nhân, qua công việc, qua học hành nghiên cứu... Tất cả mọi việc xảy ra đều góp phần làm nên cuộc sống và nhân cách con người. Việc hiểu biết chính mình như thế là điểm hội tụ sức mạnh giúp người đồng hành có thể đối đầu với những xung đột, đánh giá đúng các bậc

thang giá trị, phân định một cách chính xác những nhu cầu của người được đồng hành, lắng nghe và cảm thông với họ.

Nếu muốn biết mình, phải can đảm sống thật, sống con người trần trụi, không tự vệ, không đeo mặt nạ, không bôi đen, không tô hồng thực tế... Đó là cơ may để nhận ra khuôn mặt đích thực của mình. Việc biết mình đòi hỏi luôn phải phản tỉnh trong mọi hoàn cảnh, đón nhận những cảm xúc, biết được điều mình đang mong muốn, đang khát vọng. Biết mình là khả năng lắng nghe chính mình trong mọi trạng huống của cuộc sống, là kinh nghiệm về bản thân trong từng bước thăng trầm, trong thành công và thất bại, trong thống nhất và đổ vỡ, trong nỗi khao khát kiếm tìm và khoanh khắc gặp gỡ... Đó là vốn sống, là trải nghiệm, là sự thống nhất con người, là làm chủ tư tưởng, ước muốn, tình cảm, là bài học căn bản trong bước đầu lắng nghe, tạo môi thâm giao với người khác.

Biết mình bao hàm việc hiểu biết những sở trường sở đoản của bản thân, biết được tài khéo và nội lực của mình. Sự hiểu biết này giúp cho người đồng hành có thể chạm trán với sự thật không thể tránh khỏi như tội lỗi, yếu đuối, thua cuộc... Việc chân nhận sự thật này giúp cho bản thân có thể tự sửa chữa lại con người của mình, đặc biệt là thái độ tự tôn hay tự ty, thiết lập mối tương quan ngôi vị, tự do và quân bình với chính Thiên Chúa và với người đang được mình đồng hành. Từ mối tương quan quân bình này, người đồng hành dễ dàng đón nhận chính nỗi cô đơn của bản thân. Trước khi đối diện với Thiên Chúa, thì phải biết sống đơn độc ngay với chính mình; phải có khả năng vừa đón nhận, vừa tương giao với người khác, vừa biết sống sự cô độc dường như mâu thuẫn nhau, nhưng lại hội tụ nơi một con người, từ đó mới có thể mở lòng ra với Thiên Chúa và với tha nhân.

Có thể nói, nếu không biết mình, vị đồng hành cũng không thể hiểu biết được người khác, không thể hiểu được chương trình Thiên Chúa dành riêng cho họ. Một khi không biết mình, vị đồng hành dễ có cảm nghĩ làm được mọi chuyện, ngay cả chuyện tiềm quyền Thiên Chúa trong việc đồng hành, thấy khả năng của lý trí còn vượt trội hơn cả ân sủng. Đúng ra, *“một vị đồng hành, nếu đây thân khí Thiên Chúa, thì không bao giờ đi trước ân sủng, bất luận là trong việc gì, nhưng chỉ kiên nhẫn theo sau từng bước, một khi đã thận trọng cân nhắc...”*. [29] Như vậy, chính thái độ biết mình sẽ giúp cho vị đồng hành đón nhận được người khác trong những khác biệt của họ.

3.2. Đón nhận tha nhân với những khác biệt

Tự bản chất, mỗi người là duy nhất, độc đáo; và như vậy không ai giống ai hoàn toàn, sự khác biệt là điều tất yếu. Tuy nhiên, con người hay có khuynh hướng loại trừ, khó có thể đón nhận những gì khác với mình, ngược với mình; tẩy chay những ai không đồng quan điểm với mình... Chính khi đó, con người làm nghèo nàn hoá chính mình, thay vì là sự phong phú vô cùng khi biết đón nhận và dung hòa những khác biệt. Người đồng hành thiêng liêng cũng không được miễn trừ những khuynh hướng tự nhiên như thế, họ phải cố gắng vượt qua, để thấy được sự phong

phú, tính thống nhất trong những phức biệt. Mỗi người có một cá tính duy nhất, và được kêu gọi hoàn trọn hành trình đời mình theo những nét riêng biệt của bản thân. Mỗi người có những điểm yếu, điểm mạnh khác nhau, có những trang lịch sử đời tư khác nhau, và có một nẻo đường nên thánh riêng biệt, cho dù họ có sống chung trong một mái gia đình, chung một nền giáo dục, sinh hoạt chung trong một hội đoàn, một giáo xứ... Do vậy, trong bất cứ một môi tương quan liên vị nào, thì cuộc gặp gỡ đích thực phải được đặt nên trên sự nhận thức rằng mỗi người đều là cá vị phân biệt và khác biệt. Việc đồng hành đích thực cũng phải khởi đi từ sự gặp gỡ khác biệt ấy.

Thiên Chúa yêu con người, không chờ con người phải nên hoàn thiện rồi Người mới yêu, nhưng Người yêu chúng ta từ khi chúng ta còn là tội nhân. Thế nhưng con người lại khó lòng kiên nhẫn, chờ đợi và chấp nhận nhau. Thực tế thì ai cũng có khuyết điểm, cũng có lỗi lầm cả. Dám chấp nhận người khác như họ là, chính là khởi điểm của một môi tương quan đúng nghĩa. Chấp nhận người khác, không có nghĩa là đồng lõa, nhu nhược, nhưng là thái độ đón nhận, cảm thông, không kết án, sẵn sàng tha thứ và cho người khác cơ hội để khắc phục, thăng tiến.

Trước khi vĩnh biệt trần gian, chị thánh Têrêsa Hải Đồng Giêsu đã để lại những lời vàng ngọc, lời có sức mạnh an ủi bao tâm hồn tan vỡ. Mở trang sách *Tự Thuật* của chị, ta bắt gặp những dòng này:

“Biết rằng tôi có thể phạm hết những tội con người có thể phạm được, tôi bị cạn kiệt vì thống khổ, thì tôi vẫn ném mình vào vòng tay của Đức Giêsu, vì tôi xác tín rằng Người sẽ vui mừng biết mấy khi đưa con hoang đàng trở về với Người. Không phải bởi vì Thiên Chúa giữ tôi trong lòng nhân từ của Người, nhưng từ tội lỗi ghê gớm mà tôi tìm thấy Người trong tình yêu và chân lý”.
[30]

Như vậy, chấp nhận người khác không hề có sự loại trừ việc chấp nhận chính bản thân mình; nhìn thấy thiện chí của người khác, cũng là hy vọng vào thiện chí của mình; khơi gợi những gì là tốt đẹp để giúp người khác thăng tiến, cũng là tìm ra nẻo đường để hoàn trọn chính bản thân. Trong hướng nhìn tích cực này, đồng hành sẽ là chất men làm dậy lên ngọn lửa nhiệt tình nơi tâm hồn con người, đặc biệt là nơi người thụ hưởng, ngọn lửa này sẽ bùng lên thiêu đốt những gì là cản trở để họ cất bước lên đường trên hành trình tìm kiếm, khám phá.

Chúng ta tìm hiểu chiều kích tâm lý khác nữa, đó là:

3.3. Khả năng lắng nghe người khác

Một câu nói tưởng như thừa nhưng rất căn bản: muốn lắng nghe người khác, trước tiên phải có khả năng lắng nghe họ đã. Lắng nghe là nền tảng mọi mối giao tiếp; một kẻ chỉ biết nói về mình mà không biết lắng nghe, thì mối thông giao sẽ bế tắc. Lý tưởng của một cuộc gặp gỡ sâu xa là cả hai bên đều phải biết lắng

nghe nhau. Nếu áp dụng ngôn ngữ của nhà quảng cáo trong trường hợp này có lẽ cũng có thể chấp nhận được: *“Luôn luôn lắng nghe, luôn luôn thấu hiểu”*. [31]

Nhờ lắng nghe, chúng ta mới có thể thoát ra khỏi thế giới kinh nghiệm của mình mà đi vào thế giới kinh nghiệm của kẻ khác. Nên lưu ý một nguyên tắc rất căn bản trong việc đồng hành là phải khởi đi từ hoàn cảnh sống, từ kinh nghiệm cụ thể và riêng tư của người thụ hưởng đối với Thiên Chúa. Chúng ta không thể bắt người khác bước đi trong đôi giày quá lớn hoặc quá nhỏ của mình, mà ngược lại phải giúp họ bước đi bằng chính đôi giày của họ, và ta cũng phải bước đi bên họ bằng đôi giày của họ nữa. Việc thoát ra khỏi bản thân mình như thế không phải là việc làm dễ dàng, và không phải ai cũng làm được; việc làm này đòi hỏi phải biết quên mình, phải biết *“trở nên mọi sự cho mọi người”*, biết *“hiến mình vì anh em”*.

Việc lắng nghe người khác, không giống như lắng nghe tiếng chim hót, tiếng suối reo; nhưng là lắng nghe một con người trong mối tương quan ngôi vị, lắng nghe và đón nhận tất cả sự hiện hữu của họ với những nét đẹp tâm hồn, tội lụy, khuynh hướng, và bao điều huyền nhiệm đang hình thành nên nhân cách của họ. Trong lúc này, người đồng hành phải gạt bỏ mọi thiên kiến, định chế, khuôn mẫu, nhất là những chuẩn mực luân lý của cá nhân mình, để có thể lắng nghe, cảm thông và thấu hiểu được con người của họ như chính họ đang là.

Để có được khả năng lắng nghe này, ngoài những nỗ lực tập luyện, còn phải biết đón nhận như là một ân ban, một khả năng đặc biệt Thiên Chúa trao để phục vụ người khác. Người ta không thể chỉ lắng nghe người khác qua hàng loạt những trợ giúp kỹ thuật, mà còn phải lắng nghe bằng tâm hồn, bằng tấm lòng cảm thông, trắc ẩn. Người ta chỉ có thể nghe được tiếng lòng của người khác với những đồ vỡ, lo lắng, khát vọng..., bằng trái tim chứ không phải đôi tai thuần túy. Nếu chỉ lắng nghe người khác bằng đôi tai, người ta thường bị cám dỗ bỏ qua nhiều điều và cho rằng những điều ấy không quan trọng, dễ dàng hấp tấp trả lời, phê phán, trấn an, hoặc đôi khi xếp loại các vấn đề theo những tiêu chuẩn mình đã có sẵn. Và như vậy, nhiều khi người thụ hưởng chưa kịp bộc lộ điều sâu xa trong lòng mình thì đã đi vào ngõ cụt của sự tương giao, bế tắc.

Chẳng phải lúc nào người thụ hưởng cũng đến với vị đồng hành rồi bày tỏ một cách sáng suốt, thứ tự lớp lang những vấn đề của mình; nhưng rất nhiều khi họ đến với vị đồng hành trong tâm trạng bất an, “xả ra” biết bao vấn đề, những dồn nén, sợ hãi, và nhiều khi cả sự bất mãn, chống đối nữa. Do vậy, khả năng lắng nghe là điều cần thiết để đón tiếp những con người này và từ từ hướng dẫn họ.

Chúng ta tìm hiểu chiều kích khác của việc lắng nghe:

4. Chiều kích thiêng liêng của việc lắng nghe

Ở trên, chúng ta mới chỉ bàn tới những khía cạnh tâm lý của việc lắng nghe; còn một chiều kích khác vượt trên cả khía cạnh tâm lý nữa, đó là chiều kích thiêng liêng. Trong việc đồng hành thiêng liêng, hai người lắng nghe nhau thôi chưa đủ, cả

người đồng hành và người được đồng hành còn phải lắng nghe tiếng Chúa nữa. Việc lắng nghe này giả thiết một thái độ quy phục đức tin trong tình yêu và hy vọng. Tin rằng Thiên Chúa đang dẫn mình đi trên một nẻo riêng biệt, bởi vì Người là Cha nhân lành, chúng ta đặt tất cả niềm hy vọng vào Người và lấy tình yêu của mình mà đáp trả tình thương đợi chờ của Thiên Chúa.

4.1. Lắng nghe trong niềm tin

Lắng nghe người khác trong việc đồng hành thiêng liêng là cùng với họ đi vào hành trình đức tin, phía trước vẫn là chân trời vô định mời gọi con người khám phá, và việc lắng nghe là sự quy phục vô điều kiện đối với Thiên Chúa, là hiến dâng những gì thâm sâu nhất của mình cho Đấng là chiều sâu thăm thẳm. Đó chính là hành vi “lao mình vào vực thăm”, là “buông theo ân sủng”, là tin tưởng một cách tuyệt đối không do dự.

Hành trình đức tin ấy, xưa kia tổ phụ Abraham đã đi, ông ra đi theo tiếng gọi của Thiên Chúa, dầu phía trước vẫn là u minh mù tối. [32] Chính nhờ đức tin son sắt như thế, Thiên Chúa đã hứa ban ơn và thiết lập giao ước với ông. [33] Quả thực, đức tin của tổ phụ Abraham thật là kiên vững, khi ông phải đối diện với thử thách tương chừng không thể nào vượt qua được: dâng con một cho Thiên Chúa làm hy lễ. Thế nhưng đức tin đã giúp ông vượt qua tất cả. [34]

Trong Kinh thánh Cựu ước, chúng ta cũng bắt gặp nhiều hành trình đức tin khác nữa: hành trình đức tin của dân Chúa trong sa mạc, [35] đức tin như điều kiện sống còn của dân Chúa, [36] dân tuyên xưng đức tin vào Thiên Chúa; [37] đức tin và cuộc thử thách của ông Gióp, dầu cho phải chịu bao đau khổ, ông vẫn trung thành với Chúa và tin vào Người là Đấng toàn năng... [38]

Trong Tân ước, chúng ta bắt gặp đức tin của người phung hủi, [39] đức tin viên đại đội trưởng ở Caphacnaum, [40] đức tin bị thử thách của ông Phêrô, [41] đức tin của người đàn bà ngoại giáo... [42] hay đức tin của tên gian phi sám hối. [43]

Mỗi người, trong mỗi hoàn cảnh khác nhau, khoảnh khắc khác nhau, nhờ đức tin, họ đã lắng nghe được tiếng Chúa: Samuen nghe được tiếng Chúa trong đền thánh lúc đêm khuya tĩnh mịch; [44] Êlia, Isaia, Giêrêmia, Êdêkien... đã nghe được tiếng Chúa gọi mình làm ngôn sứ; [45] các môn đệ đã nghe tiếng Chúa gọi để trở nên Tông đồ; [46] và bao người như Giakêu, người đàn bà tội lỗi... đã nghe tiếng Chúa mà ăn năn hối cải. Đó cũng phải là bài học kinh nghiệm cho hành trình đức tin của chúng ta hôm nay, đặc biệt trong việc đồng hành thiêng liêng.

Như vậy, chúng ta thấy, không thể thiếu chiều kích đức tin trong việc lắng nghe đồng hành. Có thể nói mạnh hơn, chính việc lắng nghe là hành vi đức tin, trong đó vị đồng hành và người thụ hưởng quy phục bản ngã thâm sâu nhất của mình trong huyền nhiệm tình yêu không thể diễn tả được. Bằng việc lắng nghe, họ bỏ mình hoàn toàn để ở lại trong tình yêu của Đấng mến yêu họ. [47]

Chính trong đức tin, họ lắng nghe nhau và cùng nhau lắng nghe tiếng Chúa. Việc lắng nghe như thế cho chúng ta có quyền hy vọng về sự hiển lộ thiêng liêng.

4.2. Lắng nghe với niềm hy vọng

Lắng nghe là khao khát, chăm chú chờ đợi Thiên Chúa. Chúng ta không mong đợi điều gì, mà là mong đợi gặp gỡ một ngôi vị, gặp gỡ một con người, gặp gỡ chính Chúa. Đó chính là chiều kích hy vọng trong việc lắng nghe.

Cũng như xưa kia ngôn sứ Khabacuc lắng nghe và canh chừng xem Chúa nói gì với mình, [48] như dân riêng khát khao mong đợi Chúa “hơn lính canh mong đợi hừng đông”, [49] như những trinh nữ khôn ngoan chuẩn bị dầu đèn mong chàng rể đến, [50] như chủ nhà tỉnh thức kéo kẻ trộm khoét vách nhà mình..., [51] khoảnh khắc Thiên Chúa tỏ lộ cho con người cũng bất ngờ như thế. Nếu không sống trong thái độ đợi chờ và hy vọng, thì “giờ” Thiên Chúa tỏ hiện, con người cũng chẳng nhận ra, cũng chẳng đón tiếp Người. Càng khao khát, càng đợi chờ, thì một khi Chúa đến niềm vui lại càng lan toả hơn.

Vị đồng hành sẽ chẳng giúp gì được cho người thụ hưởng nếu không lắng nghe họ trong niềm hy vọng như thế. Rất nhiều khi, vị đồng hành phải đối diện với con cám dỗ bỏ cuộc, vì những điều người thụ hưởng bộc lộ thật quanh co, tăm tối. Nhưng một khi biết đón nhận và lắng nghe trong sự kiên nhẫn đợi chờ, thì vị đồng hành sẽ không thất vọng, vì biết rằng kết quả việc đồng hành đến từ phía Thiên Chúa chứ không phải là do tài khéo của mình. Nhờ vậy, vị đồng hành có thể thoát ra khỏi nguy cơ muốn kiểm soát tiến trình thiêng liêng của người thụ hưởng, muốn giải quyết cấp thời những nhu cầu của họ, muốn đung chạm tận tay kết quả của cuộc đồng hành. Tất cả những tham vọng như thế đều đi ngược lại với tiến trình lắng nghe, đều phản lại kế hoạch của Thiên Chúa, vốn được thể hiện không phụ thuộc vào sự sắp xếp của con người.

Như thế, không thể lắng nghe nếu đánh mất niềm hy vọng, một chiều kích căn bản trong hành trình đức tin.

4.3. Lắng nghe bằng lòng mến

Việc lắng nghe này, đặt nền trên mối tương quan liên vị với Thiên Chúa; bởi vì lắng nghe là công việc của trái tim hơn là của đôi tai, là thái độ của cõi lòng nơi mà những bí ẩn thâm sâu nhất vẫn tồn tại và cần được Thiên Chúa đung chạm tới. Việc lắng nghe này đòi hỏi một thái độ rất tinh tế, cảm nhận bằng con mắt đức tin, và bằng chính kinh nghiệm cụ thể của mình về Thiên Chúa, kinh nghiệm đáp trả lời mời gọi của Đức Giêsu “*Anh em hãy ở lại trong tình yêu của Thầy*”. Chính việc lắng nghe, việc “ở lại” này mà người thụ hưởng có thể sinh hoa trái là tìm ra được con đường Thiên Chúa dành riêng cho mình, con đường độc đáo, cá vị, ngang qua kinh nghiệm hay sự hướng dẫn của vị đồng hành. Riêng đối với vị đồng hành, chính nhờ

việc lắng nghe này mà những cảm nghĩ, lo lắng... của người đang được mình đồng hành sẽ hiển lộ.

Trọng tâm của việc đồng hành phải là những kinh nghiệm thiêng liêng, và mục đích cuối cùng là sự kết hợp với Chúa. Đó chính là sự kết hợp nhờ đức tin, niềm hy vọng, và đặc biệt là đức ái. Khi ấy, người ta tuân giữ lề luật không còn phải như một gánh nặng, mà luật đã được ghi khắc tận trong tâm khảm con người; [52] được thay thế trái tim bằng thịt thay vì là trái tim bằng đá, [53] đó là lúc con người hoàn toàn quy hướng về Chúa, vì ai yêu mến Chúa thì tuân giữ lời Người, [54] và kho tàng ở đâu thì lòng người ta ở đó. [55]

Tuy nhiên, vẫn nạn vẫn còn đó, dù là lắng nghe bằng lòng mến, nhưng khám phá ra thánh ý Thiên Chúa vẫn còn là một thách đố. Thiên Chúa không ngó lơ với chúng ta như cung cách con người thường áp dụng; chính vì vậy, một trong những phương cách căn bản nhất giúp ta nhận ra đâu là ý Chúa, đâu là ý riêng mình, và có khi là mưu ma chước quỷ nữa, đó chính là sự phân định.

[1] Rm 8,28.

[2] Xc. André Louf, *Án sủng còn kỳ diệu hơn*, tr. 55-56.

[3] Sđd. tr. 55

[4] Cách diễn tả này vay mượn từ Phật giáo, có thể sẽ rất xa lạ và khó hiểu đối với những ai chưa tiếp xúc, chưa quen với giáo lý nhà Phật. Tuy nhiên với góc nhìn hội nhập văn hóa vào đời sống tâm linh, người viết tạm so sánh tiến trình “giác ngộ” của nhà Phật với tiến trình “hoán cải” của Kitô giáo. Cách so sánh này có nhiều điểm khập khiễng, chưa hoàn toàn tương đồng, nhưng xin được mạo muội đưa ra như một cố gắng hội nhập.

Bộ tranh “Mục ngư đồ” có từ thời nào chẳng rõ, nhưng mãi tới thời nhà Tống, thế kỷ XII, một số họa sĩ áo nâu mới phục chế lại các bức họa này, hoà với dòng Thiên Phật giáo Bắc Tông, gồm mười bức họa tất cả. Tuy bộ tranh này xuất phát từ nhiều trường phái khác nhau, nhưng “Mục ngư đồ” gom lại thành hai loại: một của phái Đại Thừa (lối tu tiệm), và một của phái Thiên Tông (lối tu đốn).

Dù là tranh Đại Thừa hay Thiên Tông, cả hai đều trình bày quá trình *trở về tâm, thuần tâm*; trong đó *hình ảnh con trâu được coi như tâm kẻ hành đạo*, khởi đi từ quá trình tìm trâu, dắt trâu, luyện trâu, thuần trâu, rồi buông trâu, quên người, và sau cùng hoà với thiên nhiên, thông tay vào chợ.

[5] Xc. *Thời sự thần học*, số 35, tháng 3. 2004, tr. 21.

[6] Điều này khác với thái độ thờ ơ lãnh đạm, không quan tâm gì đến người đang nói với mình. Nguyên tắc căn bản trên xem ra có vẻ đơn giản, nhưng trong thực hành đó cũng là một thách đố không nhỏ. Bởi lẽ: “Việc làm dễ nhất là cho người khác một lời khuyên!”

[7] Xc. Wilfrid Stinissen, *Quà tặng tâm linh*, tr. 49.

[8] Julian of Norwich, *Revelation of Divine Love*, Artos, Skelleftea, 1991, tr. 88 (Trích theo cước chú của Wilfrid Stinissen, *Quà tặng tâm linh*, tr. 51).

[9] Vì chẳng có gì của con người trở nên xa lạ với người môn đệ Đức Kitô (*Gaudium et Spes*, số 1).

[10] John of the Cross, *Living Flame of Love*, 3, 46 (Trích lại theo Francis Kelly Nemeck, OMI, Marie Theresa Coombs, Hermit, *Phương pháp linh hướng* tr. 106).

[11] Baker, Augustine, *Holy Wisdom*, tr. 41.

[12] Xc. Francis Kelly Nemeck, OMI, Marie Theresa Coombs, Hermit, *Phương pháp linh hướng* tr. 108.

[13] Xc. Ga 4, 3-4.

[14] Mt 10, 19 -20.

[15] Xc. 1Cr 12, 4 -11.

[16] Xc. Francis Kelly Nemeck, OMI, Marie Theresa Coombs, Hermit, *Phương pháp linh hướng*, tr. 112.

[17] Grady, Lauren. “Afterword to a Pistle of Discrecioun of Stirings”, *Contemplative Review*, tr. 10. (Trích lại trong Sđd, tr. 122-123).

[18] Chúng tôi sẽ trình bày những “cạm bẫy” này ở chương sau, khi nói về những khó khăn trong mối tương quan đồng hành.

[19] Xc. Francis Kelly Nemeck, OMI, Marie Theresa Coombs, Hermit, *Phương pháp linh hướng*, tr. 111.

[20] Is 43, 1-4.

[21] Hs 2, 21-22.

[22] Gr 31,3.

[23] Xc. Ga 15,5.

[24] Tv. 139, 13-14.

[25] John of the Cross, *Living Flame of Love*, 3,46.

[26] Xc. Phương Hoài Nhân, OP. *Tư vấn mục vụ*, tr. 86.

[27] Xc. Ibid. tr. 90.

[28] St. Tôma Aquinô, *Summa Theologica*, I, q. 22, a. 2, ad 4.

[29] Đoạn văn do Fénelon viết, André Louf đã đọc lên hôm ngài được bổ nhiệm làm Đan viện phụ (Xc. André Louf, *Ấn sủng còn kỳ diệu hơn*, tr. 6).

[30] Trích lại theo Wilfrid Stinissen, *Quà tặng tâm linh*, tr. 57.

[31] Câu quảng cáo của Công ty bảo hiểm *Prudentio*.

[32] Xc. St 12, 1-9.

- [33] Xc. St 15, 1-18.
- [34] Xc. St 22, 1-19.
- [35] Xc. Xh 14, 5-31; 17.
- [36] Xc. Is 7.
- [37] Xc. Dnl 6, 4-6.
- [38] xc. G 42.
- [39] Xc. Mt 8, 1-4.
- [40] Xc. Mt 8, 5-13.
- [41] Xc. Mt 14, 22-33.
- [42] Xc. Mt 15, 21-28.
- [43] Xc. Lc 23, 39-43.
- [44] Xc. 1Sm 3, 1-10.19 - 4,1a.
- [45] Xc. 1V 19, 16-21; Is 6, 1-10; Gr 1, 1.4-10.17-19; Ed 2, 2-5.8 - 3,4.
- [46] Mt 4, 18-22; 9, 9-13; 10, 1-4...
- [47] Xc. Francis Kelly Nemeck, OMI; Marie Theresa Coombs, Hermit, *Phuong pháp linh hương*, tr. 76.
- [48] Xc. Kb 2, 1-4.
- [49] Tv 129.
- [50] Xc. Mt 25, 1-13.
- [51] Xc. Mt 24, 42-44.
- [52] Xc. Gr 31, 31-34.
- [53] Xc. Ed 36.
- [54] Xc. Ga 14, 23-29.
- [55] Lc 12, 33-34.
- [56] Xc. Thomas Green, SJ. *Sự phân định thiêng liêng*, tr. 13-14; 18-19.
- [57] Xc. Jacques Guillet, *Khổ chế và thần bí*, khoản nói về “sự phân định thiêng liêng”, Beauchesne Paris, 1957, tập III, tr. 1223; Thomas Green, SJ. *Sự phân định thiêng liêng*, tr. 25-26.
- [58] Xc. Tl 9,23; 1Sm 16,14-23. 18,10. 19,9; 2V 19,7; Is 19,14. 29,10.
- [59] Rm 12,2.
- [60] Ep 5,17.
- [61] Cl 1,9-10.
- [62] Xc. 1Ga 4,1

[63] Jacques Guillet, *Khổ chế và thần bí*, Beauchesne Paris, 1957, tr. 1231 (Trích lại trong Thomas Green, SJ. *Sự phân định thiêng liêng*, tr. 51).

[64] Ngay từ thời xuất hiện đời đan tu, các sư phụ đã đặt nặng việc “phân định” hay “phân định thần khí” (hoặc “biện phân thần khí”). Thánh Bênadô ghi nhận rằng Thánh kinh nói tới 6 thứ thần khí: thần khí Chúa (Nkm 7,5), thiên sứ (Dcr 2,2), quỷ (Tv 77,9), xác thịt (Cl 2,18), thế gian (1Cr 2,12) và con người (1Cr 2,11).

Sáu thần khí đó có thể thu lại thành ba:

1. Thần khí Chúa thúc giục ta làm điều tốt để nên thánh;
2. Thần khí xấu lôi kéo ta vào đường tội lỗi;
3. Thần khí “con người” thì bị giới hạn vì đam mê tội lỗi, cho nên cũng thường rơi vào điều xấu. (Phan Tấn Thành, *Đời sống tâm linh*, tập III, tr. 292-293)

[65] Xc. 1Cr 12,10.

[66] Chẳng hạn như việc phải quyết định ơn gọi: ơn gọi nào cũng tốt, nhưng lời mời gọi sống đời sống dâng hiến, thực thi đức ái trọn hảo, là sự chọn lựa quyết liệt hơn; hoặc việc phân vân nên sống đời tu hoạt động, hay lui về sống đời chiêm niệm...

[67] Thực ra, ngay từ thời các Giáo phụ, khi xây dựng nền thần học tự nhiên (dựa trên triết học hơn là mạc khải) để đối thoại với nền văn hóa Hy Lạp, Giáo phụ Justinô đã nói về “hạt giống Lời” nơi các tôn giáo và các nền văn hóa khác. Công đồng Vatican II chỉ làm công tác khai triển và trở về nguồn mà thôi.

[68] Xc. Phan Tấn Thành, *Đời sống tâm linh*, tập III, tr. 294-295.

[69] Trích lại trong Thomas Green, SJ. *Sự phân định thiêng liêng*, tr. 53.

[70] Xc. St 1,1-3,24.

[71] Xc. Thomas Green, SJ. *Sự phân định thiêng liêng*, tr. 30.

[72] Xc. 1Cr 2,15.

[73] Dt 5, 11-14.

[74] Trích lại trong Thomas Green, SJ. *Sự phân định thiêng liêng*, tr. 31.

[75] Tác giả Thomas Green liệt kê sáu tiêu chuẩn căn bản do Guillet đề nghị, đó là:

- Các lời của ngôn sứ loan báo tai họa thì có nhiều cơ may là đích thực hơn các lời ngôn sứ loan báo tin vui.
- Những lời ngôn sứ đích thực được xác nhận bằng việc loan báo “những dấu chỉ” đã xảy ra thực sự.
- Sứ điệp của ngôn sứ trung thành với đạo lý tinh ròng của Israel. Đây là tiêu chuẩn còn quan trọng hơn cả hai tiêu chuẩn trên, vì ma quỷ cũng có thể làm được những điều như hai tiêu chuẩn trên gợi ý.
- Đời sống chứng tá của vị ngôn sứ cũng có giá trị ngang bằng với những giáo thuyết ông dạy.

- Tiêu chuẩn thứ năm nội tại ngay trong con người vị ngôn sứ, đó là chủ đích của vị ngôn sứ. Thực ra, tiêu chuẩn này rất khó áp dụng và khó có thể kiểm chứng được.

- Tiêu chuẩn cuối cùng là chính kinh nghiệm ơn gọi của vị ngôn sứ.

(Xc. Thomas Green, SJ. *Sự phân định thiêng liêng*, tr. 32-37).

[76] Xc. Sđd, tr. 81-90.

[77] Xc. 1Cr 13, 4-7; Jordan Aumann, OP. *Đời sống tâm linh*, tập III, tr. 350-352.

[78] Xc. Jordan Aumann, OP. *Đời sống tâm linh*, tập III, tr. 364-365.

[79] Thánh Tôma Kempis mô tả những biểu hiện thuần túy nhân loại trong cuốn *Guương Chúa Kitô*, quyển III, chương 54.

[80] Xc. Jordan Aumann, OP. *Đời sống tâm linh*, tập III, tr. 366.

[81] J. C. Futrell, tác giả của bộ sách *Cầu nguyện và quyết định, sự phân định thiêng liêng (Prière et décision, le discernement spirituel)*, bộ “*Đời sống Kitô giáo*”, số 147, 1975 (Xc. cước chú số 63 của Thomas Green, SJ. *Sự phân định thiêng liêng*, tr. 282).

[82] Xc. Thomas Green, SJ. *Sự phân định thiêng liêng*, tr. 283-292.

III. Sự phân định

1. Thế nào là phân định?
2. Tại sao phải phân định?
3. Một số chỉ dẫn để phân định

Trước khi tìm hiểu thế nào là phân định, mỗi chúng ta đều nhận ra một đòi hỏi, một bổn phận cấp thiết, đó là phải tìm hiểu và sống theo thánh ý Thiên Chúa. Điều này thật không đơn giản. Dân Israel xưa đã từng chứng kiến có những ngôn sứ thật và ngôn sứ giả. Vào thời Tân ước, Giáo hội từng được cảnh báo sẽ có những tên phản Kitô xuất hiện và lừa gạt mọi người. Và trong chính kinh nghiệm tâm linh cụ thể của mỗi người, nhiều khi chúng ta không phân biệt được đâu là ý riêng mình, đâu là ý Thiên Chúa; đâu là làm việc cho Chúa, đâu là việc làm của Chúa; đâu là phân định, đâu là quyết định; đâu là lắng nghe những tâm tình của mình, đâu là cậy dựa vào lý trí của mình; đâu là vấn đề thuộc tâm lý, đâu là vấn đề thuộc tâm linh... Chúng ta sẽ phần nào làm sáng tỏ những vấn nạn này; nhưng trước tiên, tìm hiểu cách tổng quát thế nào là phân định.

1. Thế nào là phân định?

Trong cuốn tự điển “American college dictionary”, 1966, ta thấy động từ “phân định” được định nghĩa như sau: 1. Nhận thấy bằng mắt hoặc bằng một giác quan nào khác, nhận thức bằng trí tuệ... 2. Phân biệt bằng trí tuệ, nhận ra sự khác biệt, coi như tách biệt nhau; tách biệt, phân biệt.

Như vậy, chúng ta có thể hiểu việc phân định thường bao gồm một trật hành vi nhận thức và hành vi phân biệt hoặc phán đoán. Cũng vậy, trong việc phân định thiêng liêng, cả việc nhận thức và phán đoán đều quan trọng. Về mặt lý thuyết, có thể phân làm hai loại: phân định cá nhân và phân định cộng đoàn. Nhưng dù là loại phân định nào, mục tiêu cuối cùng cũng là đạt tới một tình yêu sáng suốt, dẫn tới sự tự do đích thực. [1]

Có thể nói, xét về bản chất, việc phân định là một nghệ thuật, người ta có thể thủ đắc nhờ việc học hỏi, rút tía kinh nghiệm; tuy nhiên, phân định cũng là một đặc sủng, một ân ban nữa, chứ không phải thuần túy là sự cố gắng hay tài khéo của con người.

Xét về lịch sử của việc phân định, Guillet cho thấy trong những bản văn cổ nhất (Cựu ước), người ta chưa nói đến sự phân định. [2] Lý do là vì ảnh hưởng của các thần (chính và tà) mạnh mẽ và bao trùm đến độ người có kinh nghiệm này không làm sao cưỡng lại được; mặt khác, đối với người Do Thái, thần khí tốt và xấu đều xuất phát từ Thiên Chúa, mặc dù thần khí tốt biểu lộ những hoạch định cứu độ của Thiên Chúa, và thần khí tốt là ý muốn đưa kẻ thù tới chỗ diệt vong. [3]

Còn trong Tân ước, trong thư gửi giáo đoàn Rôma, thánh Phaolô đã nói tới khả năng phân định như sau: “Anh em đừng có rập theo đời này, nhưng hãy cải biến con người anh em bằng cách đổi mới tâm thần, hầu có thể nhận ra đâu là thánh ý Thiên Chúa, cái gì là tốt, cái gì hoàn hảo”. [4] Còn đối với tín hữu Êphêxô, thánh nhân viết: “Anh em đừng hoá ra ngu xuẩn, nhưng hãy tìm ra đâu là ý Thiên Chúa”. [5] Người cũng nhắn nhủ giáo dân Côlôxê: “Chúng tôi không ngừng cầu nguyện và kêu xin Thiên Chúa cho anh em được am tường thánh ý Người với tất cả sự khôn ngoan, hiểu biết mà Thần Khí ban cho. Như vậy anh em sẽ sống được như Chúa đòi hỏi và làm đẹp lòng Người”. [6]

Chúng ta có thể tìm thấy những giáo huấn tuyệt vời như thế trong thư của thánh Phaolô và thánh Gioan; [7] tuy nhiên, trong Tin mừng, lại không thấy nhắc đến hạn từ “phân định”. Tác giả Guillet lý giải cho chúng ta điều này:

“Từ ngữ ‘on phân định các loại thần khí’ đã có mặt trong các thư, nhưng không thấy trong các sách Tin mừng, không phải vì các sách này không biết đến - các sách này chú tâm hoàn toàn vào việc thuật lại những lời lẽ và hành động của Đức Giêsu, nên không màng đến việc soạn thảo ra một học thuyết. Trái lại, đối diện với những vấn đề được đặt ra trong các giáo đoàn, các Thánh thư dành nhiều chỗ hơn cho các nguyên tắc và giáo thuyết. Có thể nói cách nôm na rằng, việc phân định

các loại thần khí, đã được sống trong các sách Tin mừng và đã được tư duy trong các Thánh thư”. [8]

Trong lịch sử linh đạo, có nhiều bản văn đề cập đến sự phân định, [9] đặc biệt theo truyền thống thánh Inhaxiô Loyola, nhiều con đường thiêng liêng được giới thiệu nhằm giúp chúng ta tìm ra ý Chúa trong những chọn lựa mang tầm mức sinh tử.

Tuy nhiên có những trường hợp đơn giản hơn, nhưng đòi hỏi bản thân phải có thói quen phân định, có lương tâm nhạy bén và tinh tế để chọn lựa. Chẳng hạn tôi được phép đi quyên tiền để giúp người nghèo, nhưng gia đình tôi cũng nghèo khổ, tôi có quyền lấy số tiền đó giúp gia đình mình không? Trong trường hợp này, sự phân định đơn giản là nhận ra sự khác biệt. Người nghèo và gia đình tôi nghèo, là hai lãnh vực hoàn toàn khác nhau; sự khác biệt này rất tinh tế, ấy là chưa kể nhiều khi con người hay thích ngụy biện để bào chữa cho ý riêng của mình nữa.

Tuy nhiên, nếu hiểu phân định đơn giản chỉ là nhận ra và chấp nhận sự khác biệt, thì dường như việc phân định dễ dàng quá; thực ra, phân định không phải chỉ là thói quen thủ đắc được; nhưng đúng hơn, như đã nói, đó là một đặc sủng được Chúa ban cho một số phần tử trong Giáo hội [10] chứ không phải ban cho hết mọi người. Do vậy, các nhà tu đức khuyên chúng ta nên đến bàn hỏi với những người đồng hành thiêng liêng, hiểu theo nghĩa những vị này được ơn phân định.

Việc phân định không chỉ dừng lại ở cấp độ cá nhân với việc nhận ra sự khác biệt, lựa chọn giữa điều tốt và điều xấu, nhưng còn được áp dụng giữa điều tốt và điều hoàn hảo. [11] Ngoài ra, từ Công đồng Vatican II, việc “phân định thần khí” còn được mở rộng đến chiều kích cộng đồng Hội thánh, qua việc nhìn ra những “dấu chỉ thời đại”, lắng nghe tiếng Chúa qua các phong tục tập quán, các nền văn hóa và tôn giáo... [12] của mọi dân tộc nữa. [13]

Sau khi tìm hiểu những khái niệm về phân định thần khí, và rảo qua một thoáng về lịch sử hình thành, dấu sao chúng ta cũng cần phải tóm kết lại “phân định” là gì. Trong rất nhiều định nghĩa về sự phân định, xin trích dẫn câu định nghĩa của cha E. Malatesta, dòng Tên:

“Qua từ ‘phân định thần khí’, người ta hiểu đó là tiến trình qua đó chúng ta xem xét, dưới ánh sáng của đức tin và trong độ tương hợp của đức ái, bản chất của những tâm trạng thiêng liêng mà chúng ta cảm thấy nơi chính mình và được người khác cảm nhận. Mục đích của việc xem xét ấy là xác định, trong chừng mực có thể được, đâu là những tâm trạng đưa dẫn chúng ta đến với Thiên Chúa để phục vụ Người và tha nhân trong một sự toàn thiện lớn hơn, và đâu là những tâm trạng đưa đẩy chúng ta đi xa mục đích đó”. [14]

Khi tìm hiểu kỹ định nghĩa trên, chúng ta phần nào hiểu được “phân định thiêng liêng” hay “phân định thần khí” là gì; tuy nhiên, để có cái nhìn trọn vẹn hơn về sự phân định, còn những vấn đề khác nảy sinh: tại sao phải phân định? Đâu là

tiêu chuẩn hay những trợ giúp để phân định? Chúng ta không thể bỏ qua việc tìm hiểu những vấn nạn này.

2. Tại sao phải phân định?

Để trả lời cho câu hỏi này, xin khởi đi từ một góc cạnh khác theo Kinh thánh: thế nào là sự thánh thiện? Ngoài những giải đáp mang tính thần học tu đức, chúng ta không thể bỏ qua yếu tố Kinh thánh quan trọng này: thánh thiện là thoát ra khỏi tình trạng hỗn mang, là biết phân biệt thiện với ác, tốt với xấu...; tóm lại, là phải biết phân định. Như vậy, chúng ta mới hiểu được ý nghĩa sâu xa các hành động của Thiên Chúa trong việc sáng tạo: lúc khởi đầu thế giới còn là một mớ hỗn mang, Thiên Chúa liền phân biệt ánh sáng và bóng tối, nước và đất liền..., và sự phân biệt cuối cùng hết sức quan trọng: phân biệt thụ tạo và Đấng Tạo Hoá. [15]

Trật tự sáng tạo này bị đảo lộn khi con người đánh mất sự phân biệt, không còn biết sự khác biệt giữa mình với Thiên Chúa, muốn ăn trái cấm để được bằng Thiên Chúa; và như thế, ngay tức khắc con người đánh mất chính mình, trở về tình trạng “hỗn mang”, bất phân định. Như thế, con người chỉ thực sự tìm lại được mình, tìm lại được địa vị làm con, khi thoát ra khỏi tình trạng hỗn mang đó. Và chỉ khi đó, con người mới có thể trưởng thành trong đời sống thiêng liêng. Thomas Green định nghĩa: “Người Kitô hữu trưởng thành là người có khả năng phân định”. [16]

Trong Cựu ước, việc mời gọi đi tới mức trưởng thành trước nhan Chúa chỉ tuân tự xuất hiện trong lương tâm của Israel, khi trách nhiệm cá nhân bắt đầu trở nên quan trọng, ý niệm về sự phân định chiếm vị trí hàng đầu trong các sách ngôn sứ.

Trong Tân ước, có thể nói, lời mời gọi trưởng thành đi liền với khả năng phân định để sống theo Thần Khí. Thánh Phaolô cho thấy con người sống theo Thần Khí là con người xét đoán được mọi sự, mà chẳng có ai xét đoán được người đó. [17] Tác giả thư Do Thái khiển trách những người thiếu khả năng này:

“Quả vậy, với thời gian, đáng lẽ anh em đã phải là những bậc thầy, thế mà anh em lại cần phải để cho người ta dạy anh em những điều sơ đẳng về các sấm ngôn của Thiên Chúa: thay vì thức ăn đặc, anh em lại phải cần dùng sữa. Thật vậy, phàm ai còn phải dùng đến sữa, thì không hiểu gì về đạo lý liên quan đến sự công chính, vì người ấy vẫn còn là trẻ con. Thức ăn đặc thì dành cho những người đã trưởng thành, những người nhờ thực hành mà rèn luyện được khả năng phân biệt điều lành điều dữ”. [18]

Thế nhưng, phân biệt điều lành điều dữ, vốn là việc làm của Thiên Chúa, đâu phải là chuyện dễ dàng; hơn nữa, đối diện với tiếng nói của Thiên Chúa, con người còn phải chạm trán với tiếng nói của sự dữ, của tội lỗi, và ngay cả của chính bản thân mình; có khi tiếng nói này rõ ràng, biệt lập với nhau; nhưng không ít khi tất cả trở nên bí ẩn, mơ hồ, hoà trộn vào nhau, khiến con người khó có thể phân biệt được đâu là tiếng nói của Chúa, đâu là tiếng nói của ma quỷ, và đâu là tiếng nói chính cái ngã của mình.

Guillet mô tả rất hay tình trạng này của con người:

“Con người chìm đắm trong ba tầng mù tối: sự mù tối của một Thiên Chúa bắt người khác nhận mình mà không xuất đầu lộ diện; sự mù tối của Satan đang dấu mình, đưa gợi ý hơn là sự khẳng định, đề nghị hơn là bắt người khác nhận mình... Sau cùng là sự mù tối của chính con người không tài nào nhìn thấy được trong thâm cung lòng mình, cũng không sao bao bọc được hoàn toàn sự nghiêm trọng nơi những hành vi của mình cùng những hậu quả của những hành vi đó”. [19]

Sống trong vùng mù tối như thế, con người không ngừng bị cật vấn và bắt buộc phải chọn lựa. Lúc này, chọn lựa không đơn giản là chọn cái này, bỏ cái kia, mà là phải nhận ra, phân biệt tiếng nói mình nghe thấy. Đó chính là sự phân định. Đây là việc làm hết sức cần thiết trên hành trình thiêng liêng. Rất nhiều khi, con người không tự phân định được cho mình, nhưng phải cần đến sự giúp đỡ của người khác, những người có khả năng và kinh nghiệm về phân định. Do vậy, vai trò phân định của vị đồng hành luôn thiết thực và cần thiết cho sự trưởng thành thiêng liêng của người thụ hưởng.

3. Một số chỉ dẫn để phân định

Làm thế nào có được sự phân định chính xác, đó chính là vấn nạn đã được đặt ra từ thời Cựu ước, khi dân Chúa phải phân biệt đâu là ngôn sứ thật, đâu là ngôn sứ giả. Đây là sự phân định căn bản nhất trong thời Cựu ước. [20]

Trong thời Tân ước, có nhiều bản văn nói về những tiêu chuẩn cụ thể để phân định thần khí:

- “Hoa quả của Thần Khí là: bác ái, hoan lạc, bình an, nhẫn nhục, nhân hậu, từ tâm, trung tín, hiền hoà, tiết độ” (Gl 5, 22-23).

- “Căn cứ vào điều này, anh em nhận ra Thần Khí của Thiên Chúa: Thần khí nào tuyên xưng Đức Giêsu Kitô là Đấng đã đến và trở nên người phàm” (1Ga 4, 2).

- “Ở điểm này, mọi người sẽ nhận biết anh em là môn đệ của Thầy: là anh em có lòng yêu thương nhau” (Ga 13, 35).

- “Thầy để lại bình an cho anh em, Thầy ban cho anh em bình an của Thầy” (Ga 14, 27).

Dựa vào những hoa quả của Thần Khí như thế, chúng ta có thể xác định được sự hiện diện và hoạt động của Người trong chúng ta; ngoài những hoa quả ấy ra, rất có thể thần khí đang hoạt động trong ta là thần khí ma quỷ, hay là thần khí con người của chính chúng ta.

Trong việc phân định ngày này, người ta còn nói đến tiêu chuẩn là những phẩm tính của chủ thể phân định. Thomas Green nói tới ba phẩm tính căn bản: [21]

- Phẩm tính thứ nhất là người phân định phải có ý muốn làm theo thánh ý Thiên Chúa. Điều này giả thiết người phân định phải có một đức tin sống động, khát khao tìm kiếm và thi hành thánh ý Chúa trong những hoàn cảnh cụ thể của cuộc sống.

- Phẩm tính thứ hai là phải có sự cởi mở với Thiên Chúa, nghĩa là sẵn sàng để Người dạy dỗ, hướng dẫn. Điều này nhắc nhở rằng rất thường khi con người làm việc cho Chúa, nhưng lại chỉ cậy dựa vào sức riêng mình, vào tài khéo của mình. Một khi để Thiên Chúa “thất nghiệp” như thế, thì khó lòng có được sự phân định đúng đắn.

- Và phẩm tính thứ ba là, sau khi hội đủ hai yếu tố trên, người phân định còn phải “biết” Thiên Chúa; điều này hệ tại ở chính kinh nghiệm gặp gỡ và yêu mến Người. Những ai không có kinh nghiệm về Thiên Chúa, thì dù có nghe tiếng Người cũng không dễ dàng gì có thể nhận ra.

Truyền thống tu đức cũng đưa ra những tiêu chuẩn căn bản nhằm giúp cho sự phân định được chính xác. Khi phân tích những biểu hiện và tình trạng nội tâm của con người, nhà phân định có thể nhận ra đâu là thần khí Thiên Chúa, đâu là thần khí ma quỷ, và đâu là thần khí con người. Nếu là thần khí Thiên Chúa thúc đẩy, người ta sẽ có những biểu hiện như: sự chân thực, nghiêm túc, ngoan ngoãn để Thần Khí hướng dẫn, thận trọng, khiêm tốn, bình an, tin tưởng vào Thiên Chúa, dễ phục thiện, có ý ngay lành, kiên tâm trong đau khổ, quên mình, hồn nhiên, tự do tinh thần, ước muốn theo gương Chúa Kitô và có một tình yêu vô vị lợi. [22]

Nếu đó là thần khí ma quỷ, thì những biểu hiện đi kèm sẽ là : sự dối trá, tính hiếu kỳ bệnh hoạn, bối rối, lo âu, thất vọng, cố chấp, hành động vô ý thức liên miên và tinh thần bất ổn, tự ái và tự cao tự đại, khiêm nhường giả tạo, thiếu tin tưởng và nhất đảm, bất tuân phục và cứng lòng, không nhẫn nại trong đau khổ và di hận dai dẳng, các đam mê phóng túng và khuynh hướng mạnh về thú vui nhục dục, giả hình, lòng quyến luyến thái quá với sự an ủi giác cảm, thiếu lòng sùng kính sâu xa đối với Chúa Giêsu và Mẹ Maria, quá tỉ mỉ bám theo bản văn lề luật nhưng không hiểu và sống tinh thần của luật. [23]

Và nếu đó là thần khí con người, [24] thì bản thân luôn hướng chiều về những thoả mãn chính mình, đó là bạn của thú vui và là kẻ thù của bất cứ loại đau khổ nào. Thần khí này sẵn sàng hướng về bất cứ điều gì hợp với tính khí riêng, sở thích và ngẫu hứng cá nhân, hoặc sự thoả mãn tính tự ái; sẵn sàng khước từ những khổ hạnh hoặc hy sinh hãm mình. Đôi lúc khó phân định những biểu hiện xuất phát từ thần khí ma quỷ hay từ thần khí con người và vị kỷ, nhưng luôn tương đối dễ phân biệt hai loại thần khí này với thần khí Thiên Chúa. Do vậy, trong mọi trường hợp, thường có thể phân định được thần khí nào đối nghịch với thần khí Thiên Chúa, cho dù chưa biết rõ đó là thần khí ma quỷ hay thần khí con người. [25]

Những tiêu chuẩn trên nhằm áp dụng cho việc phân định cá nhân, nhưng cũng có thể hiểu cho việc phân định cộng đoàn. Tuy nhiên, đối với việc phân định

cộng đoàn, Futrell [26] phân tích nhiều vấn đề quan trọng có thể nảy sinh, và ông đề nghị thêm ba tiêu chuẩn nữa: [27]

- Tiêu chuẩn thứ nhất: sự hiệp thông. Đây là việc chia sẻ cùng một đặc sủng hoặc cùng một ơn gọi trong Thần Khí.

- Tiêu chuẩn thứ hai: sự nhất trí chung và tức khắc về sự biểu lộ cơ bản và về sự hiệp thông ấy bằng lời lẽ. Nói cách khác, không những phải có sự chia sẻ cùng một đặc sủng, mà còn phải có sự nhất trí về sự diễn đạt cơ bản bằng lời của đặc sủng ấy.

- Tiêu chuẩn thứ ba: một ý niệm chung để áp dụng những quyết định đã được tiến hành sau sự phân định chung của cộng đoàn.

Tóm lại, để có được sự phân định chính xác, dù là phân định cá nhân hay cộng đoàn, còn phải phụ thuộc vào rất nhiều yếu tố. Những tiêu chuẩn gợi ý trên chưa phải là tất cả những gì làm nên sự phân định trọn vẹn. Vấn đề vẫn còn bỏ ngỏ cho Thánh Thần hoạt động và cho khát vọng tìm kiếm của con người.

Cuối cùng, phải luôn luôn nhớ rằng con người không bao giờ được đi trước hay “bóp chết” Thần Khí, thái độ khiêm tốn và đợi chờ vẫn là những đức tính căn bản người phân định không được coi nhẹ. Hơn nữa, kinh nghiệm thực tế cho thấy, những tiêu chuẩn đưa ra để phân định không phải là mớ lý thuyết cứng nhắc, cần phải có sự uyển chuyển linh động trong khi tiến hành việc phân định đối với từng tâm hồn khác nhau. Đừng quên rằng, mỗi tâm hồn là một thế giới duy nhất, riêng biệt, và Thiên Chúa đã có kế hoạch dành riêng cho từng tâm hồn như thế.

Sau khi tìm hiểu những tiêu chuẩn giúp cho việc phân định, xin tạm khép lại chương tìm hiểu về việc phân định này, chúng ta bước vào chương II với việc tìm hiểu nên tảng Kinh thánh của việc đồng hành thiêng liêng. Kinh thánh có nói gì về việc đồng hành thiêng liêng không? Đây là những điểm căn bản chúng ta có thể rút ra từ Kinh thánh cho việc đồng hành thiêng liêng? Có chăng bài học quý báu về việc đồng hành thiêng liêng rút ra từ Kinh thánh?...

Chúng ta cùng giải gỡ những vấn nạn đại loại như thế khi tìm hiểu các số trong chương này:

I. Mâu nhiệm Thiên Chúa hiện diện trong Cựu ước

II. Lời thành xác phàm hiện diện giữa lòng nhân loại

III. Thánh Thần hiện diện - đồng hành

IV. Thử phân tích một trường hợp đồng hành thiêng liêng điển hình của chính Đức Giêsu với hai môn đệ trên đường Emmau.

[1] Xc. Thomas Green, SJ. Sự phân định thiêng liêng, tr. 13-14; 18-19.

[2] Xc. Jacques Guillet, *Khổ chế và thần bí*, khoản nói về “sự phân định thiêng liêng”, Beauchesne Paris, 1957, tập III, tr. 1223; Thomas Green, SJ. *Sự phân định thiêng liêng*, tr. 25-26.

[3] Xc. Tl 9,23; 1Sm 16,14-23. 18,10. 19,9; 2V 19,7; Is 19,14. 29,10.

[4] Rm 12,2.

[5] Ep 5,17.

[6] Cl 1,9-10.

[7] Xc. 1Ga 4,1

[8] Jacques Guillet, *Khổ chế và thần bí*, Beauchesne Paris, 1957, tr. 1231 (Trích lại trong Thomas Green, SJ. *Sự phân định thiêng liêng*, tr. 51).

[9] Ngay từ thời xuất hiện đời đan tu, các sư phụ đã đặt nặng việc “phân định” hay “phân định thần khí” (hoặc “biện phân thần khí”). Thánh Bênadô ghi nhận rằng Thánh kinh nói tới 6 thứ thần khí: thần khí Chúa (Nkm 7,5), thiên sứ (Dcr 2,2), quý (Tv 77,9), xác thịt (Cl 2,18), thể gian (1Cr 2,12) và con người (1Cr 2,11).

Sáu thần khí đó có thể thu lại thành ba:

1. Thần khí Chúa thúc giục ta làm điều tốt để nên thánh;
2. Thần khí xấu lôi kéo ta vào đường tội lỗi;
3. Thần khí “con người” thì bị giới hạn vì đam mê tội lỗi, cho nên cũng thường rơi vào điều xấu.

(Phan Tấn Thành, *Đời sống tâm linh*, tập III, tr. 292-293)

[10] Xc. 1Cr 12,10.

[11] Chẳng hạn như việc phải quyết định ơn gọi: ơn gọi nào cũng tốt, nhưng lời mời gọi sống đời sống dâng hiến, thực thi đức ái trọn hảo, là sự chọn lựa quyết liệt hơn; hoặc việc phân vân nên sống đời tu hoạt động, hay lui về sống đời chiêm niệm...

[12] Thực ra, ngay từ thời các Giáo phụ, khi xây dựng nền thần học tự nhiên (dựa trên triết học hơn là mạc khải) để đối thoại với nền văn hóa Hy Lạp, Giáo phụ Justinô đã nói về “hạt giống Lời” nơi các tôn giáo và các nền văn hóa khác. Công đồng Vatican II chỉ làm công tác khai triển và trở về nguồn mà thôi.

[13] Xc. Phan Tấn Thành, *Đời sống tâm linh*, tập III, tr. 294-295.

[14] Trích lại trong Thomas Green, SJ. *Sự phân định thiêng liêng*, tr. 53.

[15] Xc. St 1,1-3,24.

[16] Xc. Thomas Green, SJ. *Sự phân định thiêng liêng*, tr. 30.

[17] Xc. 1Cr 2,15.

[18] Dt 5, 11-14.

[19] Trích lại trong Thomas Green, SJ. *Sự phân định thiêng liêng*, tr. 31.

[20] Tác giả Thomas Green liệt kê sáu tiêu chuẩn căn bản do Guillet đề nghị, đó là:

- Các lời của ngôn sứ loan báo tai hoạ thì có nhiều cơ may là đích thực hơn các lời ngôn sứ loan báo tin vui.
- Những lời ngôn sứ đích thực được xác nhận bằng việc loan báo “những dấu chỉ” đã xảy ra thực sự.
- Sứ điệp của ngôn sứ trung thành với đạo lý tinh ròng của Israel. Đây là tiêu chuẩn còn quan trọng hơn cả hai tiêu chuẩn trên, vì ma quỷ cũng có thể làm được những điều như hai tiêu chuẩn trên gợi ý.
- Đời sống chứng tá của vị ngôn sứ cũng có giá trị ngang bằng với những giáo thuyết ông dạy.
- Tiêu chuẩn thứ năm nội tại ngay trong con người vị ngôn sứ, đó là chủ đích của vị ngôn sứ. Thực ra, tiêu chuẩn này rất khó áp dụng và khó có thể kiểm chứng được.
- Tiêu chuẩn cuối cùng là chính kinh nghiệm ơn gọi của vị ngôn sứ.

(Xc. Thomas Green, SJ. Sự phân định thiêng liêng, tr. 32-37).

[21] Xc. Sđd, tr. 81-90.

[22] Xc. 1Cr 13, 4-7; Jordan Aumann, OP. Đời sống tâm linh, tập III, tr. 350-352.

[23] Xc. Jordan Aumann, OP. Đời sống tâm linh, tập III, tr. 364-365.

[24] Thánh Tôma Kempis mô tả những biểu hiện thuần tuý nhân loại trong cuốn *Giương Chúa Kitô*, quyển III, chương 54.

[25] Xc. Jordan Aumann, OP. Đời sống tâm linh, tập III, tr. 366.

[26] J. C. Futrell, tác giả của bộ sách *Cầu nguyện và quyết định, sự phân định thiêng liêng* (Prière et décision, le discernement spirituel), bộ “Đời sống Kitô giáo”, số 147, 1975 (Xc. cước chú số 63 của Thomas Green, SJ. Sự phân định thiêng liêng, tr. 282).

[27] Xc. Thomas Green, SJ. Sự phân định thiêng liêng, tr. 283-292.

Chương II

NỀN TẢNG KINH THÁNH

I. Mẫu nhiệm Thiên Chúa hiện diện trong Cựu ước

II. Lời thành xác phạm hiện diện giữa lòng nhân loại

III. Thánh Thần hiện diện – đồng hành

IV. Phân tích cuộc đồng hành thiêng liêng Đức Giêsu với hai môn đệ Emmau

Nếu hiểu theo sát nghĩa và cách thức thực hành việc đồng hành thiêng liêng, thì trong Kinh thánh không có từ ngữ nào nói về việc đồng hành như thế; tuy nhiên, nếu xét theo cốt lõi của việc đồng hành, thì Kinh thánh lại trình bày cho chúng ta nền tảng rất sâu xa về việc Thiên Chúa đồng hành với con người. Nền tảng đó chính là mẫu nhiệm Thiên Chúa hiện diện giữa lòng nhân loại; qua sự hiện diện này, Thiên Chúa mặc khải chính mình cho nhân loại, Người đồng hành với con người trong mọi biến cố và trên muôn nẻo đường của cuộc sống. Chúng ta khởi đi từ Cựu ước để tìm hiểu cách thức Thiên Chúa đồng hành với con người.

I. Mẫu nhiệm Thiên Chúa hiện diện trong Cựu ước

Trong Cựu ước, ta bắt gặp một câu nói rất quen thuộc, như một bảo đảm vững chắc có sự hiện diện và phù trợ của Thiên Chúa đối với những ai được Người kêu gọi và tuyển chọn: “Ta sẽ ở với ngươi”.

Thiên Chúa của Israel là một Thiên Chúa đồng hành với con người, ở với con người, chung chia những khó khăn gian khổ với con người. Đây chính là kinh nghiệm sống động của tổ phụ Abraham từ buổi bình minh của lịch sử cứu độ. [1] Được Thiên Chúa kêu gọi, ông cất bước lên đường mà không định hướng trước mình sẽ đi đâu, chỉ tin rằng Thiên Chúa sẽ hướng dẫn, đồng hành với ông tới vùng đất hứa. Hành trình đức tin của ông đã trở thành gương mẫu cho cả một dân tộc được quy tụ nhờ tin vào lời hứa.

Kể đến, “Ta sẽ ở với ngươi”, cũng là kinh nghiệm của Môsê, khi ông được Thiên Chúa mặc khải danh tánh và kêu gọi qua biến cố bụi gai bốc cháy. [2] Kể từ đó ông dẫn thân vào cuộc phiêu lưu và chung chia gian khổ với Israel qua hành trình sa mạc; bao phen bị chống đối, bao gánh nặng chất chồng, ông chỉ có một bảo đảm duy nhất: “Ta sẽ ở với ngươi”. Khi thoát khỏi Ai Cập, dưới chân núi Sinai, dân mới cảm nghiệm được thể nào là tình thương và sự dẫn dắt của Thiên Chúa. Người phán với họ: “Các ngươi thấy Ta xử với Ai Cập thế nào, và đã mang các ngươi như trên cánh chim bằng, mà đem đến với Ta”. [3] Sự hiện diện của Thiên Chúa được cụ thể hóa bằng Hòm bia giao ước. [4] Dân luôn luôn cảm nghiệm sự gần gũi, Thiên Chúa ở giữa dân Người. [5]

Chúa dẫn dắt dân riêng qua các tổ phụ, các vua chúa, các ngôn sứ..., tất cả những vị này cũng nhận được một bảo đảm vững chắc: “Ta sẽ ở với ngươi”. Vua Đavít, khi đạt đến tột đỉnh vinh quang, đã “thương hại” Thiên Chúa phải ở trong lều vải, nên muốn xây nhà cho Người; thế nhưng Thiên Chúa lại nhắc cho ông rằng: “Chính Ta đã cất nhắc ngươi từ một kẻ lừa chiên ngoài đồng, ngươi đi đâu Ta cũng theo đó”. [6] Còn ngôn sứ Giêrêmia, khi được kêu gọi, ông muốn thoái lui và nại vào lý do mình còn quá trẻ, nhưng Chúa trấn an ông: “Ta sẽ ở với ngươi để giải thoát ngươi”. [7]

Nếu mục đích của việc đồng hành thiêng liêng là giúp cho người ta lắng nghe và nhận ra ý Chúa trong cuộc đời của mình, nhận ra đâu là con đường Thiên Chúa dẫn dắt mình đi, để rồi từ đó can đảm cất bước lên đường, thay đổi đời sống... thì những trường hợp điển hình chúng ta vừa trưng dẫn ở trên, phải được coi là một sự đồng hành thiêng liêng đích thực: Abraham khi nghe tiếng Chúa gọi đã cất bước đăng trình, đi vào cuộc phiêu lưu của hành trình đức tin với muôn vàn thử thách; Môsê khi nhận ra sứ mạng của mình là lãnh đạo dân, ông đã sống chết với một dân cứng đầu cứng cổ; Đavít từ khi được kêu gọi, ông đã trở thành trung thân của Đức Chúa; và Giêrêmia một khi đã để cho Chúa “quyến rũ”, cả đời ông chịu hao mòn, chịu bách hại để Lời Chúa được loan báo, ý định của Chúa được thực hiện. Đó chính là kết quả tuyệt vời của việc đồng hành thiêng liêng; chỉ khác rằng, thường thì Thiên Chúa hướng dẫn con người qua trung gian; còn ở đây, Người trực tiếp hướng dẫn và đồng hành với những ai được kêu gọi và chọn lựa theo như ý Người muốn. Chính vì Thiên Chúa đồng hành với họ, nên trong mọi biến cố, họ đều có Người hiện diện, và đó chính là một trợ lực quý giá nhất giúp họ đạt đến đích điểm hành trình tìm kiếm, hành trình đức tin của mình.

Nếu như trong Cựu ước, chúng ta đã gặp được một Thiên Chúa hiện diện thân thương như thế, thì trong Tân ước, sự hiện diện của Người lại càng gần gũi và cụ thể biết bao; bởi vì Lời Thiên Chúa đã trở thành xác phàm và hiện diện giữa chúng ta. [8]

II. Lời thành xác phàm hiện diện giữa lòng nhân loại

Trong Cựu ước, có Lời Thiên Chúa hứa: “Ta sẽ ở với ngươi”; giờ đây, vào thời sau hết này, Lời đó không chỉ là một bảo đảm, một sự hiện diện thiêng liêng, mà là hiện diện cụ thể, sống động. Lời đã mặc lấy thân phận con người và đồng hành với nhân loại. Người đã trở nên bạn hữu của con người. Đức Giêsu có một nỗi đam mê, đó là nỗi đam mê con người, mê làm bạn với con người. Vì làm bạn với con người nên Đức Giêsu chia sẻ với con người trọn vẹn thân phận và mọi mối lắng lo trong cuộc sống. Có niềm vui hay nỗi khổ nào của kiếp nhân sinh này mà lại xa lạ với Đức Giêsu đâu. Người yêu thương và gần gũi với con người hơn chính con người gần gũi với nhau nữa.

Tin mừng ghi lại cho chúng ta những hình ảnh rất đẹp về tình bạn của Đức Giêsu. Người là bạn thân của gia đình chị em cô Mácta, Maria và Ladarô. Đức Giêsu thường ghé thăm gia đình này ở Bêtania, quan tâm chăm sóc, dạy dỗ; có lần Người đã khóc khi Ladarô qua đời, và chính Người đã cho Ladarô sống lại. [9] Tình bạn của Đức Giêsu đã làm cho người khác được thăng tiến, biến đổi; những ai một lần được gặp gỡ Người, sẽ thấy đời mình tràn đầy ý nghĩa. Đức Giêsu đồng hành với người phụ nữ Samari bên bờ giếng Giacóp, cuộc đời chị đã biến đổi; [10] Người đồng hành với hai môn đệ trên đường Emmau, các ông đã tìm lại được ý nghĩa sống giữa cơn khủng hoảng chao đảo. [11] Và rồi chúng ta hãy nhìn mối tương quan giữa Đức Giêsu và các môn đệ, Người luôn tỏ ra mình là một người bạn chân thành, gần

gửi và chia sẻ với các ông mọi chuyện. Người gọi các môn đệ là bạn hữu và căn dặn các ông hãy yêu thương nhau:

“Đây là điều răn của Thầy:
Anh em hãy yêu thương nhau
như Thầy đã yêu thương anh em.
Không có tình thương nào cao cả
hơn tình thương của người đã hy sinh tính mạng
vì bạn hữu của mình.
Anh em là bạn hữu của thầy,
nếu anh em thực hiện những điều Thầy truyền dạy.
Thầy không gọi anh em là tôi tớ nữa...
nhưng Thầy gọi anh em là bạn hữu...”. [12]

Đối với Đức Giêsu, khi gọi các môn đệ là bạn hữu, Người muốn chia sẻ cho các ông tất cả những gì kín ẩn, riêng tư nhất của lòng mình. Một tình bạn đích thực luôn là sự trao ban và chia sẻ. Thiết tưởng việc đồng hành cũng là thiết lập mối tương quan tình bạn như thế, tương quan giữa người đồng hành với người được đồng hành; và đặc biệt là tương quan giữa người được đồng hành với Thiên Chúa. Trong Kinh thánh chúng ta cũng bắt gặp những tình bạn như thế. Đó là tình bạn của vua Đavít và ông Jônathan, của nàng dâu Rút và bà Naômi, của Đức Maria và bà Êlisabét, của thánh Phaolô và người môn đệ Timôthê... Và trong lịch sử Giáo hội, cũng có nhiều mẫu gương tình bạn thánh thiện, thấm thiết, đó là tình bạn giữa thánh Phanxicô và thánh Clara, thánh Têrêsa Avila và thánh Gioan Thánh Giá... Những vị thánh này đã tỏ cho thấy một cách thức thể hiện tình yêu hoàn hảo, tình bằng hữu. Một tình bạn chân thành sẽ chấp cánh cho các vị thánh vượt qua nhiều gian khó, và giúp nuôi dưỡng một tình yêu thánh thiện bền chặt, kết hợp với Đấng là tình yêu tuyệt đối, là tình bạn đích thực. Và có thể nói, Đức Giêsu đã đồng hành với con người bằng một tình bạn như thế; một tình bạn mà như thánh Phaolô cảm nghiệm: “Chẳng có gì dù sự chết hay sự sống, thiên thần hay ma vương quỷ lực, hiện tại hay tương lai có thể tách chúng ta ra khỏi tình yêu của Thiên Chúa thể hiện nơi Đức Giêsu Kitô, Chúa chúng ta”. [13] Cũng chính nhờ sống tình bạn này, mà thánh nhân đã có những cảm nghiệm tuyệt vời về đời sống thiêng liêng: từ cảm nghiệm về một biển cổ ngã ngựa, [14] đến cảm nghiệm “tôi sống nhưng không còn phải là tôi, mà là Đức Kitô sống trong tôi”. [15]

Lòng trắc ẩn của Đức Giêsu cũng cho ta cảm nhận một tình bạn như thế. Những đau khổ của con người đã đụng chạm đến lòng thương cảm của Đức Giêsu. Người đã chữa lành cho người bị bại tay, [16] chữa lành cho nhạc mẫu ông Phêrô, [17] cho người phong hủi được sạch... [18] Đức Giêsu luôn “chạnh lòng thương” những ai đau khổ. Tình thương luôn đi bước trước, luôn thắng thế, vượt qua mọi rào cản và có sức giải phóng con người.

Đức Giêsu đã tự đồng hóa mình với đám lê dân, với người thấp cổ bé họng, những kẻ đói khát, tù tội, bệnh tật. [19] Họ là những người đầu tiên được cứu độ, được nghe loan báo Tin mừng. Đức Giêsu căn dặn các môn đệ: “Dọc đường, anh em hãy rao giảng rằng: Nước trời đã đến gần, anh em hãy chữa lành những người đau yếu, làm cho kẻ chết sống lại, cho người phong hủi được sạch bệnh, và khử trừ ma quỷ”. [20]

Đức Giêsu luôn đồng hành với chúng ta, ngay cả trong cái chết. Người đã chia sẻ trọn vẹn kiếp người với chúng ta. Là một con người, Đức Giêsu đã không được miễn thứ cho khỏi cô đơn, sợ hãi, bị từ chối, bị hiểu lầm, chống đối, đau khổ..., và cuối cùng là cái chết. Như thế, chẳng có chi của con người còn có thể xa lạ với Người nữa. Đức Giêsu đã đồng hội đồng thuyền với kiếp người trong cõi nhân sinh này. Nếu như cái chết là chương kỳ ghê gớm nhất đe dọa con người, thì Đức Giêsu không những đã chọn đi qua cửa chết đó, mà còn chết một cách nhục nhã nữa. Người đã tự do đón nhận cái chết với một tình yêu mãnh liệt. Người không hề lẩn trốn cho dù có sợ hãi, xao xuyến. Trong nỗi cùng cực nhất, con người vẫn gặp được nơi đây người bạn đồng hành là chính Đức Giêsu.

Sự hiện diện của Đức Giêsu là hiện diện cứu độ, hiện diện để đưa con người về với Chúa Cha. Cả cuộc đời, Người không tự mình làm điều gì, ngoại trừ điều ấy Người thấy Chúa Cha làm. Người đến để hoàn thành công trình Chúa Cha đã trao phó. [21] Trong suốt cuộc hành trình dương thế, Đức Giêsu luôn cảm nghiệm sự hiện diện gần gũi và thân mật của Chúa Cha: “Đấng đã sai tôi vẫn ở với tôi, không để tôi cô độc, bởi tôi luôn làm những điều đẹp ý Người”. [22] Như vậy, Đức Giêsu vừa là người đồng hành, vừa là người được đồng hành! Đó là gương mẫu của một cuộc đồng hành thiêng liêng đích thực. Đức Giêsu không chỉ hoàn tất công trình Chúa Cha trao phó, Người còn hoàn tất công trình ấy bằng cách luôn để cho Cha tác động nơi mình. Đây cũng lại là gương mẫu và là nguyên tắc căn bản cho người làm công tác đồng hành: cả người đồng hành và người thụ hưởng đều phải lắng nghe tiếng Chúa.

Như thế, từ việc tìm hiểu mầu nhiệm Thiên Chúa hiện diện trong Cựu ước, đến việc Đức Giêsu hiện diện trong Tân ước, chúng ta đã khám phá ra nền tảng Kinh thánh căn bản của việc đồng hành thiêng liêng. Từ nền tảng này, chúng ta còn thấy một sự hiện diện khác nữa, phong nhiêu và tràn ngập khắp thế giới, đó chính là sự hiện diện - đồng hành của Chúa Thánh Thần. Chúng ta cùng tìm hiểu sự hiện diện sâu thẳm này.

III. Thánh Thần hiện diện – đồng hành

Để bảo đảm cho việc đồng hành với con người được liên tục và trọn vẹn, khi về trời, Đức Giêsu đã hứa ban Thánh Thần để Người hiện diện và đồng hành với con người cho đến tận thế. [23] Dù Đức Giêsu không còn hiện diện cách khả giác với nhân loại, nhưng Thánh Thần sẽ nhắc lại tất cả những gì Đức Giêsu đã dạy dỗ, sẽ

đồng hành với con người trên mọi nẻo đường, và sẽ hành động như chính Đức Giêsu đã hành động.

Thực ra, không phải chỉ khi Đức Giêsu về trời Thánh Thần mới hiện diện và hoạt động, nhưng đã có Thần Khí hiện diện từ lúc khởi đầu của cuộc sáng tạo, [24] Thần Khí đồng hành với nhân loại trong suốt lịch sử Cựu ước: đã chiếm đoạt Đavít khi ông được xúc dầu phong vương, [25] đã chiếm ngự trong Người Tôi Trung của Đức Chúa, [26] ngự trên các sứ giả của Chúa... Thần Khí luôn tự do, “Gió muốn thổi đâu thì thổi”.

Đặc biệt trong thời Tân ước này, vai trò của Thánh Thần càng được nhấn mạnh: Người đã ngự xuống trên Đức Maria trong ngày truyền tin, trong biến cố thăm viếng bà Êlisabét, [27] xuất hiện khi Đức Giêsu chịu phép rửa, [28] dẫn Đức Giêsu vào hoang địa, [29] và trợ giúp Người trong cơn bách hại. [30] Người được mệnh danh là Đấng Bảo Trợ, là Thần Chân Lý. [31] Chính Thánh Thần đã hướng dẫn các Tông đồ thời khai sinh Giáo hội, đặc biệt trong ngày lễ Ngũ Tuần, [32] đã hướng dẫn thánh Phaolô trong suốt hành trình sứ vụ; [33] và ngày nay Thần Khí ấy giải phóng và biến chúng ta thành con cái Thiên Chúa, [34] dẫn chúng ta vào đời sống mới; chính nhờ Thần Khí mà Thiên Chúa đổ tràn tình yêu vào lòng chúng ta. [35]

Trên hành trình đức tin của người Kitô hữu hôm nay, Thánh Thần luôn ban muôn ân huệ để nâng đỡ, ban những đặc sủng để con người hoạt động hầu tôn vinh danh Chúa và mưu cầu ơn cứu độ. [36] Có thể nói, đây là thời đại của Thánh Thần, chính Thánh Thần thổi những luồng gió mới vào Giáo hội, làm cho Giáo hội thêm sinh động, và trở nên Hiền thê xinh đẹp của Chúa Kitô. Thánh Thần cũng tác động mạnh mẽ nơi tâm hồn mỗi tín hữu, giúp họ sinh hoa trái và can đảm làm chứng tá cho Đức Giêsu trên muôn nẻo đường của cuộc sống.

Trong việc đồng hành thiêng liêng, cần phải đồng hành với Thánh Thần và trong Thánh Thần, nghĩa là người đồng hành phải nhận ra và giúp cho người thụ hưởng nhận ra Thánh Thần đang hoạt động trong họ, để họ ngoan ngoãn bước theo đường lối Thánh Thần hướng dẫn, và can đảm thực thi thánh ý Thiên Chúa. Như vậy, Thánh Thần đồng hành bằng cách vừa làm cho người môn đệ tiến bước, vừa soi sáng và thúc đẩy người môn đệ hành động.

Đặc biệt, trong thời Tân ước này, thời được mệnh danh là thời của Thánh Thần, người Kitô hữu càng phải ý thức vai trò hoạt động của Người hơn nữa. Cũng chính Thánh Thần ấy hoạt động trong lúc sáng tạo, hoạt động nơi các thủ lãnh, các ngôn sứ, hoạt động nơi Đức Maria, Đức Giêsu, các Tông đồ, và nơi Giáo hội tiên khởi, ngày nay cũng đang hoạt động trong thế giới, trong Giáo hội, và cụ thể nơi mỗi người chúng ta.

Chúng ta vừa tìm hiểu khái quát về nền tảng Kinh thánh của việc đồng hành thiêng liêng; trên nền tảng này, chúng ta thử phân tích một trường hợp đồng hành thiêng liêng điển hình của Đức Giêsu, và coi đây như điểm quy chiếu về những nguyên tắc mà việc đồng hành thiêng liêng cần tuân thủ.

IV. Thử Phân tích trường hợp đồng hành thiêng liêng điển hình của Đức Giêsu với hai môn đệ Emmau [37]

Như đã nói ở trên, trong Kinh thánh chúng ta tìm được nền tảng của việc đồng hành thiêng liêng; nhưng đặc biệt qua trình thuật Tin mừng theo thánh Luca chương 24, câu 13-35, [38] chúng ta tìm thấy một mô hình đồng hành thiêng liêng lý tưởng. Chúng ta cùng phân tích cuộc gặp gỡ đầy thú vị này.

- Trước tiên là mục đích cuộc gặp gỡ: mục đích cuối cùng của Đức Giêsu chính là sự biến đổi toàn diện của hai môn đệ ấy sau khi được Đức Giêsu đồng hành. Và quả thực, hai ông đã được biến đổi: từ tình trạng khô khan chán nản, trở nên nhiệt tình phấn khởi - “Dọc đường khi Người nói chuyện và giải thích Kinh thánh cho chúng ta, lòng chúng ta đã chẳng bùng cháy lên sao?” (24,32); từ chỗ bỏ đi, nay lại quay về - “Ngay lúc ấy, họ đứng dậy, quay trở lại Giêrusalem, gặp Nhóm Mười Một và các bạn hữu đang tụ họp tại đó” (24,33); từ chỗ trốn tránh, khép kín, trở nên can đảm gặp gỡ và chia sẻ với người khác - “Còn hai ông thì tường thuật những việc đã xảy ra dọc đường...” (24,35).

Đây là một cuộc biến đổi nhanh chóng, kết quả chúng ta có thể kiểm chứng được khi đối chiếu với những đoạn Tin mừng trước đó. Thật thế, trước đó, trình thuật Tin mừng cho thấy khuôn mặt rầu rĩ của các ông: “Họ dừng lại về mặt buồn rầu... Phân chúng tôi, trước đây vẫn hy vọng rằng chính Người là Đấng sẽ cứu chuộc Israel, nhưng...” (24,17.21). Giữa khoảnh khắc lòng các ông tưởng chừng như tuyệt vọng, các ông đã gặp được Đấng là niềm hy vọng lấp đầy. Nhưng để được lấp đầy như thế, các ông đã phải thực hiện một bước nhảy rất xa, đó là: nhận ra Đức Giêsu khi Người bẻ bánh (Xc 24,30-31), và trước đó đã hiểu ra Kinh thánh thay cho thái độ “cứng lòng”, “chẳng hiểu gì... lòng trí chậm tin” (24, 25-26).

Phân tích đến đây chúng ta thấy rằng, việc đồng hành thiêng liêng không chỉ dừng lại ở việc giải quyết những khó khăn trước mắt, tìm kiếm một vài lời khuyên, mà phải là một sự biến đổi triệt để, tận căn. Muốn có được sự biến đổi này, điều tiên quyết là phải khám phá ra Thiên Chúa đang hiện diện bên mình, hoạt động trong cuộc đời mình. Sự nhận diện này là khởi điểm tốt đẹp để ta đi đến những khám phá khác, xa hơn, sâu thẳm hơn.

- Việc đồng hành thiêng liêng đã có mục đích rõ ràng, nhưng phải bắt đầu thế nào? Để bắt đầu việc đồng hành, Đức Giêsu phải đi bước trước, tự mình nhập cuộc và từ bỏ vị thế của mình - vị thế của Đấng phục sinh, để trở nên đơn sơ giản dị, giản dị đến độ họ tưởng Người cũng chỉ là một khách bộ hành như bao người khác. Kinh thánh nói: “Mắt họ bị ngăn cản không nhận ra Người” (24,16). Chính nhờ vậy, Người trở nên ngang hàng với họ, cùng lộ trình với họ, “tiến lại gần và cùng đi với họ” (24,15). Người đã trở thành kẻ trong cuộc, để tham gia vào chính những mối bận tâm của họ - “Các anh vừa đi vừa trao đổi với nhau về chuyện gì vậy?” (24,17); Người không làm cho họ mất hứng, không chặn đứng câu chuyện, hoặc tỏ mình ra ngay, nhưng Người lắng nghe những nỗi niềm, lắng nghe trọn vẹn câu chuyện; và

rời khởi đi từ câu chuyện ấy, từ chính tình trạng của bản thân họ, Người “phản hồi” để họ ý thức, kiên nhẫn chờ đợi cho đến lúc “mắt họ liền mở ra và nhận ra Người” (24,31).

- Điểm thứ ba chúng ta khám phá ra trong cuộc đồng hành của Đức Giêsu với hai môn đệ, đó là không phải đồng hành về bất cứ vấn đề gì - không phải là bàn về chuyện của một ông Giêsu nào đấy, nhưng là một người mà “trước đây chúng tôi vẫn hy vọng rằng chính Người là Đấng sẽ cứu chuộc Israel” (24,21).

Như vậy, chúng ta thấy rằng nội dung của cuộc đồng hành phải là vấn đề quan trọng liên quan đến ơn gọi, đến đời sống đức tin, đời sống cầu nguyện, kinh nghiệm gặp gỡ Chúa của mình, chứ không phải buồn buồn xin đi linh hướng nhằm kiếm người bạn nói chuyện giải khuây! Và rời từ kinh nghiệm cụ thể của việc gặp gỡ ấy, Đức Giêsu giúp người ta tiến xa hơn nữa.

- Đức Giêsu không chỉ nghe suông những lời tâm sự của hai môn đệ, dù rằng thái độ lắng nghe của Người cũng đủ làm lòng họ nhẹ đi; nhưng Người còn giúp họ nhìn lại hay khám phá ý nghĩa của tất cả sự việc dưới ánh sáng lời Chúa. Người đặt vấn đề để các ông phải suy nghĩ: “Nào Đấng Kitô lại chẳng phải chịu cực hình như thế, rồi mới vào trong vinh quang của Người sao? Rồi bắt đầu từ ông Môsê và tất cả các ngôn sứ, Người giải thích cho hai ông những gì liên quan đến Người trong tất cả Sách thánh” (24, 26-27).

Có thể nói đây là mắt xích quan trọng nhất trong việc đồng hành, làm sao giúp họ nhìn lại những gì họ đã sống, đã cảm nghiệm, để từ đó họ khám phá ra Thiên Chúa, và kế hoạch của Người xuyên qua tất cả những thực tại đó, cho dù đó là thực tại đau thương, bi đát đến đâu chăng nữa.

- Điểm cuối cùng chúng ta bàn đến trong cuộc đồng hành của Đức Giêsu với hai người môn đệ Emmau, đó là: phải làm gì sau khi cuộc đồng hành kết thúc? Tin mừng chỉ trình bày ngắn gọn, hai môn đệ không thể tiếp tục tình trạng sống như trước: “Ngay lúc ấy, họ đứng dậy, quay trở lại Giêrusalem, gặp Nhóm Mười Một và các bạn hữu đang tụ họp tại đó” (24,33). Nếu kết thúc cuộc đồng hành thiêng liêng mà không dẫn đến một hành động cụ thể nào, có thể coi là cuộc gặp gỡ ấy đã thất bại, đó mới chỉ là “cuối ngựa xem hoa” mà thôi. Bất cứ cuộc gặp gỡ nào cũng phải để lại dư âm trong tâm hồn và thể hiện ra bằng hành động cụ thể. Ông Giakêu gặp gỡ Chúa, ông đã biến đổi; người phụ nữ Samari gặp gỡ Chúa, chị đã biến đổi.

Chúng ta bước sang chương mới, tìm hiểu về lịch sử hình thành của việc đồng hành thiêng liêng.

[1] Hiểu theo nghĩa rộng, lịch sử cứu độ tính từ khi Thiên Chúa tạo dựng con người. Khi con người sa ngã, Thiên Chúa không bỏ mặc nhưng có kế hoạch cứu độ họ (St 3,15). Còn xét theo nghĩa chặt, lịch sử cứu độ chỉ bắt đầu từ tổ phụ Abraham, khi Thiên Chúa kêu gọi ông ra đi; và từ nơi ông, Người thiết lập một dân mới.

- [2] Xc Xh 3,12.
- [3] Xh 19,4.
- [4] Xc 2 Sm 6, 12b -15. 17-19.
- [5] Xc. Đnl 4, 1-2.5-9.32-40; Is 41,10. 43,5 ...
- [6] 2 Sm 7, 8-9.
- [7] Khi được Chúa gọi làm ngôn sứ, Giêrêmia mới 26 tuổi; Xc. Gr 1, 7-19.
- [8] Ga 1,14.
- [9] Xc. Lc 10, 38-42; Ga 11, 1-44.
- [10] Xc. Ga 4, 4-42.
- [11] Xc. Lc 24, 13-25. Chúng ta sẽ phân tích kỹ cuộc đồng hành của Đức Giêsu và hai môn đệ trên đường Emmau ở số kế tiếp của chương II này.
- [12] Ga15, 12-15.
- [13] Rm 8, 38-39.
- [14] Xc Cv 9, 3-9.
- [15] Gl 2, 20.
- [16] Xc. Mc 3, 5.
- [17] Xc. Mc 1, 30-31.
- [18] Xc. Mc 1,41-42.
- [19] Xc. Mt 25, 31-46.
- [20] Mt 10, 7-8.
- [21] Xc. Ga 17,4.
- [22] Ga 8,19.
- [23] Xc. Ga 14,16; 15,26.
- [24] Xc. St 1, 1-2.
- [25] Xc. 1Sm 16, 1-13.
- [26] Xc. Is 42, 1-7.
- [27] Xc. Lc 1,35; 39-45.
- [28] Xc. Mt 3,16; Lc 3, 21-22; Ga 1, 32-34.
- [29] Xc. Mt 4, 1-11; Lc 4,4.
- [30] Xc. Mt 10, 19-20.
- [31] Xc. Ga 14,15-16,15.
- [32] Xc. Cv 2, 1-41.

[33] Xc. Cv 16, 6-7.

[34] Xc. Rm 8, 1-17.

[35] Xc. Rm 5,5.

[36] Xc. 1Cr 14, 1-6. 12-19. 23b-33a. 39-40.

[37] Phần này xin tham khảo thêm bài “Đồng hành thiêng liêng – phân tích việc đồng hành thiêng liêng dựa trên mô hình đồng hành thiêng liêng giữa Đức Giêsu với hai môn đệ Emmau” của Lm. Phêrô Đặng Xuân Thành, viết cho các Huynh đoàn Tu hội đời nữ TTCG tại Việt Nam.

[38] Nói là đặc biệt, vì đây là đoạn Kinh thánh điển hình nói về việc đồng hành thiêng liêng; chúng ta cũng có thể tìm thấy những đoạn Tin mừng khác nữa như: Ga 4, 4-42 (Đức Giêsu với người phụ nữ Samari); Lc 19, 1-10 (Đức Giêsu và ông Giakêu)...

Chương III

ĐÔI NÉT KHÁI QUÁT VỀ LỊCH SỬ VIỆC ĐỒNG HÀNH

I. Thời các Tông đồ

II. Thời các vị ẩn sĩ sa mạc

III. Từ thế kỷ thứ IV đến thời trung cổ

IV. Thời cận và hiện đại

Chúng ta vừa rảo qua đôi nét về nền tảng Kinh thánh của việc đồng hành thiêng liêng, thử phân tích một trường hợp điển hình là cuộc gặp gỡ giữa Đức Giêsu và hai môn đệ Emmau, bây giờ chúng ta tìm hiểu xem việc đồng hành thiêng liêng đã hình thành và tiến triển trong Giáo hội như thế nào.

Xét theo khía cạnh lịch sử, việc đồng hành thiêng liêng thay đổi khá nhiều qua dòng thời gian. Mỗi thời, mỗi hình thức đồng hành khác nhau phù hợp với tình trạng tâm linh của con người thời đại. Ở đây chúng tôi tạm chia ra những mốc thời gian có sự biến chuyển khá rõ nét. Xin khởi đi từ buổi đầu của Kitô giáo.

I. Thời các Tông đồ

Một điểm chung chúng ta nhận thấy trong Kitô giáo thời các Tông đồ là việc giúp đỡ, khuyên nhủ nhau tùy theo đoàn sủng, thường diễn ra trong các cuộc hội họp. Và với tư cách là mục tử, các Tông đồ đi thăm viếng, viết thư khuyên nhủ các giáo đoàn. Chúng ta bắt gặp trong các thư của thánh Phaolô đầy đầy những chỉ dẫn về đời sống tâm linh như thế.

Điểm nổi bật trong thời các Tông đồ là ơn phân định được nói đến rất nhiều, vừa như một trong những đoàn sủng, vừa như điều kiện để trưởng thành trong đời sống thiêng liêng. Việc phân định được đề cao trong mọi tình huống: phân định giữa thần khí xấu và thần khí tốt, thần khí và xác thịt, chân lý và sai lầm, ý Chúa và ý mình... [1]

Có thể nói, thời các Tông đồ việc đồng hành thiêng liêng mới chỉ là những bước đầu manh nha, việc đồng hành “chuyên nghiệp” chỉ chính thức bắt đầu với sự phát triển của đời sống hoang mạc. [2] Sa mạc trở thành chiếc nôi đào tạo ra những nhà linh hướng giàu kinh nghiệm tâm linh, đời sống và những chỉ dẫn của các vị đã hình thành nên một lối sống phổ biến và một đường hướng tu đức đặc trưng của thời đại. Chúng ta tìm hiểu việc đồng hành của thời “hoang mạc” này.

II. Thời các vị ẩn sĩ sa mạc

Có thể nói các vị ẩn sĩ sa mạc là thủy tổ của đường tu tập. Nghe theo lời mời gọi của Tin mừng, các vị từ bỏ tất cả những gì là vinh hoa phù phiếm của trần gian, cất bước theo Thầy và chọn lối sống hoang mạc như là điều kiện tiên quyết để thực thi lý tưởng trở nên người môn đệ của Đức Kitô. Đời sống của các vị đã làm nên lối sống ẩn tu và đan tu trong Giáo hội. [3]

Sau những năm dài chiến đấu thiêng liêng, các vị đã rút ra được bài học quý báu là những khí giới cần phải trang bị [4] để chiến thắng ma quỷ, chiến thắng chính bản thân mình với những đam mê nét xấu, chiến thắng tính ích kỷ và ý riêng... để hoàn toàn quy phục Thiên Chúa, sống thư thái bình an. Chính nhờ đời sống tâm linh sâu sắc bên trong, các vị đã thể hiện một đời sống an nhiên tự tại; và với kinh nghiệm dồi dào về cuộc chiến, các vị đã trở thành sư phụ hướng dẫn người khác về đường thiêng liêng.

“Hữu xạ tự nhiên hương”, người ta từ các nơi đổ xô về xin các vị hướng dẫn. Ngày càng đông đệ tử muốn theo thầy, họ được các sư phụ khai tâm và diu dắt vào nếp sống hoang mạc, thực tập những cuộc “leo núi thiêng liêng”. Đệ tử vừa bắt chước thầy, vừa cởi mở bộc lộ tâm hồn với thầy; và chính nhờ thầy có kinh nghiệm và đặc sủng phân định, họ được giúp đỡ để tìm ra ý Chúa, biết được đâu là con đường Chúa dành cho mình, và đâu là trở ngại phải can đảm đối diện và vượt qua. Nhờ ân sủng Chúa và sự đồng hành thiêng liêng của thầy, các đệ tử ngày càng trưởng thành trong đời sống thiêng liêng, và rồi họ lại trở thành những vị hướng dẫn tâm linh cho người khác.

Và bây giờ, chúng ta bước vào giai đoạn từ thế kỷ thứ IV đến thời trung cổ.

III. Từ thế kỷ thứ IV đến thời trung cổ

Lối sống đan tu được truyền sang Tây phương vào thế kỷ thứ IV và được thánh Biển Đức chỉnh lại theo cung cách Âu châu. [5] Lúc này, vai trò của vị đồng hành thiêng liêng được thay thế bằng luật pháp. [6] Tu sinh cứ việc sống theo luật, và bề trên cai quản cộng đoàn theo luật. Thánh Biển Đức đã gọi luật là “ông thầy” và khuyên đừng bao giờ xa rời ông thầy ấy. Thánh nhân đã soạn ra bản tu luật gồm 73 chương quy định toàn bộ đời sống của cộng đoàn đan viện. Đức cha Bossuet đã hết lời khen ngợi bản tu luật Biển Đức như sau:

“Đây là một bản tổng yếu giáo lý Kitô giáo, một bản tóm lược khôn khéo toàn bộ Tin mừng, tất cả các giáo huấn của các thánh Giáo phụ, và tất cả những lời khuyên nên hoàn thiện. Trong bản tu luật ta thấy nổi lên cách tuyệt vời sự khôn ngoan và giản dị, khiêm nhường và tự trọng, nghiêm khắc và hiền hoà, tự do và tuân phục. Trong bản tu luật, việc sửa dạy triển khai tất cả sức mạnh, sự nhân từ, tất cả sức hấp dẫn, quyền bính sức mạnh của mình, sự tuân phục trong an bình, sự thỉnh lạng trang nghiêm, lời nói dịu dàng thể hiện sức mạnh đồng thời nâng đỡ sự yếu đuối”. [7]

Vì thế, chúng ta chẳng lạ gì khi lịch sử tu đức còn ghi lại gương sáng của bao vị thánh khi hấp hối đã ghi chặt mấy đồ trên bảo, trong đó có cuốn luật dòng. Dĩ nhiên luật pháp là kết tinh của cả một bề dày kinh nghiệm, thế nhưng người môn sinh không trực tiếp được thụ huấn với sư phụ có lẽ cũng là một mất mát lớn, họ không còn cảm được hơi ấm của tình thầy - trò, không thấy được sự uyển chuyển linh động của thầy đối với từng trường hợp cụ thể, và sự tinh tế thích ứng của thầy đối với tâm hồn của mỗi môn sinh.

Luật đã thế chân người cha thiêng liêng để tất cả chỉ còn là việc tuân giữ luật của người dưới và việc kiểm soát giữ luật của người trên. Hướng dẫn đã nhường chỗ cho quản trị; sự tùng phục vị linh hướng có giàu kinh nghiệm và đặc sủng phân định, đã được thay thế bằng việc vâng lời bề trên, nhiều khi chỉ là vâng lời một cơ chế, vâng lời tối mật.

Sang thế kỷ XIII, thánh Phanxicô Assisi lại tìm về với sự hướng dẫn đặc sủng, nhưng đây không phải là đặc sủng phân định của một bậc thầy, mà là chú trọng hơn đến đoàn sủng của cả một hội dòng. Không hề có kiểu đồng phục và vâng lời như kiểu nhà binh, mà chỉ có ơn gọi của mỗi người với đặc sủng riêng biệt trong từng hoàn cảnh cụ thể của họ.

Đồng thời với thánh Phanxicô, thánh Đaminh cũng thiết lập Dòng Anh Em Thuyết Giáo, với đoàn sủng giảng thuyết và sống huynh đệ cộng đoàn. Việc đi tìm ý Chúa không hẳn chỉ thể hiện qua ý bề trên, mà còn là sự đồng tâm nhất trí của tất cả anh em trong cộng đoàn. Nhiều gương mặt thần bí của Dòng nổi bật về việc đồng hành thiêng liêng vẫn còn được Giáo hội nhắc đến như tôn sư Eckart, Gioan Tauler, thánh nữ Catarina Siêna...

Kể đến là sự nở rộ của trường phái Cát Minh với việc cảm nghiệm thần bí, nổi bật với những gương mặt sáng ngời về đường tu đức như các thánh tiến sĩ Têrêsa Avila, Gioan Thánh Giá và sau này là Têrêsa Hải Đồng Giêsu. Những vị thánh này đều là những người đồng hành thiêng liêng khôn ngoan và giàu kinh nghiệm. Chẳng hạn trong tập “Con đường toàn thiện”(Le chemin de la perfection), thánh tiến sĩ Têrêsa Avila khuyên nên bàn hỏi với người thông thái, nếu thụ hưởng với người đạo đức, thì “không được để một mình người ấy hướng dẫn, nếu vị này không thông thái” (chương VIII). Trong trường hợp bó buộc phải xung tội với một cha giải tội như vậy, thì hãy tìm một người vẹn toàn cả đức độ và sự thông thái để bày tỏ tâm hồn với vị ấy ngoài toà. [8]

Sau khi rảo qua vườn hoa các thánh tiến sĩ của trường phái Cát Minh, chúng ta tìm hiểu bước ngoặt khác của việc đồng hành thiêng liêng này.

IV. Thời cận và hiện đại

Từ thế kỷ XVI, tại Tây Ban Nha đã xuất hiện một trường phái linh đạo mới: trường phái của Dòng Tên, do thánh Inhaxiô sáng lập. Việc đồng hành thiêng liêng được thực hiện nghiêm ngặt theo các bước trong tập Linh thao do chính thánh Inhaxiô viết ra. [9]

Sang thế kỷ XVIII, việc linh hướng lại mang một sắc thái có vẻ khắt khe và nghiêm huấn. Vị linh hướng thẩm định rồi ra lệnh cho người thụ hưởng phải răm rắp thi hành. Vai trò người đồng hành nhiều khi lấn át cả tự do của người thụ hưởng, thứ tự do mà Thần Khí “muốn thối đâu thì thối”.

Dần dà, Giáo hội cũng nhìn ra sự khác biệt căn bản giữa việc đồng hành thiêng liêng và việc quản trị. Linh hướng không phải chỉ là việc dành riêng cho các linh mục, tu sĩ, chủng sinh, mà còn cần thiết cho mọi thành phần dân Chúa khác. Việc linh hướng phải được cởi mở trong mối tương quan tự do giữa hai người, và trong mối tương quan giữa họ với Thiên Chúa.

Giáo luật cũng phân biệt rõ ràng chức năng linh hướng và bề trên nhằm bảo vệ tự do lương tâm của mỗi người. [10] Bởi lẽ mỗi cá nhân đều “sống động hoá do thần khí Thiên Chúa” và được chính Thần Khí thúc đẩy để nhận ra thánh ý Chúa trong cuộc đời mình, từ đó “họ vâng theo thánh ý Chúa Cha”, [11] “họ quyết định về tương lai của mình dưới cái nhìn của Chúa” [12] và tùy ơn gọi hay đặc sủng mà góp phần xây dựng Nước Chúa ở trần gian. [13]

So sánh những biến chuyển của việc đồng hành thiêng liêng, ta thấy vai trò của vị đồng hành cũng có nhiều quan niệm khác nhau. Theo linh mục Phan Tấn Thành, có thể hiểu việc đồng hành thiêng liêng theo hai nghĩa khác biệt: [14]

- Theo nghĩa chặt: kể từ thế kỷ XVI, vị linh hướng được quan niệm như một bậc thầy theo dõi việc đào tạo tâm linh. Vị này thường là do một linh mục khôn ngoan, từng trải về đạo lý cũng như kinh nghiệm thực hành. Việc linh hướng thường

được đặt ra cho những người tìm hiểu hay quyết định ơn gọi tu trì, hoặc khi họ gặp khủng hoảng tinh thần.

Tuy nhiên, việc đồng hành thiêng liêng không chỉ giới hạn trong những trường hợp đặc biệt, nhưng có thể thường xuyên hơn. Vị linh hướng trở thành nhà giáo dục về cầu nguyện, việc thực hành nhân đức, việc khử trừ tật xấu... Việc linh hướng có thể gắn liền hoặc tách biệt khỏi bí tích Hoà giải.

- Theo nghĩa rộng: Thánh Linh tiếp tục ban cho cộng đoàn những đoàn sủng để hướng dẫn các tín hữu tiến bước trên đường nhân đức. [15] Vị linh hướng không nhất thiết phải là linh mục, nhưng có thể là một giáo lý viên, ông trùm, bà quản... Họ là những người giúp chúng ta nhận ra, và biết cách thực thi ý Chúa trong cuộc sống hằng ngày.

Tóm lại, dù hình thức và chức năng của việc đồng hành thiêng liêng có thay đổi theo dòng thời gian, nhưng nền tảng cũng chỉ là một, đó là chương trình quan phòng của Thiên Chúa muốn cho Hội thánh trở thành công cụ để Người ban ơn cứu độ cho con người.

Bây giờ chúng ta bước sang phần thứ II, bàn về các mối tương quan trong việc đồng hành thiêng liêng.

Về việc phân định, chúng tôi đã bàn tới ở phần I, chương III; riêng phần nói về lịch sử hình thành này, chỉ xin nhắc lại những nét đặc trưng của việc đồng hành thiêng liêng qua mỗi thời kỳ, mà không dừng lại phân tích sâu xa từng nét đặc trưng ấy.

[1] Về việc phân định, chúng tôi đã bàn tới ở phần I, chương III; riêng phần nói về lịch sử hình thành này, chỉ xin nhắc lại những nét đặc trưng của việc đồng hành thiêng liêng qua mỗi thời kỳ, mà không dừng lại phân tích sâu xa từng nét đặc trưng ấy.

[2] Xc. Hoàn Sơn, Thần học thiêng liêng, tập II, tr. 662.

[3] Ẩn tu thường sống một mình, và đan tu sống thành cộng đoàn tu trì. Thánh Antôn (250-356) khai mở đời sống ẩn tu, thánh Pacôme (288-346) sáng lập phong trào đan tu và ngài đã viết bản luật đầu tiên cho cộng đoàn đan tu. Sau này, chính thánh Basiliô Cả (330-397) là người tổ chức lối sống đan tu thành cộng đoàn quy củ (Xc Lm. Gs Đoàn Thiệu, Lược sử linh đạo Kitô giáo, tr. 60-66).

[4] Những khí giới chính cần phải trang bị đó là cầu nguyện, lao động và giữ chay. Cầu nguyện là bốn phần đầu tiên của một đan sĩ; lao động gắn liền với cầu nguyện và làm nên nhịp độ một ngày sống; và việc giữ chay còn được đánh giá cao hơn cả lao động, đây là việc làm giúp thân xác quy phục tinh thần (Xc. Sđd tr. 69).

[5] Đời sống đan tu xuất hiện ở Tây phương sau Đông phương một thế kỷ, phát triển chậm hơn nhiều, và phải mất nhiều thời gian mới đi sâu vào đời sống khổ hạnh, đặc

tính của đời đan tu. Nhưng một khi đã ổn định, đời sống đan tu Tây phương lại vượt xa Đông phương về sự phồn thịnh (Xc Sđd tr. 70).

[6] Xc. Hoành Sơn, Thần học thiêng liêng, tập II, tr. 664-666.

[7] Bài giảng lễ kính thánh Biển Đức, Oeuvres Completes, t. 12, Paris 1863, tr 165 (Trích lại theo Lm. Gs. Đoàn Thiệu, Lược sử linh đạo Kitô giáo, tr. 84-85).

[8] Xc. Hoành Sơn, Thần học thiêng liêng, tập II, tr. 667.

[9] Cuộc linh thao gồm 4 tuần lễ:

Mở đầu, thánh Inhaxiô nói về ý nghĩa và nền tảng của đời sống Kitô giáo. Sau đó, thánh nhân dạy về việc xét mình riêng từng vấn đề và xét mình tổng quát, xưng tội, rước lễ và 5 bài suy niệm về tội và hỏa ngục.

Tuần thứ hai: suy niệm về nước Chúa Kitô, về các mầu nhiệm cuộc đời Chúa Cứu Thế cho đến năm 30 tuổi.

Tuần thứ ba: gồm các bài suy niệm về cuộc khổ nạn của Chúa Kitô.

Tuần sau cùng: dành để suy niệm về các mầu nhiệm đời sống vinh quang của Đấng Cứu Thế. Trong tuần lễ này có bài suy gẫm thời danh về “chiêm niệm để đạt được tình yêu”.

Thêm vào đó là phần phụ trương gồm những lời giáo huấn về 3 cách thức cầu nguyện, 5 quy tắc đời sống cầu nguyện, 2 quy tắc để biện phân điều thiện điều ác, một để phân phát thích hợp các của bố thí, một giúp tránh bối rối, và sau cùng là 18 quy tắc thời danh về “Đồng cảm với Giáo hội” (Xc. Đoàn Thiệu, OP. Lược sử linh đạo Kitô giáo, tr. 174).

[10] Xin đan cử một vài số trong Giáo luật:

Điều 240,2: trong việc quyết định chấp nhận các chủng sinh tiền chức hoặc thải hồi khỏi chủng viện, không được hỏi ý kiến của linh mục linh hướng và các linh mục giải tội.

Điều 630,5: các thành viên hãy tin tưởng đến với các bề trên, họ có thể tự do bộc lộ tâm hồn mình, nhưng cấm các bề trên dùng bất cứ cách nào bắt họ bày tỏ lương tâm với mình.

[11] Xc. LG. số 41.

[12] Xc. GS. số 14.

[13] Xc. LG. số 12,31.

[14] Xc. Phan Tấn Thành, Giáo trình bí tích Hoà giải, tr. 82-83.

[15] Xc. GLCG số 2690.